

PGS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc
NXBGD tại TP. HÀ NỘI NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên tập nội dung và sửa bản in :

TRẦN VĂN THẮNG

Trình bày bìa:

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chế bản:

ĐỨC HIẾU

**ĐƠN VỊ LIÊN DOANH LÀ VÀ PHÁT HÀNH :
TRUNG TÂM SÁCH KHUYẾN HỌC TẠI TP. HÀ NỘI**

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục nhân cách toàn diện là mục tiêu cơ bản của hệ thống giáo dục quốc dân và đang là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Trong xã hội hiện đại, chất lượng con người với các tiêu chí về phẩm chất và năng lực đang đòi hỏi toàn xã hội phải dốc sức trong cuộc cạnh tranh toàn cầu. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, mô hình nhân cách có thể có những yêu cầu mới khác nhau, song quy luật về sự hình thành và phát triển nhân cách con người vẫn phải là vấn đề cơ bản, cốt lõi của lý luận và thực tiễn giáo dục. Lý luận mác-xít về sự hình thành và phát triển con người trong bối cảnh xã hội cụ thể đã được C.Mác khẳng định trong luận điểm nổi tiếng: “ ... Song bản chất con người không phải là cái trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội” . (C.Mác - Luận cương về Phơ Bách (1845) - Tuyển tập, tập II, NXB Sự thật, H., 1971, tr.492). Trong những quy luật chung nhất của giáo dục, quy luật giáo dục có một liên hệ quy luật và phù hợp với các điều kiện về môi trường bên ngoài là quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế xã hội vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng giáo dục về cơ bản vẫn nằm trong cơ chế bao cấp còn rất nặng nề. Do đó, có sự không phù hợp giữa xã hội và nhà trường, đây là một hiện tượng không hợp quy luật. Mâu thuẫn này không được giải quyết thì chất lượng giáo dục chắc chắn không được nâng lên.

Đã từ lâu lý luận khoa học giáo dục đã quan tâm đến nghiên cứu vấn đề môi trường giáo dục. Trong các khoa học nghiên cứu về con người như Xã hội học, Triết học, Tâm lí học, Giáo dục học... đều có cơ sở xuất phát từ các

luận điểm cơ bản của triết học duy vật biện chứng. Đây là các quan điểm, phương pháp luận đúng đắn để nghiên cứu sự phát triển con người trong điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Các kết quả nghiên cứu về con người trong “tính hiện thực của nó” đã đặt nền móng cho các nghiên cứu tiếp theo. Môi trường giáo dục, môi trường văn hoá và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến con người đã được xem xét ở nhiều bình diện từ vi mô đến vĩ mô. Điều kì diệu của con người phát triển qua các thời kì văn minh là ở chỗ, không những con người có sự tiếp ứng, thích nghi một cách thông minh với các tác động môi trường mà quan trọng hơn là đã dần dần thấu hiểu và điều chỉnh được các tác động đó theo hướng có lợi cho con người. Môi trường văn hóa giáo dục là đối tượng nghiên cứu của khoa học giáo dục. Tiếp cận vấn đề trên đòi hỏi phải có tri thức và phương pháp luận của nhiều chuyên ngành khoa học. Dù tiếp cận từ vấn đề chung hay nghiên cứu các hoạt động giáo dục và dạy học cụ thể đều không thể tách khỏi vấn đề hoạt động của con người trong môi trường giáo dục nhân cách, trong môi trường giáo dục.

Vấn đề đặt ra hiện nay là trong sự biến đổi nhanh chóng của môi trường tự nhiên và xã hội, con người đang phát triển như thế nào. Cụ thể hơn là hiện trạng của môi trường văn hoá giáo dục trong phạm vi trường học cần được đánh giá cùng với sự tác động của các yếu tố môi trường hoàn cảnh đến người học đang diễn ra theo quy luật nào và sự kiểm soát của

giáo dục đến đâu. Trong sự tác động đó, vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách cần được hiểu như thế nào và kết quả thực sự của nó đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội hay không. Chức năng giáo dục của môi trường văn hoá, môi trường khoa học kĩ

thuật và công nghệ... đã được nghiên cứu nhưng cần phải triển khai cụ thể. Đặc biệt là trong hệ thống các trường sư phạm khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục được thực hiện trong bối cảnh mới đã đạt được các kết quả nhất định, nhưng cũng xuất hiện các dự báo cần điều chỉnh theo định hướng giáo dục mới.

Mục đích của cuốn sách là nhằm đánh giá tác động của môi trường văn hoá giáo dục đến quá trình đào tạo giáo viên tại một số cơ sở đào tạo để xác định các giá trị, các yếu tố cơ bản trong hệ thống tác động của môi trường vì mô và vĩ mô. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhân cách trong môi trường đang biến đổi tại các địa phương khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

Nội dung cơ bản cần làm sáng tỏ là các quy luật tác động của môi trường văn hoá giáo dục đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách; phân tích các nguyên nhân, thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển môi trường văn hoá giáo dục tại các trường trong phạm vi nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp cơ bản: nghiên cứu lí thuyết, điều tra, quan sát, phỏng vấn, hội thảo... Các số liệu điều tra giới hạn trong các trường sư phạm gồm 1 trường đại học và 3 trường cao đẳng sư phạm. Những thông tin nghiên

Cứu có thể sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu về khoa học giáo dục trong các trường sư phạm *

* các số liệu từ kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN cấp Bộ, mã số B2003-03-47 TĐ: *nghiên cứu phát triển môi trường văn hoá giáo dục ở các trường đại học, cao đẳng miền núi phía Bắc Việt Nam* do tác giả chủ trì,

Đối tượng sử dụng tài liệu là sinh viên chuyên ngành Tâm lí - Giáo dục học, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tài liệu chuyên khảo này nhằm bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu về khoa học giáo dục. Chúng tôi trân trọng cảm ơn các góp ý quý báu của các Thầy giáo, Cô giáo và những đóng góp của các cộng sự. Trong quá trình hoàn thiện tài liệu này không tránh khỏi thiếu sót, tác giả mong nhận được sự góp ý của độc giả.

Tác giả

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

I. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Theo từ điển Anh - Việt (Viện Ngôn ngữ học, NXB TP. Hồ Chí Minh) khái niệm môi trường (environment) là *điều kiện, hoàn cảnh, những sự vật xung quanh; sự bao quanh, sự bao vây, sự vây quanh làm tác động đến đời sống của mọi người*. Môi trường luôn có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển mọi mặt của con người. Những ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài của môi trường đến cuộc sống con người đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học.

Ảnh hưởng của môi trường đến năng suất lao động được các nhà tâm lí học lao động nghiên cứu tập trung vào môi trường vi mô, những điều kiện như: nhiệt độ, màu sắc, âm thanh, khung cảnh, mối quan hệ liên nhân cách của nhóm nhỏ; những yếu tố điều kiện, hoàn cảnh trên đây tác động mạnh đến chất lượng công việc. Điều đó giúp cho việc thiết kế môi trường vi mô, tổ chức quản lí sản xuất để đạt được năng suất cao nhất.

Ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển nhân cách con người được các nhà Giáo dục học quan tâm từ lâu. Nhà Tâm lí học Mỹ Kenloc (1923) đã nuôi trong cùng môi trường một con khỉ 10 tháng tuổi và cậu con trai 8 tháng tuổi của mình để so sánh ảnh hưởng của môi trường đến con khỉ và con người. Đã có nhiều ví dụ để chúng ta hiểu về vai trò của môi trường sống đối với con vật hoặc con người đều rất quan trọng, nhưng tác động của môi trường

sống của con người không thể làm thay đổi *bản chất dã thú* của con vật Ngược lại, môi trường của loài vật có thể tác động mạnh vào *bản chất người* của con người. Ví dụ, cô bé Kamala bị lạc vào rừng sông cùng bầy sói trong thời gian dài, có thể hú lên như sói, khi trở lại môi trường của con người, người ta dạy cô 4 năm, chỉ nhớ được 2 từ. (Dẫn theo Hoàng Vinh - *Mấy vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta*, Viện Văn hoá, H.,1999, tr. 129). Nhà Xã hội học Mỹ R.E Pác-cơ đã nói: “ *người không đẻ ra người, đứa trẻ chỉ trở nên người trong quá trình giáo dục* ”. Điều này khẳng định vai trò của yếu tố môi trường văn hoá, môi trường giáo dục có tính quyết định đối với sự hình thành nhân cách con người. Cuối thế kỉ XIX, khi xuất hiện phương pháp xác định trẻ sinh đôi cùng trứng, đã xuất hiện hướng nghiên cứu về ảnh hưởng của môi trường và di truyền đối với sự hình thành nhân cách cá nhân. Ở Liên Xô (cũ) có công trình của I.I. Canaev (1959), kết quả nghiên cứu đó được công bố trong tác phẩm *Trẻ sinh đôi*. Sau đó vấn đề được tiếp tục bởi Đ.B. Encônhin.

Nhiều nhà tâm lí học Mỹ với các công trình nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng rất quan trọng của môi trường đến sự hình thành nhân cách cá nhân. Những kết quả nghiên cứu có hệ thống đã dần hình thành một chuyên ngành tâm lí học mới: Tâm lí học. môi trường và thường được khái quát trong các tài liệu Giáo dục học, Tâm lí học. Quan điểm chung của Khoa học giáo dục (bao gồm cả Tâm lí học) đều khẳng định vai trò quyết định của yếu tố môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Tiếp đó là vấn đề nghiên cứu, xây dựng môi trường với mục đích để có ảnh hưởng tốt nhất đến dạy học và giáo dục nhân cách thế hệ trẻ.

Về môi trường dạy - học, trước hết phải kể đến những

nghiên cứu của I.V Pavlov và B.F.Skinno. I.V Pavlov nghiên cứu sự hình thành *phản xạ có điều kiện* trong môi trường được kiểm soát chặt chẽ, con vật (con chó) hoàn toàn thụ động. B.F Skinno nghiên cứu sự hình thành *phản xạ tạo tác môi trường* gần với thực tế hơn, con vật (chuột, bò câu...) chủ động trong hành vi đáp ứng trên cơ sở nhu cầu của nó. Nội dung học tập thể hiện ngay trong môi trường mà con vật phải tìm cách thích nghi. Đây là cơ sở lí thuyết để xây dựng kiểu dạy học chương trình hóa, dạy học bằng máy. Từ kết quả nghiên cứu của hai ông, các nhà giáo dục học đã nhận thức được một vấn đề rất quan trọng rằng: *Yếu tố môi trường trong giáo dục không chỉ góp phần quyết định đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người mà quan trọng hơn là yếu tố môi trường thực tế đã kích thích chủ thể (con người) hoạt động năng động và sáng tạo hơn. Việc tạo lập, xây dựng và phát triển môi trường giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng của khoa học giáo dục hiện đại.* So sánh qua hai mô hình thực nghiệm đã cho thấy: môi trường bị động và môi trường chủ động sẽ tác động quyết định đến năng lực hoạt động của con người. Điều đó luôn đúng với bất cứ hoạt động sống nào của con người từ khi còn nhỏ đến khi trưởng thành. Ở phạm vi rộng hay hẹp, hoạt động của con người sẽ không có hiệu quả nếu thiếu vắng yếu tố môi trường.

Đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề môi trường (chủ yếu nghiên cứu về môi trường vật chất) của hoạt động dạy và học, từ đó có những đề xuất về tiêu chuẩn thiết kế phòng học, cách bố trí sắp xếp không gian phòng học... Tuy nhiên, xuất phát từ mô hình dạy học truyền thống, các tiêu chuẩn về phòng học được thiết kế ít biến đổi và điều này làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Từ các kết quả nghiên cứu về môi trường không gian lớp học theo

lối dạy học tích cực, chúng ta phải thừa nhận rằng khái niệm *lớp học* như mô hình hiện nay đang ở trình độ tiêu chuẩn là “ *chỗ ngồi nghe giáo viên nói* ” . Khái niệm *lớp học mới* cần thoả mãn các điều kiện ngoài các tiêu chuẩn về bàn ghế, bảng, cơ sở vật chất tối ưu theo hướng cơ động, linh hoạt, có mạng Internet, các phương tiện nghe nhìn, mặc dầu không gian hữu hạn nhưng thông tin vô hạn và phạm vi giao tiếp là toàn cầu, là hệ thống mở. Từ cách trang trí, màu sắc lớp học đến không gian chuẩn, chỗ ngồi, chất lượng không khí và tác động của các yếu tố như ánh sáng, âm thanh... đều được xem xét cẩn thận. Trong các yếu tố vật chất đa dạng thì điều quan trọng được các nhà giáo dục học quan tâm là một không gian tâm lí, là nơi có nhiều vốn sống của người dạy và người học, người học có thể chọn được chỗ mà ở đó họ cảm thấy thích nghi so với người dạy và các bạn trong lớp học.

Nghiên cứu môi trường tâm lí - xã hội của nhóm (lớp học, khối, trường...) như vấn đề tương đồng tâm lí, xung đột tâm lí... đã đạt được những kết quả nhất định. Nghiên cứu về môi trường dạy học phải kể đến công trình của Jean - Marc Denomme & Madeleine Rây về phương pháp sư phạm tương tác [6]. Trong đó, mô hình quen thuộc. Người dạy - Người học - Tri thức được chuyển thành: Người dạy - Người học - Môi trường. Tác giả coi môi trường là yếu tố tham gia trực tiếp đến quá trình dạy học chứ không đơn thuần chỉ là nơi diễn ra hoạt động học. Đặc biệt, tác giả đi sâu vào các yếu tố môi trường của việc học, các yếu tố môi trường của việc dạy. Trên cơ sở đó, các tác giả đã nhấn mạnh đến một quy luật quan trọng: môi trường ảnh hưởng đến người dạy, người học; người học và người dạy phải thích nghi với môi trường. *ảnh hưởng* và *thích nghi* đó chính là hệ quả của phương pháp sư phạm tương tác liên

quan đến môi trường. Từ đầu thế kỉ XX, Dimitri Glinos đã viết: “*Giáo dục phải thích ứng với những hoàn cảnh luôn thay đổi đối phó với những vấn đề mới, những nhu cầu mới và thường xuyên đòi hỏi những kĩ năng mới... Trong một thời gian dài, nền giáo dục đã không thể thích ứng được với các hoàn cảnh mới và gắn với các nhu cầu thực tế. Khoảng cách giữa giáo dục và cuộc sống ngày càng lớn và bây giờ, điều chúng ta cần không chỉ là một cuộc cải cách mà phải là một cuộc cách mạng để tái lập lại mối tương quan giữa giáo dục và cuộc sống*”. (Dẫn theo tài liệu *Chân dung những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu*, NXB Thế giới, H., 2005; tr.206).

Emile Durkheim quan niệm *môi trường học đường* bao hàm cả lớp học và việc tổ chức lớp học, như một sự liên kết có phạm vi rộng hơn gia đình và không trừu tượng như xã hội. Một lớp học không đơn thuần chỉ là một khối kết dính các cá nhân độc lập với nhau mà còn là một xã hội thu nhỏ. Trong lớp học, học sinh suy nghĩ, hành động và cảm nhận khác với khi chúng tách rời nhau...

(Sđd; tr. 54-55). Những quan điểm trên đây đã có trước hàng thế kỉ, nhưng đến nay vẫn trở thành vấn đề thời sự của khoa học giáo dục. Tiếp cận vấn đề môi trường giáo dục theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-lênin, đặc biệt là từ các kết quả nghiên cứu của giáo dục học Xô Viết, các nhà Giáo dục và Giáo dục học ở Việt Nam còn chú ý đến môi trường sinh thái, môi trường giáo dục của nhà trường phổ thông. Chẳng hạn như xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp môi trường giao tiếp có văn hóa trong nhà trường phổ thông, kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để tạo môi trường giáo dục tốt đẹp trong giáo dục học sinh. Về phương diện môi trường sinh thái, từ tháng 10 năm 2001, Chính phủ đã phê duyệt dự án giáo dục môi trường (dự án VIE/98/018).

Nội dung tập trung vào lĩnh vực môi trường sinh thái, cảnh quan. Trong nội dung giáo dục môi trường mà dự án đề cập có khái niệm *đạo đức môi trường*. Đó là hệ thống các giá trị (hành vi, ứng xử, sự tôn trọng...) mà con người thể hiện với nhau và với thiên nhiên.

Theo nghĩa rộng nhất thì môi trường là tập hợp các điều kiện và hiện tượng bên ngoài có ảnh hưởng tới một vật thể hoặc sự kiện. Bất cứ vật thể, sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến theo các chiều hướng khác nhau trong sự tác động của tập hợp những tác động vốn không thuộc bản thân chúng. Đó là môi trường của sự kiện, vật thể đó.

Môi trường sống của con người là tổng hợp các điều kiện tự nhiên và xã hội bao quanh con người và có ảnh hưởng tới sự sống và sự phát triển của từng cá nhân cũng như cả cộng đồng người và tác động qua lại với hoạt động sống của con người.

Về phân loại, môi trường sống của con người gồm: môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, môi trường nhân tạo. Trong các loại môi trường nói trên, môi trường xã hội có ý nghĩa rất quan trọng với sự phát triển của con người. Môi trường xã hội là tổng thể các quan hệ giữa con người với con người tạo nên sự thuận lợi hoặc trở ngại cho sự tồn tại và phát triển của cá nhân cùng cộng đồng của họ.

Môi trường sống của con người là một phạm trù hẹp hơn so với phạm trù môi trường. Theo tác giả Lưu Đức Hải (*Cơ sở khoa học môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.15-17), môi trường sống thực hiện nhiều chức năng với con người, cụ thể như sau:

- Là không gian sống của con người. Mỗi người trong quá trình sống đều có không gian cần thiết cho các hoạt động như nhà ở, đất đai... dùng để sản xuất, tái tạo chất

lượng môi trường sống. Yêu cầu về không gian sống của con người thay đổi theo trình độ phát triển của kỹ thuật, công nghệ và sản xuất. Trình độ phát triển của loài người càng cao thì nhu cầu về không gian sản xuất càng giảm. Tuy nhiên, nhu cầu về không gian sống của con người không bao giờ mất đi. Sự sáng tạo của con người cho phép họ có thể tạo ra những thay đổi đáng kể về không gian sống của mình. Con người có thể gia tăng không gian sống bằng việc khai thác và chuyển đổi chức năng sử dụng của các loại không gian khác nhau. Điều đáng chú ý là, con người luôn cần và vươn tới một chất lượng tốt của không gian sống. Vì vậy, con người cần đến một thời gian xác định để cải tạo môi trường sống đã bị các loại hoạt động khác nhau của con người làm suy giảm. Chẳng hạn, xu hướng chung của con người là kiến tạo môi trường không gian sống như thiết kế nhà ở theo hướng tiếp cận hài hoà với thiên nhiên, gần với mô hình biệt thự, mô hình trang trại... đang phát triển hiện nay.

- *Môi trường là nguồn tài nguyên của con người.* Môi trường là nơi con người khai thác nguồn vật liệu và năng lượng cần thiết cho hoạt động sản xuất và cuộc sống như: Đất, nước, khoáng sản và các dạng năng lượng khác... Nguồn tài nguyên của môi trường là có hạn, vì thế, cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ, con người cần thiết phải có kế hoạch khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của môi trường nhằm tránh nguy cơ cạn kiệt tài nguyên của môi trường. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục là định hướng cho thế hệ trẻ tư tưởng cơ bản là *sáng tạo ra tài nguyên* chứ không phải chỉ là tìm cách tiêu thụ, chiếm lĩnh tài nguyên môi trường đang có. Lối sống tích cực, có trách nhiệm của con người trong môi trường tài nguyên chính là sự trân trọng,

lo lắng, suy nghĩ về những thảm họa do chính mình tạo ra. Ví dụ, những nỗi lo về thiếu nước, không khí sạch, đất bị ô nhiễm nặng, về hành vi sử dụng chất độc hại trong thực phẩm... là điều có thật, giá trị của những “ sản vật” do thiên nhiên ban tặng cho con người ngày càng hiếm bởi sự tiêu phí của chúng ta.

- *Môi trường là nơi chứa đựng phế thải.* Những phế thải do hoạt động và sinh hoạt của con người tạo ra thường được đưa trở lại môi trường. Tại đây, các cơ chế khác nhau của môi trường và đặc biệt là hoạt động của vi sinh vật mà phế thải được biến đổi thành các dạng ban đầu trong một chu trình phức tạp. Khả năng tiếp nhận và phân huỷ chất thải của môi trường (trong điều kiện chất lượng môi trường khu vực tiếp nhận không thay đổi) được gọi là khả năng nền của môi trường. Khi chất thải có khối lượng lớn hơn khả năng nền, hoặc các thành phần của chất thải khó phân huỷ và xa lạ với sinh vật thì chất lượng môi trường sẽ bị suy giảm. Sự suy giảm của môi trường ở mức độ cao được gọi là ô nhiễm. Giáo dục môi trường cho thế hệ trẻ là một nhiệm vụ cấp bách hiện nay, trong đó trọng tâm là giáo dục một lối sống tiết kiệm, lối sống vì cộng đồng và vì sự phát triển bền vững. (Xem thêm: Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Khoa học môi trường*, GS. Lê Văn Khoa (chủ biên), NXB Giáo Dục, 2001., tr.8-12).

Khi bàn về vấn đề này, cần trích dẫn lại sách trắng của Nhật Bản đã viết: “ *Chúng ta có thể rút ra những bài học từ những nền văn minh tự huỷ diệt do chính con người huỷ hoại môi trường*” . Việc nổ bom nguyên tử trước hết liên quan đến lương tâm và trách nhiệm của các nhà vật lí hạt nhân, thì trong việc huỷ hoại môi trường sống, hầu hết các nhà hoạt động khoa học kĩ thuật đều liên đới chịu trách nhiệm. (Dẫn theo Đoàn Xuân Mượn - *Tiên bộ khoa học*,

nhìn từ phía trái, NXB Khoa học xã hội, H., 1999, tr.13). Khi nghiên cứu môi trường trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể của xã hội, xuất hiện những khái niệm như môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa, môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, môi trường sản xuất, môi trường sư phạm. Khi nghiên cứu những đối tượng cụ thể thì cũng xuất hiện quan niệm môi trường hiểu ở phạm vi rất hẹp, ví dụ như môi trường tế bào. Khi xem xét ở phương diện đánh giá, có môi trường thân thiện, môi trường phát triển, môi trường tích cực hay tiêu cực..

Gần đây có một số công trình nghiên cứu về môi trường giáo dục, môi trường văn hóa giáo dục của các tác giả: Vũ Thị Sơn: *Về môi trường học tập trong lớp* (Tạp chí Giáo dục, số chuyên đề 102/2004); Đặng Thành Hưng: *Thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập* (Tạp chí Giáo dục, 2/2005); Ngô Tú Hiền: *Tìm hiểu một số ảnh hưởng của môi trường văn hoá đối với sự phát triển thẩm mỹ của học sinh nông thôn nước ta* (Tài liệu Viện Khoa học giáo dục); Là Văn Mến: *Nghiên cứu xây dựng môi trường sư phạm nhằm tăng cường giáo dục phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm Nam Định* (Đề tài KHCN cấp tỉnh, Nam Định, 2004). Gần đây có công trình của PGS.TS. Trần Đức Minh: *Xây dựng môi trường sư phạm trong trường cao đẳng sư phạm - nhận thức và hành động thực tiễn* (Tạp chí Giáo dục, số 1 16/6-2005). Theo tác giả Trần Đức Minh, khái niệm môi trường sư phạm gồm các thành tố cơ bản sau đây: “ ... Là một tổ chức học tập, hạt nhân của một xã hội học tập. Môi trường chứa đựng tổ chức học tập là môi trường giáo dục tốt mà ở đó từ nhận thức đến hành động, mọi thành viên trong trường đều nêu gương về kỉ cương, tình thương trách nhiệm và có khát vọng học tập không ngừng. Giảng viên gương mẫu trong dạy học, trong

ngiên cứu khoa học, trong nền nếp chuyên môn, trong tự học, tự bồi dưỡng, luôn đạt được các thành tựu mới trong các nấc thang chuyên môn của mình, giảng dạy có uy tín có chất lượng. Đặc biệt, họ phải luôn luôn có ý thức, có năng lực và tư duy đổi mới cách dạy cách học, tích cực tìm tòi, khám phá nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả đào tạo và bồi dưỡng. Cán bộ công chức trong nhà trường phải gương mẫu trong công tác phục vụ dạy học, toàn tâm toàn ý với công việc mình đảm nhiệm... Sinh viên phải gương mẫu trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện, có động cơ và thái độ học tập đúng đắn, học để lập thân, lập nghiệp... ; môi trường sư phạm có mối giao tiếp sư phạm đẹp: các thành viên trong trường có lối sống, lối ứng xử sư phạm, có thói quen làm việc thiện chí, thân thiện... ; môi trường sư phạm là nơi có đội ngũ quản lý và phương thức quản lý có hiệu quả, có sự thay đổi căn bản trong lề lối quản lý - quản lý trên cơ sở lấy hệ thống các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng làm công cụ, đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục...; môi trường sư phạm có các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao sôi nổi, có ý nghĩa giáo dục thiết thực, góp phần làm lành mạnh hoá môi trường giáo dục... ; môi trường sư phạm còn phải là môi trường có kiến trúc hài hoà, hợp lí, tiện ích, có cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có chất lượng cuộc sống không ngừng được cải thiện... “ . [7] Tác giả Edward Rây Krisnan (Mission College -Thailand) trong bài viết “ *Hãy để sinh viên học trong bầu không khí ôn ào*” (Tạp chí Giáo dục, số 119, 8/2005) đã viết: “ ... *Đưa trẻ học rất nhanh trong những năm thơ ấu của cuộc đời, bởi vì thực tế không có ai thực sự dạy em mà chính bản thân em đóng vai trò tích cực trong việc học tập của thân... Hãy suy nghĩ về các môi trường quanh đứa trẻ... trong hầu hết các trường hợp, trẻ em học cách tư duy trong những môi trường không theo*

khuôn phép, không nghiêm ngặt và rất linh hoạt ở nhà, ở sân chơi, ở cửa hiệu, trong gia đình...; để phát triển tư duy cảm giác và hình thành kỹ năng tư duy phân tích cho sinh viên, cần tạo ra những môi trường học tập tự do hơn cho các em” . Tác giả có 10 khuyến nghị cho vấn đề trên, gồm: “ Chỉ dẫn và tạo phương tiện cho sinh viên liên tục tự học thông qua sự khám phá, tư duy cảm xúc; cho phép sinh viên ồn ào một cách có ích trong lớp học; hãy để cho sinh viên trao đổi các ý tưởng; hãy để sinh viên bận rộn và chìm đắm trong những ý tưởng riêng của các em và của các bạn; hãy tạo một bầu không khí vui vẻ trong lớp học; hãy để các em làm việc gì đó...; cho phép sinh viên mắc sai lầm; hãy để sinh viên dạy học lẫn nhau; khuyến khích sinh

viên bày tỏ cảm xúc trong quá trình học tập; sinh viên là người khích lệ giáo viên và hãy để điều đó xảy ra:..” .

Những ý kiến mới mẻ về môi trường học tập, môi trường giáo dục trên đây rất đáng quan tâm. Từ những nội dung phân tích này có thể gợi mở những hoạt động xây dựng và phát triển môi trường giáo dục trong hệ thống các cơ sở đào tạo giáo viên ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

Theo *Từ điển văn hoá giáo dục Việt Nam* (GS. Vũ Ngọc Khánh biên soạn, NXB Văn hoá - Thông tin, H., 2001) thì khái niệm môi trường được hiểu là toàn bộ những nhân tố bao quanh con người hay sinh vật và tác động lên cuộc sống của nó. Quá trình hình thành nhân cách và sự phát triển nhân cách chỉ có thể thực hiện trong một môi trường nhất định. Môi trường tạo nên động cơ, mục đích, cung cấp phương tiện cho hoạt động và giao lưu cá nhân. Song ảnh hưởng của môi trường còn tùy thuộc vào thái độ của cá nhân (chấp nhận, tiếp thu hay phản đối) và tùy vào xu

hướng và năng lực. Do đó, giáo dục phải hướng vào việc xây dựng cho trẻ những định hướng đúng đắn để tiếp nhận những ảnh hưởng tốt đẹp của môi trường, đồng thời có khả năng chống lại những ảnh hưởng xấu. Nhận thức không đúng về vai trò của môi trường trong sự phát triển nhân cách sẽ dẫn đến những quyết định sai lầm, ví dụ quá đề cao hay tuyệt đối hoá yếu tố môi trường sẽ hạ thấp vai trò của giáo dục. Ngược lại, hạ thấp hoặc vai trò của yếu tố môi trường sẽ dẫn đến phủ định tính quy định của xã hội đối với sự hình thành phát triển nhân cách con người.

Môi trường giáo dục còn là toàn bộ cơ sở vật chất, tinh thần mà trong đó con người được giáo dục đang sống, lao động và học tập được sử dụng nhằm tác động đến sự hình thành nhân cách của họ phù hợp với mục đích giáo dục đã định. Môi trường giáo dục rất đa dạng, có thể phân chia một cách tương đối thành môi trường xã hội (gồm môi trường gia đình, môi trường nhà trường...) và môi trường tự nhiên. Đối với lứa tuổi nhỏ, môi trường gia đình và môi trường nhà trường có tác động trực tiếp trong quá trình hình thành nhân cách. Các môi trường này tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau, do đó cần được tổ chức theo một cơ chế chặt chẽ, hợp lí nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ.

Ở một phương diện khác, môi trường giáo dục là tập hợp không gian với các hoạt động xã hội của cá nhân, các phương tiện và giao lưu được phối hợp với nhau tạo điều kiện thuận lợi để giáo dục đạt kết quả cao nhất. Nhiệm vụ chăm lo sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và phát triển môi trường giáo dục lành mạnh đã trở thành chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đã được xác định trong *Luật Giáo dục* để mọi cá nhân và tổ chức phải thực

hiện. Do đó, việc xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển môi trường văn hoá giáo dục cho thế hệ trẻ là trọng tâm của ngành Giáo dục, nhưng để hoàn thành được nhiệm vụ quan trọng này đòi hỏi phải có sự quan tâm của toàn xã hội. Xác định mục tiêu chung của giáo dục là phát triển toàn diện nhân cách thế hệ trẻ, để giáo dục được một con người trưởng thành là một việc rất khó nhưng cũng rất vĩ đại. Những nỗi đau về con em chúng ta đang hư hỏng, đang chết dần bởi ma túy, bởi các tệ nạn xã hội... đang là vấn đề cấp bách phải quan tâm giải quyết. Do bản chất nhân văn của giáo dục, cùng với đạo lí và lẽ sống tình người đang thôi thúc chúng ta phải góp một viên gạch vào xây dựng một môi trường sống tốt đẹp cho mọi người.

Phạm vi tài liệu này đề cập chủ yếu đến vấn đề môi trường văn hoá giáo dục (môi trường sư phạm), tuy nhiên khi nghiên cứu lại phải đề cập đến hàng loạt các khái niệm liên quan như: Văn hoá, Giáo dục, Phát triển môi trường văn hoá, môi trường giáo dục... từ các góc nhìn của xã hội học, văn hoá học, giáo dục học.

Theo GS.VS. Phạm Minh Hạc, giáo dục và văn hoá là hai phạm trù lớn có quan hệ mật thiết. Giáo dục là con đường đặc trưng cơ bản để loài người tồn tại và phát triển; văn hoá là gieo trồng, lĩnh hội và sáng tạo các giá trị trong quá trình con người, cộng đồng, dân tộc, loài người sinh sống và hoạt động. Văn hoá được duy trì và phát triển bằng con đường giáo dục, tự giáo dục; các giá trị đó là kinh nghiệm, vốn sống, tri thức (học vấn) là toàn bộ sự phong phú tinh thần và vật chất của mỗi người và cả cộng đồng. Văn hoá và giáo dục rất gắn bó với nhau như hình với bóng. Giáo dục, văn hoá trực tiếp phục vụ phát triển người bền vững, phát triển nguồn lực người, qua đó trực tiếp phục vụ phát triển xã hội - kinh tế Hoạt động học tập gắn liền với

hoạt động lao động sáng tạo ra mọi giá trị Tri thức, kỹ năng gắn liền với thái độ, trước hết là thái độ tích cực tham gia vào công cuộc đổi mới xã hội, tích cực đem tri thức học hỏi vào hành nghề, áp dụng vào cuộc đời đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Liên theo đó là thái độ ứng xử tử tế, văn minh, lịch sự thể hiện cả trong sản xuất, công tác cũng như trong quan hệ gia đình, bạn bè, vợ chồng, cộng đồng tập thể... Đó là lối sống văn hoá chứa đựng các giá trị truyền thống của cộng đồng, dân tộc và loài người. (Dẫn theo Phạm Minh Hạc: *Phát triển văn hoá, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc kết hợp với tinh hoa nhân loại*, NXB Khoa học xã hội, H., 1996, tr.79-80).

Chức năng bao trùm của văn hoá là chức năng giáo dục. Nói giáo dục là nói đến việc định hướng xã hội, hướng lí tưởng, đạo đức và hành vi của con người vào điều hay lẽ phải, theo đúng những chuẩn mực xã hội. Văn hoá là một trong những khái niệm có sắc thái ngữ nghĩa đa dạng và phong phú. Nó có thể được sử dụng để chỉ phép giao tiếp hợp với chuẩn mực và giá trị xã hội như sự lễ độ, phép lịch sự. Văn hoá cũng được dùng để chỉ một phức thể những đặc điểm vật chất và tinh thần làm nên bản sắc văn hoá riêng của một cộng đồng xã hội nhất định. Nó cũng được dùng khi nói đến trình độ được giáo dục của một con người, hay nói đến hệ thống những giá trị, chuẩn mực có ý nghĩa điều tiết một lĩnh vực hoạt động nhất định.

C Mác và Ph. ăng-ghen là người đầu tiên chứng minh tính chất xã hội của lực lượng bản chất con người. Một trong các lực lượng bản chất ấy là sức lao động, là tài năng sáng tạo của con người. Đó không phải là các lực lượng bẩm sinh xuất hiện một cách tự nhiên mà chúng biến đổi do tác động của các quan hệ xã hội do trình độ phát triển văn hoá. Các lực lượng bản chất người ấy được khách thể hoá

thông qua hoạt động cải tạo thế giới của con người. Chính hoạt động này là phương thức tồn tại và tái sản xuất ra đời sống xã hội.

Nếu phương diện kinh tế của lao động là sự sản xuất ra của cải vật chất thì phương diện văn hoá của lao động chính là *sự sáng tạo* biểu hiện của lực lượng bản chất của con người. Quá trình biểu hiện của các lực lượng bản chất người ấy chính là quá trình sức sáng tạo được vật thể hoá trong hoạt động chiếm lĩnh và cải tạo thế giới, trong đó có bản thân con người.

Theo ý kiến của C. Mác và Ph. ăng-ghe-n, nghĩa thứ nhất của khái niệm lao động đồng nhất với hoạt động sáng tạo, nó là hiện tượng thuộc về bản chất con người, là biểu hiện của tư chất tinh thần và thể chất của con người. Lao động sáng tạo chính là khởi điểm của văn hoá.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “ *Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở, và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn* ” . (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2000, T.3, tr.431). ông Federico Mayor, tổng thư kí UNESCO định nghĩa: “ *Văn hoá là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỉ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân*

tộc” . Không nên coi văn hoá như một hoạt động riêng biệt có tính ngành nghề. Đó là hoạt động nhằm phát huy những năng lực bản chất con người, vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ. Là hoạt động nhằm tạo ra những giá trị, những chuẩn mực xã hội - là môi trường thứ hai, cái nôi nuôi dưỡng sự hình thành nhân cách con người. (Giáo trình *Lí luận văn hoá và đường lối văn hoá của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia, H, 2000, tr.94-95).

Có thể nhận thấy điểm thống nhất gian quan niệm của Bác Hồ với tư tưởng của các nhà sáng lập ra học thuyết mác-xít và các học giả là ở chỗ, các ông đều xem lao động sáng tạo là cội nguồn của văn hoá. Tại hội nghị quốc tế ở Mêhicô (1982) đã đưa ra một quan niệm về văn hoá như sau: Trong ý nghĩa rộng nhất, văn hoá là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hoá bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những tập tục và tín ngưỡng.

Chính văn hoá đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hoá làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dần thân một cách có đạo lý Chính nhờ văn hoá mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên chính bản thân mình. Những vấn đề trình bày trên đây đã cho thấy, lao động sáng tạo là cội nguồn, là khởi điểm của văn hoá, nhưng sáng tạo phải hướng về các giá trị nhân bản, nhằm hoàn thiện con người thì mới trở thành văn hoá đích thực.

Với những phân tích trên, có thể lựa chọn quan niệm: “ Văn hoá là toàn bộ sáng tạo của con người, tích lũy lại trong quá trình hoạt động thực tiễn - xã hội, được đúc kết thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội biểu hiện thông qua vốn di sản văn hoá và hệ ứng xử văn hoá của cộng đồng người: Hệ giá trị xã hội là một thành tố cốt lõi làm nên bản sắc riêng của một cộng đồng xã hội, có khả năng chi phối đời sống tâm lý và mọi hoạt động của những người sống trong cộng đồng ấy” . (Hoàng Vinh: *Mấy vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta hiện nay*, NXB Văn hoá - thông tin, H. 1999, tr.43).

Trong sinh hoạt hàng ngày, thuật ngữ văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng hẹp khác nhau. Văn hoá theo nghĩa rộng được hiểu như một ngành, một lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân, là ngành văn hoá - nghệ thuật và được phân biệt với các ngành kinh tế kỹ thuật. Theo nghĩa hẹp, văn hoá được hiểu là trình độ học vấn hoặc một loại hình nghệ thuật.

Con người đang sống trong một xã hội có tổ chức. Tổ chức được hiểu theo nghĩa rộng là một hệ thống gồm nhiều phân hệ có những mối quan hệ hợp lý rõ ràng, hợp tác và phối hợp chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau trong một tổng thể phát sinh một lực tổng hợp cùng chiều lên một đối tượng nhằm đạt những mục tiêu nhất định.

Trong thực tế, các tổ chức có hình thái hết sức đa dạng, song đều thống nhất với đặc trưng phổ quát ở chỗ đều là một nhóm sự vật kết hợp lại theo hình thức cơ cấu và quy luật vận động đã định. Tổ chức cũng được xem như một chức năng quản lý vì nó là phương tiện hay yếu tố cho các tài nguyên nhân lực hay vật lực gắn liền với nhau để tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh ấn định những hoạt động cần

thiết nhằm đạt mục tiêu đã định như chỉ huy, phối hợp, kiểm tra. Hiệu quả thực hiện chức năng quản lý của tổ chức phụ thuộc lớn vào mức độ văn hoá tổ chức và ngược lại, tác động lớn lao đến sự hình thành và hoàn thiện văn hoá đó.

Văn hoá tổ chức là xác định các định hướng giá trị, các chuẩn mực đạo đức, các quan niệm về vị trí, vai trò của tổ chức trong xã hội mà các thành viên của tổ chức tán thành; tổ hợp các thủ thuật và quy tắc giải quyết vấn đề thích nghi bên ngoài và thống nhất ở bên trong của các thành viên của tổ chức.

Về phương diện nội dung, văn hoá tổ chức bao gồm những mục đích của con người, có cơ cấu quyền lực trong tổ chức, văn hoá lao động, lối sống của các thành viên tổ chức, thái độ làm việc của họ, các truyền thống và các giá trị. Tùy theo mỗi tổ chức cụ thể mà các nội dung đó được biểu hiện khác nhau và một trong những nội dung đó có thể có ý nghĩa quyết định với hoạt động của tổ chức, mà theo đó người ta có thể phân biệt được loại hình văn hoá tổ chức này với loại hình văn hoá tổ chức khác, cũng như biểu hiện của chúng trong môi trường cụ thể. (Xem thêm: Lưu Kiếm Thanh, Đào Văn Bình: *Mấy nhận xét về dịch vụ công nhìn từ góc độ văn hoá chính trị quản lý* - Kỉ yếu Hội thảo: *vai trò của nhà nước trong cung ứng dịch vụ công - thực trạng và giải pháp* - Học viện hành chính Quốc gia, H., 2002, tr.315-322).

Xét từ góc độ phát triển tổ chức, ta thấy phương pháp phát triển tổ chức là một trong những phương pháp hình thành văn hoá tổ chức với nhiệm vụ là hoàn thiện sự hiểu biết lẫn nhau giữa các bộ phận và các thành viên riêng biệt của tổ chức, hợp lý hoá cơ cấu, các quy tắc và chuẩn mực của tổ chức. Sự phát triển ấy đạt được nhờ cải biến định

hướng giá trị của các thành viên tổ chức nhằm vào tính cởi mở, tính cố kết và tinh thần hợp tác. Cũng cần thấy rằng, đây là một trong những tiền đề quan trọng để xây dựng văn hoá tổ chức thông qua tạo lập môi trường các giá trị, niềm tin. Dạy học và giáo dục là một dạng hoạt động xét ở phương diện tổ chức là một hệ thống điển hình cho những điều đã phân tích ở trên. Tóm lại, văn hoá tổ chức được quan niệm là hệ thống những giá trị, niềm tin, sự mong đợi của các thành viên trong tổ chức, tác động qua lại với các cơ cấu chính thức và tạo nên những chuẩn mực hành động.

Văn hoá tổ chức cho phép người ta phân biệt được các tổ chức với nhau thông qua những phương thức điều hành khác nhau. Gọi là văn hóa vì nó hướng tổ chức tới những giá trị về tinh thần và ảnh hưởng đến nếp suy nghĩ, làm việc của các thành viên khi gia nhập vào tổ chức, chấp nhận nó như một truyền thống.

Văn hoá tổ chức ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động, đến phương thức tồn tại và phát triển của tổ chức. Nói cách khác, văn hoá tổ chức là một hệ thống giá trị trong quá trình hoạt động của tổ chức tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các thành viên làm việc trong tổ chức, ảnh hưởng đến cách làm việc của tổ chức và hiệu quả hoạt động của nó trong thực tế.

Với các tổ chức cụ thể, (chẳng hạn như các cơ sở giáo dục) thì văn hoá tổ chức được thể hiện từ những góc độ đặc thù tương ứng với đặc điểm hình thành và hành chức của các tổ chức này. Nhìn từ góc độ phát triển của từng cá nhân, môi trường văn ~ hoá giúp cho con người tiến hành các hoạt động thực tiễn nhằm lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử-xã hội và sáng tạo ra thế giới đối ~ tượng. Nhìn từ góc độ phát triển của toàn xã hội thì môi trường văn hoá lại là nơi

thực hiện các chức năng giáo dục, nhận thức, định mức và tích lũy thông tin và giao tiếp của văn hoá. Có thể nói môi trường văn hoá là khâu trung gian giữa văn hoá của xã hội và văn hoá của mỗi người. Môi trường văn hoá là một tổng thể ổn định những yếu tố vật thể và nhân cách, nhờ chúng mà các cá thể tác động lẫn nhau; môi trường văn hoá có ảnh hưởng tới những hoạt động khai thác và sáng tạo các giá trị văn hoá, tới nhu cầu tinh thần, hứng thú và định hướng giá trị của con người [2].

Khái niệm giáo dục được hiểu ở cấp độ xã hội và cấp độ nhà trường theo nghĩa rộng, hẹp khác nhau.

Ở cấp độ xã hội, theo nghĩa rộng, giáo dục được hiểu là một lĩnh vực của hệ thống kinh tế - xã hội, một thiết chế vận động theo một phương hướng đặc thù (mục đích phát triển nhân cách) với các giai đoạn diễn tiến cụ thể.

Theo nghĩa này, giáo dục có *chức năng đào tạo* (huấn luyện, chuyển giao kinh nghiệm hoạt động), *chức năng văn hoá* (chuyển giao văn hoá với tư cách là yếu tố quan trọng của sự phát triển), *chức năng tư tưởng* (khẳng định và phổ biến hệ tư tưởng), *chức năng phát triển* (phát triển xã hội với tư cách là một cộng đồng sinh học tự nhiên thành cộng đồng xã hội có ý thức, phát triển cá nhân với tư cách là một thực thể tự nhiên xã hội với những đặc điểm riêng biệt) và *chức năng mục đích* (mọi sự phát triển của xã hội đều hướng đến phát triển con người, phát triển nhân cách, do đó, giáo dục vừa là công cụ vừa là mục đích cho sự phát triển xã hội). *Theo nghĩa hẹp*, giáo dục là những tác động nhằm làm thay đổi nhận thức và hành vi của con người (những người) khác, ở phạm vi đạo 'đức, lối sống.

Ở cấp độ nhà trường, giáo dục theo nghĩa rộng là quá trình toàn vẹn hình thành và phát triển nhân cách cho học

sinh thông qua dạy học và giáo dục (theo nghĩa hẹp). Theo nghĩa hẹp, giáo dục là một quá trình bộ phận của giáo dục theo nghĩa rộng hướng đến việc hình thành các phẩm chất nhân cách cho học sinh.

Trong phạm vi của tài liệu, khái niệm giáo dục được sử dụng theo nghĩa rộng, ở cấp độ hệ thống nhà trường. Trong khi phân tích các hoạt động, hành vi biểu hiện cụ thể của sinh viên sư phạm thì hiểu khái niệm giáo dục ở đây theo nghĩa hẹp.

Giữa giáo dục và văn hoá có mối quan hệ với nhau rất mật thiết.

Ngay từ buổi bình minh của lịch sử, ở bất cứ cộng đồng người nào cũng hình thành việc giáo dục. Việc này dù khởi thủy còn chưa rõ nét, chưa chính thức nhưng có tính mục đích rõ ràng. Chẳng hạn, đưa trẻ theo cha đi cày để biết cày, muốn biết xẻ gỗ phải lên rừng theo thợ... Trong lao động, cùng với việc đúc rút kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng, con người còn có được niềm vui, niềm hạnh phúc. Giáo dục, đó là sự truyền đạt cho thế hệ trẻ có được sự hiểu biết, niềm tin, thái độ đúng trong lao động, trong cuộc sống và điều quan trọng là để sinh tồn. Từ mảnh đất này mà đâm chồi, nảy lộc các giá trị văn hoá. Giáo dục là nền tảng của văn hoá, là nhân tố hình thành và tạo dựng truyền thống văn hoá. Chính nhờ có quá trình dạy học mà hiểu biết của nhân loại được bảo tồn, chọn lọc, bồi đắp. Thông qua giáo dục mà tri thức được sáng tạo, từ đó làm phát triển các nền văn hoá khác nhau. Trong các con đường bảo tồn văn hóa dân tộc, *con đường giáo dục* là cơ bản và có tính quyết định nhất.

Đến lượt mình, một nền văn hoá phát triển là cái nôi cho giáo dục canh tân thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy, đón đầu các

tiến bộ của cuộc sống.

Như vậy, có thể hiểu một vấn đề mang tính quy luật là: Chỉ trong môi trường lao động sáng tạo của con người, các giá trị văn hóa, các hoạt động giáo dục mới được hình thành và phát triển bền vững.

III. VĂN HOÁ GIÁO DỤC VÀ VĂN HOÁ NHÀ TRƯỜNG

Phạm trù văn hoá giáo dục được nhận diện từ hai phạm trù: phạm trù “văn hoá” và phạm trù “giáo dục”. Văn hoá được hiểu là cái đẹp, cái có giá trị chứa đựng sự hướng thiện đạt tới mục đích. Giáo dục được hiểu là quá trình chuyển giao kinh nghiệm xã hội thông qua dạy học là chủ yếu. Do vậy, “văn hoá giáo dục” là nét đẹp của công việc dạy học, nét đẹp nghề thầy đem lại lợi ích cha người học, cho cộng đồng. Suy rộng ra, văn hoá giáo dục là hệ thống giá trị trong quá trình hoạt động giáo dục, tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các thành viên tham gia vào hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục (chủ yếu là trường học), ảnh hưởng đến cách làm việc của nhà trường và hiệu quả hoạt động của nó trong thực tế. Trong thực tế, sự say mê, trách nhiệm trong nghề dạy học của giáo viên mang đậm nét văn hoá nghề nghiệp.

Nền sản xuất cũ khi nông nghiệp là phổ biến với động lực kinh tế nông nghiệp, có văn hoá giáo dục tập trung vào người thầy. Đặc trưng của văn hoá giáo dục này là đặt người thầy ở vị trí trung tâm của quá trình đào tạo. Thông tin từ bài giảng của thầy là chân lý tuyệt đối người học tiếp nhận thụ động theo sự hướng dẫn chỉ bảo của thầy. Trong khi xã hội đang thiếu thông tin, hoặc thông tin chưa được xử lí, thì nguồn thông tin có giá trị nhất là từ người thầy.

Cách dạy học theo lối uy quyền là chủ yếu, kiến thức được truyền từ miệng cho đến tai, hình thức biểu hiện phổ biến là “ thầy giảng - trò ghi” . Người học phải phục tùng thầy tuyệt đối và tâm niệm mọi việc “ không thầy đố mày làm nên” . Văn hoá giáo dục theo lối này thậm chí vẫn đang tồn tại ở nước ta hiện nay. Trong các cơ sở đào tạo giáo viên (trường đại học, khoa sư phạm, trường cao đẳng...) vẫn còn tồn tại một số giáo viên dạy theo lối dạy học uy quyền, áp đặt Điều này là nguyên nhân chính dẫn đến sự trì trệ trong dạy học, cản trở các yếu tố tiên bộ trong nhà trường.

Nền sản xuất mới khi kinh tế công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong việc tạo ra tổng sản phẩm xã hội mà động lực chủ yếu là tri thức, trí tuệ thế “ văn hoá giáo dục uy quyền” phải được thay thế bằng “ văn hoá giáo dục dạy học cộng tác, dân chủ”. Người thầy vẫn có vị trí quan trọng trong hoạt động dạy học được xã hội tôn vinh, song người học có vị trí trung tâm của tiến trình đào tạo. Đặc trưng của văn hoá giáo dục này là “ thầy thiết kế - trò thi công” hay “ thầy dẫn dắt - trò lĩnh hội” . Người thầy dẫn dắt trò đi từ những kiến thức cơ bản đến những kiến thức chuyên sâu với vai trò *người hướng dẫn, người chỉ đạo, người cố vấn* trong quá trình đào tạo Người học dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của thầy trau dồi cho mình năng lực chủ động tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức, mở mang kiến thức. Thầy nêu vấn đề, hoặc gợi mở nêu vấn đề, trò tập giải quyết vấn đề, tiến tới độc lập giải quyết vấn đề. Quan hệ thầy trò trên nền tảng “ thầy quý trò - trò kính thầy” có sự đối thoại cởi mở dân chủ giữa thầy với trò, trò với thầy. Thầy giúp trò “ Học một biết mười”, trò có ý chí tự học, tự động học tập, biến quy trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. (Xem thêm: Đặng Quốc Bảo : *Quản lí*

trường học - một số vấn đề lí luận và thực tiễn - Tập bài giảng chuyên đề cao học quản lí giáo dục, ĐH Quốc gia, H., 2004). Môi trường này thực sự là môi trường dân chủ, đã khuyến khích người dạy và người học sáng tạo, về bản chất là môi trường xã hội văn minh, hiện đại.

Jepherson đã nói một cách hình ảnh về kinh tế tri thức, đại ý: anh nghe tôi nói, thu nhận kiến thức của tôi nhưng không làm tôi dốt đi. Châm ngọn nến của anh bằng lửa của tôi, nến của anh sáng lên, nhưng lửa của tôi không tối đi. Như vậy, sự chia sẻ, sự phát triển của trí tuệ là đặc trưng của kinh tế tri thức và đây là tư tưởng mới, nội dung mới trong giáo dục nhà trường hiện đại. Theo đó, các quan hệ trong trường học và ngoài trường học cần có sự đồng thuận để hướng đến mục tiêu phát triển xã hội, phát triển con người. Đặc trưng của nền văn minh trí tuệ là tạo ra các xu hướng cộng tác trong mọi lĩnh vực cùng với sự cạnh tranh quyết liệt. Do đó trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, phẩm chất của chuyên gia cần có là năng lực hợp tác và cạnh tranh. Đây là hai phẩm chất còn yếu của sinh viên các trường đại học, ngay cả trong các trường, viện nghiên cứu, để thiết lập được các quan hệ cộng tác có hiệu quả cũng cần có thời gian lâu dài.

Trong xã hội hiện đại, khi trí tuệ là quyền lực và tri thức là hàng hoá thì lối sống biết chia sẻ đã đem lại sức mạnh mới - đó là lối sống trong thời đại kinh tế tri thức. Trong các định nghĩa về học tập, ý kiến của tác giả Lâm Quang Thiệp rất đáng chú ý: “ *Học là quá trình tự biến đổi mình và làm phong phú mình bằng cách chọn nhập và xử lí thông tin lấy từ môi trường xung quanh*” (Tạp chí *Giáo dục*, số 118, 7/2005). Như vậy, để tích cực hoá hoạt động học tập của người học, cần xây dựng một môi trường thông tin phong phú, môi trường kiến thức tích cực để người học

phát triển. Nói đến “ văn hoá giáo dục” tất yếu phải mở rộng bàn về “ văn hoá nhà trường” . Hoạt động dạy và học của thầy, trò được diễn ra trong phạm vi nhà trường. Nhà trường dù theo phương thức chính quy “ formal education” hay theo phương thức không chính quy “ nonformal education” đều là môi trường tốt để thầy và trò thống nhất với nhau thực hiện mục tiêu đào tạo, phương pháp đào tạo do mục tiêu phát triển xã hội, thành quả của khoa học và trình độ cơ sở vật chất kỹ thuật xã hội quy định. Mô hình dạy học thông qua các phương tiện truyền thông, mạng Internet, qua các mô hình trực tuyến trong thời gian gần đây lại càng coi trọng yếu tố môi trường trong dạy học. Người thầy và người học có thể không giao tiếp trực tiếp mặt đối mặt nhưng thông qua nội dung học tập, sự giao tiếp trực tuyến với các kênh thông tin liên quan đến học tập thậm chí còn làm cho môi trường học tập của người học đa dạng phong phú hơn mô hình lớp học truyền thống.

Cách thức giáo dục áp đặt tạo nên văn hoá nhà trường với vẻ nghiêm trang của giảng đường, quá coi trọng việc trích dẫn kinh điển, coi nhẹ thực hành, giáo dục thoát ly lao động sản xuất, lý luận không gắn với đời sống thực tiễn. Kết quả của lối dạy học này tạo ra một môi trường giáo dục có vẻ như rất trật tự, tuân thủ nhưng ít va chạm. Ví dụ, trong các buổi sinh hoạt khoa học chuyên môn của các giảng viên, của sinh viên hay trong các buổi bảo vệ đề tài khoa học... ít có các ý kiến tranh luận và các ý kiến phản biện. Nếu có ý kiến phản biện “ gai góc” về chuyên môn thường được xem xét là không thiện chí trong giáo dục sinh viên. Môi trường khoa học chuẩn mực không được duy trì, không khí học thuật chuyên môn bị lấn sang các mối quan hệ xã hội tình cảm cá nhân và duy tình. Trong quan hệ cá nhân, hình ảnh người thầy là tuyệt đối về chuyên môn, đã

là trò thì ít có quyền phản bác ý kiến của thầy.

Xu hướng dạy học tích cực đã tạo ra văn hoá nhà trường rộng mở hơn. Văn hoá nhà trường của phương thức này lấy đặc trưng: Nhà trường là điểm sáng của cộng đồng; có mối liên hệ chặt chẽ với cộng đồng, “ nhà trường là vầng trán của cộng đồng - cộng đồng là trái tim của nhà trường” . Điều này sẽ giải thích được tại sao các trường đại học của Mỹ đã xác định mục tiêu phấn đấu: “ ... *Trường đại học có vị trí quan trọng trong xã hội, có tác động quyết định đối với sự phát triển về khoa học, kỹ thuật, văn hoá, chính trị và kinh tế của xã hội. Các viện và trường đại học thực sự được xem là những trung tâm văn hoá, khoa học, kỹ thuật của xã hội... Nhà trường đại học hoạt động chủ yếu theo phương thức dịch vụ kinh doanh*” . (Dẫn theo Lê Thạc Cán: *Một số đặc điểm của giáo dục đại học Hoa Kỳ*, tài liệu Viện KHGD Việt Nam, H., 1989, tr.184).

Về vấn đề này, có hai hoạt động chính của giáo dục đại học (nói chung và các trường sư phạm nói riêng ở Việt Nam cần phải thay đổi lớn: *Một là* các trường phải thay đổi từ *định hướng cung* thể hiện trong chương trình đào tạo chuyên sang định hướng chuyên ngành (*hướng cầu*). Cụ thể như sau: Danh mục các nội dung đào tạo xuất phát từ danh mục nghề mô tả các kỹ năng phù hợp thông qua việc nghiên cứu từ các cơ sở sử dụng nhân lực tại địa phương, vùng hay quốc gia; sinh viên học trong môi trường thực hành; luận văn tốt nghiệp gắn với những vấn đề ứng dụng từ cá(doanh nghiệp; đại diện doanh nghiệp giảng dạy như giảng viên đại học; định hướng nghiên cứu là các hoạt động ứng dụng hoặc nghiên cứu ứng dụng theo đặt hàng của các doanh nghiệp... *Hai là*, chương trình chuyển giao ứng dụng khoa học của các trường với địa phương phải được thúc đẩy mạnh mẽ; các đề án phát triển địa phương phải được luận

cứ khoa học với sự tham gia của các trường đại học; ví dụ cụ thể là các ứng dụng của các cơ sở giáo dục phải được chuyển giao công nghệ vào chương trình giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, đây là một quá trình rất khó bởi mọi sự thay đổi về chương trình đã được ví như “khó khăn như sự di chuyển một nghĩa địa, đôi khi phải mất rất nhiều thời gian” (Liver, 1977, Dẫn theo Ian Macpherson: *Suy nghĩ về chương trình và giảng dạy chương trình*, Trường ĐH Công nghệ Queensland). Điều này bị cản trở bởi yếu tố truyền thống, sự ngại ngùng, tâm lý ưa ổn định, những yếu tố đã ăn sâu vào tâm thức của con người trở thành bền vững như yếu tố tâm linh.

Thực hiện tốt đồng thời hai hoạt động trên đây, chúng ta mới *nhìn rõ* vai trò và sứ mạng của mình, tại mỗi địa phương có các trường đại học và cao đẳng chuyên ngành đóng, sẽ thấy nổi bật lên vấn đề chất lượng nhân lực được cải thiện rõ rệt; sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mang đậm dấu ấn của các trường đại học.

Ở phạm vi vĩ mô hay vi mô, khi có sự đổi mới trong giáo dục, thường vấp phải sự xung đột trong quản lý, trong tổ chức, trong điều hành... Thậm chí trong tiết dạy của hai giáo viên có hai cách dạy quyền uy và tích cực, hoặc một giáo viên có đổi mới cách dạy đều gặp trở ngại ban đầu, bởi điều căn bản nhất là chưa có sự thay đổi căn bản trong triết lý giáo dục.

Ở bình diện xã hội, một học sinh, một nhóm học tập, một lớp học, một trường học... đang tồn tại trong một không gian văn hoá trong một môi trường văn hoá nhất định. Chủ thể của các hoạt động trong môi trường ấy có thể là người dạy hay người học (giả sử trong lớp học) đã có những định hướng giáo dục rất rõ nét. Khi đó, yếu tố môi

trường văn hoá là “chất dung môi”, là điều kiện cho hoạt động giáo dục diễn ra. Mặt khác, hoạt động giáo dục được đan xen với hoạt động văn hoá, bởi ngay ở trên lớp, các nội dung giáo dục tồn tại dưới dạng tri thức văn hoá của loài người (hệ thống khái niệm, tri thức cơ bản trong giáo trình, sách giáo khoa...). Hoặc môi trường giáo dục được đan quện với các yếu tố văn hoá trong mỗi người, nhóm, hoặc một môi trường không gian xác định. Do đó, khi nói đến yếu tố môi trường văn hoá giáo dục, khó có thể tách bạch từng yếu tố, tất nhiên mỗi yếu tố đều có phạm vi ranh giới riêng của nó.

Như vậy, văn hoá giáo dục được biểu hiện rõ nét ở văn hoá nhà trường. Cả văn hoá giáo dục và văn hoá nhà trường đều cần phải được xây dựng và phát triển. Cốt lõi của văn hoá giáo dục và văn hoá nhà trường là lao động sáng tạo của các nhà sư phạm, các nhà giáo dục và đối tượng của họ - các thế hệ học sinh. Chính các hoạt động này tạo dựng các giá trị, định hình niềm tin và đến lượt chúng, những yếu tố này chi phối lại hoạt động và hành vi của những người tham gia vào quá trình giáo dục.

IV. MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC

Trước hết, cần hiểu rõ về khái niệm *môi trường*. Như đã trình bày ở trên, Khoa học môi trường là một ngành khoa học độc lập, được xây dựng trên cơ sở tích hợp các kiến thức của các ngành khoa học đã có cho một đối tượng chung là môi trường sống bao quanh con người với phương pháp và nội dung nghiên cứu cụ thể.

Theo cách phân loại môi trường theo chức năng, môi trường sống có 3 loại: *môi trường tự nhiên*; *môi trường xã hội*; *môi trường nhân tạo* (Dẫn theo Lưu Đức Hải: *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, 2000, tr.9-

lo). Do đó, khái niệm “ *môi trường văn hoá giáo dục*” được đề cập trong tài liệu này chủ yếu nằm ở vùng *môi trường xã hội* là “ *tổng thể các quan hệ giữa con người với con người, tạo nên sự thuận lợi hoặc trở ngại cho sự phát triển của các cá nhân hoặc từng cộng đồng dân cư...* “ và ở vùng giáp ranh với *môi trường nhân tạo* là “ *tập hợp các yếu tố tự nhiên và xã hội do con người tạo nên và chịu sự chi phối của con người...*” .

Đồng thời, cũng cần thiết phải phân biệt rõ các khái niệm *giáo dục môi trường* và *môi trường giáo dục* là hai phạm trù rất khác nhau về đối tượng tiếp cận và nội dung nghiên cứu. Tuy nhiên, có điểm chung là đều nghiên cứu sự tác động và ảnh hưởng của con người với môi trường sống xung quanh và ngược lại. Ở phạm vi *môi trường giáo dục*, chủ yếu đề cập đến quan hệ xã hội giữa con người với con người trong một phạm vi hẹp hơn.

Theo L.X. Vugótxki, môi trường mà *con người* sống trong đó không nên hiểu là tổng các yếu tố vật lí và các yếu tố xã hội, mà phải được hiểu môi trường có chứa đựng đối tượng và sản phẩm lao động. Cần nhấn mạnh rằng trong môi trường có công cụ lao động chứa đựng các thao tác lao động nhất định với tư cách là sản phẩm của kinh nghiệm xã hội - lịch sử. Đây là quan niệm về môi trường phát triển của con người với tư cách là sản phẩm xã hội lịch sử. Ông nhấn mạnh yếu tố công cụ lao động trong môi trường, bởi nó chứa đựng kinh nghiệm của thế hệ trước để truyền cho thế hệ sau. L.X. Vugótxki cũng nhấn mạnh tính chất xã hội của hoạt động dạy học, do đó nếu đưa được các yếu tố của đời sống xã hội vào nội dung dạy học cũng như tổ chức các mô hình dạy học gần với thực tiễn thì hiệu quả dạy học được nâng lên. Do đó có thể hiểu đây là quan niệm rất rộng về môi trường giáo dục.

Theo Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Sinh Huy trong tài liệu *Giáo dục học đại cương* (1998) thì môi trường là hệ thống các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện tự nhiên và xã hội xung quanh cần thiết cho hoạt động sống và phát triển của con người. Đây là quan niệm khá phổ biến trong các tài liệu Tâm lí học, Giáo dục học. Có tác giả quan niệm hẹp hơn, môi trường thể hiện trong khu vực hoạt động của mình một tập hợp tương đối rộng và thay đổi các yếu tố ảnh hưởng đến việc diễn ra hoạt động sư phạm. Quan niệm này chỉ nhấn mạnh đến các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sư phạm, vì vậy nó có ý nghĩa thực tiễn hơn trong việc xây dựng môi trường giáo dục. Theo xu hướng này, *Từ điển bách khoa Việt Nam* có định nghĩa về môi trường giáo dục: Môi trường giáo dục là tổng hòa các mối quan hệ trong đó giáo dục và người được giáo dục tiến hành hoạt động dạy và học. Môi trường giáo dục rất đa dạng, có thể phân chia một cách tương đối thành các môi trường nhà trường, gia đình, xã hội và tự nhiên. “ *Các phương tiện và điều kiện vật chất - kĩ thuật và xã hội - tâm lí tác động thường xuyên và tạm thời, được người dạy và người học sử dụng một cách có ý thức, để đảm bảo cho lao động dạy và học tiến hành thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Đây là một trong các yếu tố của quá trình giáo dục*” . (Dẫn theo Hà Thế Ngữ: *Giáo dục học - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia, H., 2001, tr.358).

Trên cơ sở phân tích các khái niệm: môi trường, văn hóa, giáo dục, văn hoá giáo dục, có thể quan niệm môi trường văn hoá giáo dục như sau: *Môi trường văn hoá giáo dục bao hàm các điều kiện vật chất và tinh thần chứa đựng hệ thống các giá trị của hoạt động giáo dục, tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các thành viên tham gia vào hoạt động này trong trường học và ảnh hưởng đến quá trình*

giáo dục

Những điều kiện vật chất của môi trường văn hoá giáo dục bao gồm các điều kiện tự nhiên nơi trường đóng, cơ sở vật chất cho mọi hoạt động của nhà trường, trong đó nổi bật là cơ sở vật chất của hoạt động dạy và học. Những yếu tố tinh thần trong môi trường văn hoá giáo dục bao gồm bầu không khí tâm lí trong trường, những nét truyền thống, các giá trị cùng với quan niệm và thái độ của giảng viên và sinh viên trong hoạt động dạy học, trong các quan hệ, cung cách ứng xử của các thành viên, quan điểm chỉ đạo của cán bộ quản lí... Quan điểm chỉ đạo này có ảnh hưởng sâu rộng đến mọi yếu tố phi vật chất và chi phối mối quan hệ của nó với những yếu tố vật chất trong môi trường văn hoá giáo dục.

Môi trường văn hoá giáo dục không thể biệt lập với môi trường xã hội rộng lớn. Nó ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ môi trường xã hội. Sự chuyên động của nền kinh tế, sự thay đổi của các định hướng giá trị, các sự kiện chính trị xã hội... của đất nước nói chung đang hàng ngày tác động tới môi trường văn hoá giáo dục. Đồng tiền trong nền kinh tế thị trường đang có biểu hiện tăng dần vai trò của mình trong các quan hệ xã hội. Các mối quan hệ trong môi trường văn hoá giáo dục cũng chịu tác động của kinh tế thị trường. ảnh hưởng này có cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Tính nhạy cảm, tích cực, chủ động của các nhà sư phạm có thể can thiệp có hiệu quả vào xu hướng ảnh hưởng của môi trường xã hội. Theo đó, các nhà sư phạm có thể làm cho môi trường văn hoá giáo dục không thụ động trước những ảnh hưởng của môi trường xã hội. Mặt khác môi trường sư phạm còn tác động tích cực tới môi trường xã hội bằng truyền thống, thành tích, uy tín của mình. Đây chính là vai trò chủ đạo của giáo dục đối với quá trình hình thành và

phát triển nhân cách con người.

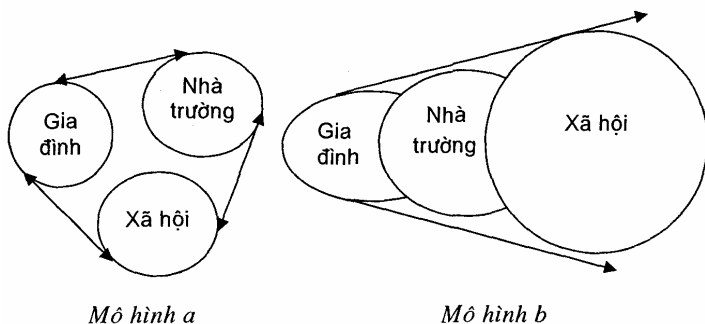
Phát triển môi trường văn hoá giáo dục là quá trình hoạch định các giá trị và xây dựng chuẩn cho các hoạt động giáo dục, phát triển các giá trị và chuẩn mực này nhằm gia tăng vai trò điều tiết của chúng đối với nhận thức và hành vi của các cá nhân và các cơ sở giáo dục.

Nội dung của phát triển môi trường văn hoá giáo dục bao gồm: hoạch định giá trị và định chuẩn cho các hoạt động giáo dục; giáo dục giá trị và phát triển chuẩn.

Phát triển chuẩn là một quá trình bao gồm nhiều nội dung và được thực hiện bởi những bước xác định. Khi đã xây dựng được chuẩn cho các hoạt động, chủ thể quản lý sẽ thực hiện phổ biến chuẩn, tiếp đó quản lý việc thực hiện chuẩn và cuối cùng là đánh giá việc thực hiện chuẩn để có thể điều chỉnh chuẩn nếu cần thiết. Phát triển môi trường văn hoá giáo dục là nhiệm vụ của toàn xã hội, nhưng trước hết phải là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp quản lý giáo dục, quản lý văn hoá trong và ngoài trường học. Yếu tố định hướng và xác định trước mục tiêu sản phẩm là đặc trưng của giáo dục, do đó không thể không quan tâm đến nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hoá giáo dục, môi trường sư phạm, môi trường học tập tốt đẹp. Những hiện tượng gần đây đã được báo chí nêu lên về lối sống ăn chơi thác loạn của giới trẻ, hiện tượng vi phạm các luật, nhiều biểu hiện đáng lo ngại về chất lượng nhân cách... trước hết là trách nhiệm của mỗi gia đình, trường học, chính quyền các cấp, của các cơ quan chức năng về trật tự, an toàn xã hội. Nhìn từ góc độ môi trường vật chất, chúng ta cũng cần đặt ra vấn đề: Chỗ vui chơi của thanh thiếu niên hiện nay có thực sự hấp dẫn họ hay không trong điều kiện vật chất còn nghèo nàn của một quốc gia có hơn 1/4 dân số là học sinh và sinh

viên? Quản lí môi trường văn hoá với các chuẩn mực xã hội đã được xác định trong các luật, trong quy chế của các hoạt động văn hoá, nhưng sự vi phạm vẫn tồn tại như một sự thách thức chính quyền các cấp. Thanh niên, sinh viên được quản lí chủ yếu bằng nhiều các quy định trong phạm vi học tập nhà trường để giáo dục nhân cách nhưng nhìn chung là ít có hiệu lực. Hiện trạng đáng lo ngại là giáo dục pháp luật không đồng thời với xử lí nghiêm minh các biểu hiện vi phạm pháp luật. Trong môi trường pháp luật, mọi người phải tự giác chấp hành, thông qua các hành vi cụ thể. Các giá trị cơ bản của nhân cách được hình thành trong gia đình truyền thống, trong hoạt động tự giáo dục, trong hoạt động xã hội ở các phạm vi không gian và thời gian khác nhau. Chẳng hạn, nhiều học sinh khi dự thi vào đại học mới nhận ra hành vi gian lận trong thi cử sẽ bị đình chỉ thi (huỷ kết quả) trong khi cả 12

năm học không bị xử lí như thế. Đã từ lâu, chúng ta tách rời 3 môi trường sống (môi trường giáo dục) của giới trẻ và sự gắn kết lại các môi trường nhiều khi chỉ bằng các biện pháp áp đặt.



Nếu quan niệm 3 môi trường trên đây là tách rời thì sự gắn kết không vững chắc (mô hình a) và sự “ phối hợp chỉ

là sự gộp chung. Khi xác định môi trường giáo dục gia đình làm gốc, làm nền tảng thì giáo dục nhà trường có nhiệm vụ là phát triển tri thức văn hoá khoa học và môi trường xã hội là nơi thể nghiệm các giá trị (mô hình b). Sự đồng thuận của các hệ thống ảnh hưởng có tác dụng to lớn, mang lại hiệu quả trong quá trình giáo dục con người. Điều này cũng góp phần “giải toả” cho ngành Giáo dục khi xã hội đánh giá về chất lượng giáo dục nhân cách - vấn đề đang được cả xã hội quan tâm, nhưng ít ai nhận ra mình phải có trách nhiệm trong đó. Trong thực tế, người ta thường xác nhận ở một con người cụ thể yếu tố giá trị bền vững từ gia đình có truyền thống, cốt cách văn hóa, dòng dõi... Nhưng từ nhà trường, chủ yếu xác nhận yếu tố năng lực của nhân cách được phát triển trên nền tảng giáo dục gia đình và ở môi trường xã hội là sự thể nghiệm những giá trị, năng lực đó.

Trong tài liệu “*Xa hội học giáo dục và giáo dục học*” của Stanislaw Kowalski (NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,

2003), đã đề cập đến sự tách rời giữa gia đình với môi trường (nhất là trong các môi trường đô thị lớn), coi đó là nguồn gốc làm suy giảm chức năng giáo dục của gia đình. Nhân tố cơ bản trong quá trình sa đọa là thiếu những quan hệ thiện cảm trong gia đình, và sau đó, không đạt kết quả học tập ở nhà trường (thía, tr. 557). Về hoạt động của hệ thống giáo dục trong môi trường, theo tác giả, nổi lên quan hệ cơ bản giữa hoạt động của toàn bộ các thành phần của môi trường xã hội với diễn biến của quá trình xã hội hoá các thế hệ trẻ, trong mô hình đó nhất định còn có chỗ trống và chính các nhà xã hội học giáo dục đang từng bước bổ sung và hoàn chỉnh mô hình cũng như các nhà hoá học không ngừng bổ sung các nguyên tố hoá học trên bản tuần hoàn của Mendeleép.

Ở khía cạnh thực tiễn, môi trường giáo dục còn là đời sống sinh động đang hàng ngày hàng giờ trực tiếp tác động ảnh hưởng và quyết định các giá trị giáo dục. Quan điểm thực tiễn của khoa học giáo dục là luận điểm phương pháp luận cơ bản nhằm tiếp cận các vấn đề giáo dục xác thực hơn. Thực tiễn giáo dục là mảnh đất sản sinh ra các đề tài khoa học giáo dục và là nơi đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục. Cùng với quan điểm hệ thống - cấu trúc và quan điểm lịch sử - lôgic, quan điểm thực tiễn sẽ giúp chúng ta tiếp cận các vấn đề chung của khoa học giáo dục cũng như vấn đề môi trường giáo dục nói riêng có hiệu quả hơn.

Như đã trình bày ở trên, môi trường học tập là tập hợp những yếu tố không gian nhân lực vật lực, và tài lực, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc học tập đạt kết quả tốt. Môi trường học tập cần được tạo ra ở nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội. Môi trường sư phạm là tập hợp những con người, thao tác và phương tiện đảm bảo cho việc học tập đạt kết quả tốt. Môi trường sư phạm là nội dung cơ bản của môi trường nhà trường. Môi trường nhà trường là tập hợp những con người, cơ sở vật chất kỹ thuật và

phương tiện, các yếu tố quản lý trong sự tương tác lẫn nhau một cách thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho thành công của việc dạy và học ở nhà trường.

Trong phạm vi trường học, chúng ta thường đề cập đến các yếu tố *môi trường dạy học, môi trường học tập, môi trường khoa học*. Trong đó khái niệm *môi trường học tập* được xem xét cụ thể hơn. Trong tài liệu “ *Curriculum Development a Guide to Practice*” (do TS. Nguyễn Kim Dung dịch, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2004) đã quan niệm *môi trường học tập* gồm:

Môi trường học tập theo truyền thống: Nhà trường là

môi trường đơn độc, tĩnh lặng và trật tự. Bầu không khí này là kết quả của áp lực: Theo định nghĩa hẹp của nền giáo dục chính quy, cửa vào giới hạn cho một số người, và theo phong cách giáo huấn, mô phạm (nói, nghe) đối với việc học tập.

Trường học đổi mới đã có cơ cấu tổ chức hoàn toàn trái ngược với phong cách truyền thống. Chúng thường được mở rộng hơn, ồn ào hơn và đôi khi như những trung tâm với các hoạt động hỗn loạn. Các trường học như thế là kết quả của cả hai sự thay đổi: Định nghĩa trường học và cách hiểu mới về điều kiện môi trường để củng cố việc học. - Có 3 tiêu chuẩn để đánh giá môi trường học tập của nhà trường: mối *liên hệ* giữa nhà trường với cộng đồng xung quanh, *cấu trúc* và *cách sử dụng* các toà nhà và sân bãi, và *cách tổ chức không gian học tập* trong các toà nhà.

- *Nhà trường mong muốn mở rộng các phản hồi của học sinh* về quá trình học tập thường khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của nhà trường. Sự trao đổi và cải tiến trong mối quan hệ này biểu thị ở những hoạt động có liên quan đến nhà trường, cộng đồng có sự hỗ trợ lẫn nhau. Hạn chế của quan hệ này là những ngôi trường mà dân chúng chưa bao giờ được mời đến, nơi mà lớp học chưa bao giờ rời khỏi các toà nhà của trường học, dân chúng bị chặn lại bởi hàng rào và chỉ được tiếp ở văn phòng khi đến thăm. Ở khía cạnh pháp luật, sự tham gia của cộng đồng thể hiện ở mức độ cao nhất là ở Hội đồng cấp xây dựng nhà trường cho phép các thành viên cộng đồng đóng vai trò chủ động trong việc hình thành chính sách.

Cuộc cách mạng trong xây dựng trường học: Một toà nhà buồn tẻ, u ám, chán ngắt có thể thể hiện một quá trình

giáo dục buồn tẻ, lờ mờ và chán ngắt. Một toà nhà sinh động, năng nổ có thể thể hiện một trung tâm học tập chủ động sáng tạo. Khi xem xét mức độ tiếp cận, độ âm, kiểm soát khuôn viên, các khoảng không gian ưu tiên... có thể đoán ra được triết lí giáo dục của nhà trường. Mức độ tiếp cận linh hoạt: không kiểm soát bên ngoài hay bên trong, độ âm của toà nhà, không gian hấp dẫn vui vẻ, đầy màu sắc sân trường được sử dụng rộng rãi cho nhiều hoạt động...

Không gian lớp học: Cách truyền thống là sắp xếp phòng học để cho tất cả cái nhìn và sự chú ý đầu tập trung vào người thầy, các hoạt động trùng khớp với cách sắp xếp của đồ đạc. Khả năng khác là sắp xếp lớp học tạo ra những khoảng không gian nhiều mục đích; tạo ra sự di chuyển có thể có trong sự kiểm soát của giáo viên. Các chuyển động trong lớp học theo tình huống bối cảnh, phụ thuộc vào hoạt động.

Sự khác nhau trong không gian lớp học được phát triển từ cơ cấu phức tạp -> cơ cấu linh hoạt.

Lớp học: sự sắp xếp chỗ ngồi đồng nhất trong phòng -> bàn ghế lớp học cùng kiểu nhưng cân đối -> bàn ghế được sắp xếp cho mỗi hoạt động -> không gian phòng học được sử dụng cho nhiều mục đích -> không gian bên ngoài được sử dụng để học tập. *Sự di chuyển trong lớp học:* di chuyển bị giới hạn trong phòng -> giáo viên kiểm soát hoàn toàn -> sự di chuyển của học sinh tùy thuộc tình huống được tự do di chuyển trong giới hạn -> học sinh di chuyển tùy ý. - *Sự sở hữu lớp học:* Không gian lớp học được quản lí bởi giáo viên -> giáo viên quản lí một vài vùng không gian của học sinh -> lớp học có vùng không gian cho sự tiếp cận qua lại -> chỉ có khu

vực quy định - mở cho tất cả ~ toàn bộ không gian lớp

học có thể tiếp cận với nhiều người. [Dẫn theo tài liệu 5, tr. 68-79].

Toàn bộ hệ thống môi trường học tập, môi trường dạy học, môi trường giáo dục trong trường học phải được tiếp cận hệ thống, tức là đặt các yếu tố môi trường trong hệ thống bao quanh nó. Hệ thống bao quanh này là các *quan hệ thầy - trò, quan hệ quản lí*, mà bản chất của các mối quan hệ là dựa trên quan hệ luật pháp, nhân văn, đạo đức. Thực tế dạy học đã chứng minh rằng nếu quan hệ giữa người dạy và người học được đặt trong điều kiện tốt đẹp, quan hệ ảnh hưởng sư phạm, dân chủ thì sẽ tạo ra các “*dung môi*” tích cực cho môi trường dạy học, học tập. Ví dụ, khi giáo viên say mê, tích cực với nghề, có trách nhiệm cao với học sinh, gợi mở và dẫn đường cho người học thì thái độ tích cực tự học, khả năng sáng tạo của học sinh được nâng cao.

Chính trong những điều kiện khó khăn trước đây đã làm sáng tỏ nhận định: Điều kiện môi trường học tập không thuận lợi nhưng năng lực tự học tự nghiên cứu của sinh viên rất cao; ngược lại hiện nay điều kiện có nhiều thuận lợi nhưng năng lực tự học của người học còn yếu. Hiện tượng học sinh bậc Trung học phổ thông học thêm cả ngày, nhiều em rất chịu khó chăm chỉ, chấp hành đúng các yêu cầu học tập của giáo viên... nhưng khả năng tự mình học tập, tự mình giải quyết các vấn đề học tập thì không được nâng lên. Theo đó, khi sinh viên học ở đại học, tiêu chí tự học chưa được đánh giá cao bởi phần lớn sinh viên chưa biết cách tự học, tự nghiên cứu. Đây có thể là một trong những hạn chế của giáo dục nước ta cần phải khắc phục ngay. Nhiều báo cáo giáo dục phản ánh hiện trạng trên ở các trường đại học, nhưng chưa có kết luận đúng về bản chất của vấn đề - đó là chất lượng dạy của giảng viên đại

học chưa cao, thể hiện rõ nhất là chỉ có một số ít giảng viên đại học tìm tòi cách dạy mới, dạy theo cách hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, còn phần lớn là dạy theo cách cũ, rất lạc hậu. *Như vậy, chính đội ngũ giảng viên các trường đại học quyết định đến việc tạo ra môi trường học tập tích cực cho sinh viên.* Nhận định này có thể đúng khi tiếp cận từ phía người quản lý giáo dục, nhưng vấn đề còn phải xem xét thêm từ nhiều góc độ khác. Kết quả nghiên cứu tại một số trường đại học sư phạm đã cho phép chúng ta có nhận định ban đầu là: Nếu quan hệ giữa giảng viên và sinh viên trong sáng, chất lượng giảng dạy cao, có sự khách quan trong đánh giá sẽ tạo nên một môi trường học tập tốt. Ngược lại, sẽ không thể tạo ra một động lực học tập đúng đắn và tích cực cho sinh viên nếu mối quan hệ trên bị chi phối bởi kinh tế, bởi các yếu tố thiếu tích cực.

Môi trường giáo dục có chất lượng và hiệu quả chính là các hoạt động giáo dục được diễn ra trong đó khách quan và tích cực, được mọi người thừa nhận và ủng hộ. Như vậy, cốt lõi của vấn đề là yếu tố con người - nhân sự trong hệ thống quản lý phải đảm bảo các tiêu chuẩn về năng lực tổ chức, có trí tuệ và có tư cách đạo đức.

Khi nói đến môi trường, các vấn đề được tiếp cận tiếp theo thường là “ ô nhiễm môi trường” . Hậu quả của nạn ô nhiễm môi trường sinh thái trong xã hội hiện tại sẽ tạo ra các hiểm họa cho các thế hệ con cháu chúng ta. Tài sản có giá trị nhất để lại cho thế hệ sau chính là một môi trường trong sạch gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Hàng loạt các vấn đề toàn cầu như: năng lượng, nước sạch, không khí, sự nóng lên của Trái Đất... đã được cảnh báo trước từ nhiều thập kỉ. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là dường như ít có sự quan tâm của mọi người về những vấn đề lớn lao của nhân loại. Sự thờ ơ của con người trước

hiểm nguy của con người cũng là một nguy cơ to lớn. Đây cũng là một biểu hiện “ ô nhiễm môi trường” khó trông thấy, đó là ô nhiễm môi trường xã hội. trong ứng xử giữa người và người.

Theo GS. Trương Lai, (*trong tài liệu Xã hội học và những vấn đề của sự biến đổi xã hội*, NXB khoa học xã hội, H., 1997. tr.224) thì: “ Sự phá hoại môi trường xã hội còn nguy hại trực tiếp và thường trực đến cuộc sống của con người, nhất là dân cư đô thị (...) cái nguy hại sâu xa là cùng với việc làm ô nhiễm môi trường công cộng là sự ô nhiễm một tập quán hay là một tập quán bị ô nhiễm, dẫn tới một lối sống rất phản văn hoá, văn minh” . Theo ông, thể ứng xử đối với môi trường là một biểu tượng của văn hoá và văn minh. Tương lai của đất nước ta, của cuộc sống của mỗi chúng ta tùy thuộc phần lớn vào tầm nhìn văn hoá trong thể ứng xử với môi trường sinh thái trong toàn cảnh của sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận định trên đây hoàn toàn đúng với các vấn đề môi trường giáo dục hiện nay.

Như vậy, môi trường là điều kiện hoàn cảnh, những sự vật xung quanh con người nhưng nội dung đáng lưu ý là *sự vây quanh, sự tác động* đến đời sống của mọi người. Môi trường giáo dục là đối tượng nghiên cứu quan trọng của giáo dục học, trong đó phát triển quan hệ tích cực giữa người giáo dục và người được giáo dục là vấn đề trọng tâm. Đây là quan hệ biện chứng thống nhất và các giá trị chuẩn mực của nhân cách được phản ánh chủ yếu ở các phạm vi môi trường văn hóa, môi trường giáo dục. Môi trường giáo dục tốt sẽ ảnh hưởng tác động tích cực đến hoạt động của con người và sự tác động của con người đến môi trường có tính chất chủ động, theo quan điểm giáo dục là sự chiếm lĩnh có chủ đích. Phát triển môi trường văn hóa giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp quản lí giáo dục, trong đó

các cơ sở giáo dục và đào tạo có vai trò chủ đạo. Các yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các cơ sở giáo dục cần đạt các tiêu chuẩn tối thiểu. Nhiệm vụ cơ bản của các trường đại học và cao đẳng sư phạm là giáo dục nhân cách văn hóa trong môi trường giáo dục, trong các quan hệ văn hóa ở phạm vi gia đình, nhà trường, xã hội. Trong các nhiệm vụ giáo dục sinh viên, giáo dục lối sống lành mạnh và tích cực được xác định là ưu tiên hàng đầu.

Chương II

MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

“ Cư trú ắt phải chọn chỗ xóm làng lương thiện - Giao du ắt phải gần với người hiền s' ” (Tuân Tử). Sự lựa chọn khôn ngoan của con người về môi trường sống không phải bao giờ cũng thành công, chúng ta không nên nhận định sẽ có một môi trường hoàn toàn tốt hoặc xấu. “ Con người sáng tạo ra hoàn cảnh trong chừng mực hoàn cảnh sáng tạo ra con người ” (Các Mác).

I. CÁC THÀNH TỐ CỦA MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

Khi phân tích các yếu tố cấu thành môi trường văn hoá giáo dục, hầu hết các quan niệm đều xác định hai yếu tố cơ bản đó là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội hoặc môi trường vật chất và môi trường tinh thần.

Từ quan niệm về môi trường văn hoá giáo dục đã trình bày ở chương trên, có thể xác định các thành tố chính của môi trường này như sau:

Hệ thống các giá trị của giáo dục và hoạt động giáo dục: Các giá trị này được xác lập bởi quan hệ của cá nhân và các cơ sở giáo dục với hoạt động giáo dục và bản thân giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội, một lĩnh vực thuộc hiện thực xã hội. Trong quá trình hình thành các chuẩn giá trị của cá nhân phải đặt trong một bối cảnh cụ thể. Đồng thời, các yếu tố môi trường hoàn cảnh góp phần tạo nên các giá trị mang đậm tính chất lịch sử - xã hội nhất định. Tuy nhiên, quá trình tác động hai chiều giữa cá nhân và hoàn cảnh không thể tách rời hoạt động giáo dục và tự giáo dục.

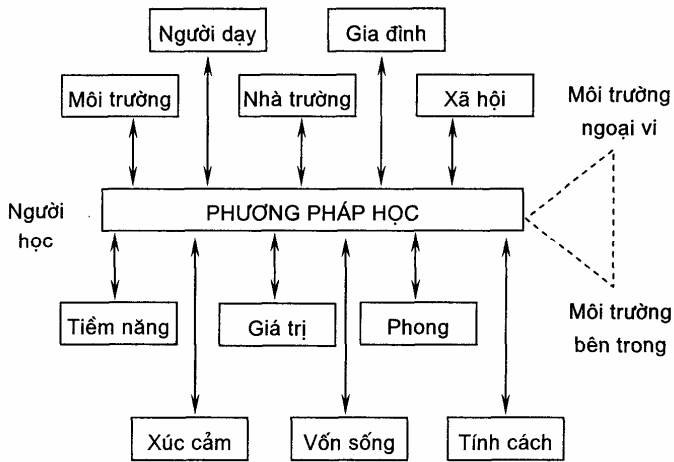
Giáo dục không có giá trị tự thân, những giá trị giáo dục chỉ được xác định khi có quan hệ giữa các chủ thể với giáo dục. Tùy từng cá nhân với mỗi quan hệ của họ với giáo dục mà giá trị của giáo dục được ghi nhận một cách khác nhau. Tuy nhiên, các giá trị của giáo dục với tư cách là thành tố của môi trường văn hoá giáo dục phải là những giá trị được thừa nhận bởi nhiều người. Các giá trị đó bao gồm: sự khẳng định vai trò, vị trí của giáo dục với sự chuyển giao văn hóa; vai trò của giáo dục với kinh tế, với hệ tư tưởng; vai trò của giáo dục với sự phát triển của cá nhân và cộng đồng... Chính những giá trị này tạo dựng niềm tin và xây dựng cho các nhân và tổ chức giáo dục những kỳ vọng đối với giáo dục.

Hệ thống các chuẩn mực hoạt động giáo dục: Đó là tập hợp các quy tắc, thao tác và kỹ thuật đã được định chuẩn chi phối, điều tiết hoạt động của các cá nhân và tổ chức khi thực hiện hoạt động giáo dục và vận hành quá trình giáo dục. Những chuẩn mực hoạt động này tạo ra sắc thái khác nhau giữa các cá nhân và các tổ chức khi thực hiện hoạt động giáo dục.

Giữa hệ thống giá trị và hệ thống chuẩn mực của môi trường văn hoá giáo dục có mối quan hệ mật thiết. Các giá trị chi phối quá trình xây dựng quy tắc hoạt động và quá trình định chuẩn cho thao tác và kỹ thuật hoạt động. Ngược lại, hệ thống chuẩn mực khi được đảm bảo sẽ củng cố hệ thống giá trị, gia tăng tính định hướng của các giá trị này. Giữa hệ giá trị của cá nhân với các chuẩn mực đạo đức xã hội, các quy tắc định chuẩn nếu có sự phù hợp hoặc quan hệ mật thiết thì kết quả giáo dục sẽ đạt được mục tiêu sớm hơn. Hệ thống giá trị và chuẩn mực được phản ánh trong các yếu tố vật thể và phi vật thể khác của môi trường văn hoá giáo dục. Nói cách khác, tất cả các yếu tố của môi trường văn hoá giáo dục đều thể hiện hệ giá trị và chuẩn mực của chính môi trường đó, cho dù hình thức thể hiện của các yếu tố này là khác nhau.

Hệ thống giá trị và chuẩn mực của môi trường văn hoá giáo dục chi phối tất cả hoạt động giáo dục nhưng tập trung nhất vẫn là hoạt động dạy học. Vì lẽ đó, các nghiên cứu về môi trường văn hoá giáo dục thường tập trung bàn về môi trường văn hoá của dạy học. Hai tác giả Jean - Marc Denomme và Medeleine Rây chú ý tới hàng loạt yếu tố, cả vật chất và tinh thần của hoạt động học và dạy, các yếu tố bên trong và bên ngoài.

Các yếu tố bên trong và bên ngoài hợp với nhau tạo nên cấu trúc môi trường của hoạt động học.



Các yếu tố bên ngoài, gồm:

- Môi trường (không gian vật chất và tâm lí, thời gian, ánh sáng, âm thanh...).

- Người dạy (hình thức bên ngoài, đời sống nội tâm, phương pháp sư phạm, kĩ năng giao tiếp...) ảnh hưởng tới người học.

- Người học, đặc biệt là tập thể học sinh với không khí học tập thi đua của lớp... ảnh hưởng tới người dạy.

Nhà trường.

- Gia đình, tính di truyền, tập tính của cha mẹ, những giá trị truyền thống, sự quan tâm của bố mẹ.

Xã hội, chế độ chính trị, hệ thống định hướng, chính sách kinh tế - xã hội.

Các yếu tố bên trong, gồm:

- Tiềm năng trí tuệ

- Những cảm xúc

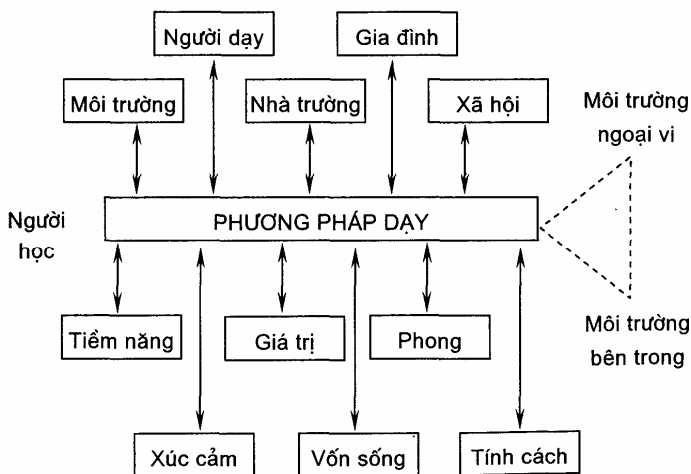
- Những giá trị của cá nhân

Vốn sống

Phong cách học và dạy

Tính cách

Cấu trúc môi trường của phương pháp dạy và người dạy như sau:



Khi nói tới môi trường, các tác giả thường chỉ quan tâm đến các yếu tố bên ngoài, nhưng ở đây tác giả còn chỉ ra các yếu tố bên trong của người dạy và người học. Đây là cách nhìn mới về môi trường văn hoá, văn hoá dạy học nói riêng, môi trường văn hoá giáo dục nói chung. Đó là tiềm năng xúc cảm, giá trị, vốn sống, phong cách, nhân cách. Rõ ràng tác giả muốn thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố bên trong và bên ngoài, khẳng định vai trò chủ động của người học và người dạy trước những tác động từ bên ngoài. Môi trường của hệ thống học và dạy khác nhau ở chỗ: môi trường của hoạt động học có người dạy và các yếu tố xoay quanh phương pháp học, các yếu tố bên trong là của người học. Môi trường của hoạt động dạy thì có người học và các yếu tố xoay quanh phương pháp dạy, yếu tố bên

trong là của người dạy. Sự vận động tương hỗ của phương pháp dạy và học đều chịu tác động phù hợp của các yếu tố bên ngoài, nhưng hiệu quả lại phụ thuộc nhiều vào mức độ phù hợp của các yếu tố bên trong của người dạy và người học, chẳng hạn như sự phù hợp về cảm xúc, giá trị, phong cách.

Tiếp cận từ phương diện lí luận dạy học, thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập, tác giả Đặng Thành Hưng đặt ra vấn đề thiết kế môi trường học tập. Trong các kiểu môi trường học tập đều phải bao quát mục tiêu, nội dung, hoạt động, phương tiện và nguồn lực. Có thể kể đến các kiểu môi trường học tập sau đây:

Giờ lên lớp là môi trường truyền thống và quen thuộc, trong đó có nhóm, tổ, môi trường thực hành... quy định cách bố trí bàn ghế, bảng, máy tính theo các sơ đồ khác nhau.

- *Môi trường dã ngoại* là những môi trường bên ngoài lớp học, công ti, nhà máy, địa điểm tham quan...

- *Môi trường trò chơi* là môi trường mang tính chất tự do được tổ chức mọi nơi như trong lớp, ngoài lớp, ở nhà.

- *Môi trường thực tiễn* là môi trường công việc thực sự như lao động, cơ sở vật chất...

Nhìn chung, thiết kế môi trường học tập là tổ chức tất cả những yếu tố mục tiêu học tập, nội dung, hoạt động, phương tiện... thành một hệ thống các tình huống vật chất mà người dạy và người học trực tiếp tác động đến và qua đó tác động với nhau [3].

Như vậy, các thành tố của môi trường giáo dục bao gồm hệ thống các tác động ảnh hưởng, tuy nhiên hệ thống dạy học - giáo dục với các nhân tố: mục tiêu, nguyên tắc, nội

dung, phương pháp, đánh giá, hoạt động của người dạy, hoạt động của người học... là quan trọng nhất, có tác động trực tiếp và có hiệu quả đến sự hình thành và phát triển những nét phẩm chất và năng lực của nhân cách vốn đã được định hình trong các môi trường gia đình, xã hội. *Các thiết bị, phương tiện của cơ sở giáo dục.* Mọi hoạt động giáo dục (ở đây là giáo dục nhà trường) chủ yếu được diễn ra trong phạm vi không gian nhất định, đó là trường học. Hoạt động dạy học truyền thống được diễn ra trong phạm vi không gian lớp học có các yếu tố: lớp học, bàn ghế, bảng, các phương tiện dạy học, các thiết bị thực hành thí nghiệm... Các yếu tố này được tiêu chuẩn hóa về diện tích, cơ cấu các loại phương tiện, kích thước bàn ghế và danh mục các phương tiện tùy theo bậc học, cấp học, loại hình đào tạo (phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp). Đối chiếu với tiêu chuẩn về giảng đường, thư viện và danh mục tối thiểu các thiết bị, phương tiện học tập cho học sinh (theo tiêu chuẩn đã quy định) thì phần lớn các cơ sở giáo dục (phổ thông và chuyên nghiệp) của Việt Nam còn rất thiếu thốn.

II. MÔI TRƯỜNG DẠY HỌC TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Hệ thống giáo dục phải được đặt trong hệ thống lớn hơn là các quá trình kinh tế - xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể của một quốc gia và thế giới. Hoạt động dạy học là hoạt động cơ bản để năng lực nhân cách con người hình thành và phát triển ở mức cao hơn. Một trong những mục tiêu quan trọng của dạy học là phát triển yếu tố nội sinh của con người, định hướng sáng tạo và tạo ra các điều kiện cho chủ thể hoạt động. Như vậy, yếu tố thông tin trong dạy học khi này trở thành điều kiện đề chủ thể nhận thức, lựa chọn, tiếp

nhận, chuyển hoá và phát triển. Trong xã hội hiện đại, trong nền kinh tế tri thức, hay còn gọi là xã hội thông tin thì tác động của thông tin đến giáo dục rất mạnh mẽ, điều đó có nghĩa là hoạt động dạy học không thể tách rời xã hội thông tin đang ngày càng phát triển như vũ bão.

Thông tin được sử dụng như một nguồn lực kinh tế, năng lực của các tổ chức trong xã hội hiện đại trước hết ở việc sử dụng thông tin để làm tăng trưởng các nguồn lực. Chẳng hạn, các giá trị của hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trong các trường đại học trước hết là kết tinh ở giá trị thông tin, khả năng ứng dụng. Khả năng đổi mới và cạnh tranh của các trường đại học trước hết là khả năng xử lý thông tin mới, có tác dụng thúc đẩy các quan điểm hành động vốn đã cứng nhắc trong các trường đại học. Trong thời đại hiện nay, vai trò của các trường đại học có tầm quan trọng đặc biệt trong việc định hướng thông tin cho xã hội, cho mọi người. Các thông tin phổ biến khoa học trên các tạp chí không những dẫn đường cho các lĩnh vực khoa học phát triển mà quan trọng hơn là các giá trị to lớn nó đem lại cho các hệ thống quản lý triển khai ứng dụng trong thực tiễn.

Hai là, thông tin ngày càng được đa số quần chúng sử dụng rộng rãi. Lối sống hiện đại không thể thiếu được các phương tiện thông tin, đặc biệt là sử dụng các phương tiện thông tin. Vai trò của thông tin với cuộc sống cá nhân đã và đang làm cho quyền hạn và trách nhiệm của công dân được tăng cường, thực sự đem lại sự dân chủ cho con người và nó đang trở thành công cụ đắc lực cho mọi tổ chức và cá nhân tiếp cận với các cơ sở văn hoá và giáo dục. *Ba là*, việc phát triển một ngành Thông tin ở ngay trong nền kinh tế. Khi thông tin trở thành nguồn lực thì sự phát triển của chính nó trong nền kinh tế là điều tất yếu. Các quốc gia đều

nhận ra điều này nhưng để triển khai thành nguồn lực thì điều đó còn phụ thuộc vào ý chí quyết tâm và tiềm lực kinh tế để đầu tư ban đầu. Chẳng hạn trong các trường đại học, việc *nhận thức ra* vai trò cực kì quan trọng của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như trong điều hành hệ thống quản lí là điều ai cũng biết, nhưng để *hiện thực hoá* các quan điểm trên bằng hành động là điều không phải dễ dàng và nhanh chóng. Các kết quả nghiên cứu gần đây (ở các nước phát triển) đều quan tâm đến sự *thay đổi nhận thức từ các nhà quản* “, *lãnh đạo*, đồng thời là việc tạo lập một phong cách làm việc theo tư tưởng công nghệ là yếu tố phải giải quyết trước tiên.

Dù muốn hay không thì trên thực tế hơn hai thập kỉ qua, ở các nước đang phát triển, sự phát triển các ngành thông tin đều phát triển nhanh hơn rất nhiều so với các lĩnh vực khác. Ví dụ từ năm 1994, thông tin toàn cầu tăng trưởng hơn 5% trong khi toàn bộ nền kinh tế thế giới chỉ tăng chưa đến 3%. Những đột phá của công nghệ thông tin có thể xác định ở các nội dung cơ bản sau đây [Dẫn theo tài liệu 9, tr 29-37]:

Cuộc cách mạng thông tin đối với toàn thế giới sẽ mang lại những giá trị mới, và việc làm mới, nghề nghiệp mới... Trong xã hội hiện đại, con người có thể làm đảo lộn môi trường của mình là nhờ có công nghệ, ngược lại công nghệ cũng làm biến đổi con người trong hành động, trong suy nghĩ và trong cách tiếp xúc với thế giới xung quanh. Do đó đòi hỏi con người phải thích nghi với xã hội một cách nhanh chóng. Để chuyển hoá thành xã hội thông tin, công nghệ thông tin có các những bước đột phá như sau: Sử dụng các vi mạch, chip điện tử có tốc độ xử lí tính toán cao trong các cấu trúc song song; kĩ thuật số hoá (Numerisation); công nghệ LASER (Ligh Amplification by

Stimulated Emission of Radiation); cáp sợi quang; công nghệ nén số hình ảnh; công nghệ chuyển tải không đồng bộ; mạng thông tin số hoá đa dịch vụ băng rộng; truyền thông đa phương tiện trong thế giới thông tin tương tác; các hệ thống thông tin di động; các siêu lộ cao tốc thông tin (Superhighway).

Một trong những nét đặc trưng của xã hội thông tin là sự chú trọng dành cho giáo dục. Trọng tâm cần thiết là tạo nên một xã hội có học thức (Learning Society). Công nghệ đã cách mạng hoá khả năng giáo dục theo các phương thức mới, hiệu suất và hiệu quả cao hơn trước đây.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, giáo dục đã được tiếp cận tin học và công nghệ thông tin đã làm chuyển biến cơ bản về đổi mới phương pháp dạy học. Đồng thời đã xuất hiện khái niệm môi trường học tập mới, đó là *môi trường học tập e-learning* (Electronics Learning). Đây là thuật ngữ để chỉ mô hình học tập mới với sự trợ giúp của máy tính, nhưng về sau ý nghĩa của nó cao hơn bởi tính tích cực nhận thức có hiệu quả (effective). Mô hình học tập e-learning đã tạo cơ hội học tập cho mọi người, học suốt đời, tạo ra sự bình đẳng về giáo dục cho mọi người. Học tập thông qua máy tính và mạng Internet có ưu điểm là tạo môi trường tương tác để học sinh làm quen với điều kiện mới, tác phong *mới* và thói quen học tập mới. Từ môi trường học tập mới này sẽ tạo ra phong cách văn hoá mới trong xã hội hiện đại với những yêu cầu rất khoa học, thực tiễn và hiệu quả, có thể gọi là “văn hoá thời @”. ưu điểm lớn nhất của học tập với mạng máy tính và Internet là tạo môi trường tương tác để học sinh làm quen với điều kiện làm việc mới, sử dụng Website làm công cụ hỗ trợ hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh, để kiểm tra kiến thức học sinh, để quản lí, để phổ biến

kiến thức cho mọi người... Nhìn chung, sự phát triển với tốc độ nhanh của khoa học công nghệ tác động mạnh đến thông tin, làm thay đổi căn bản phương pháp giảng dạy, theo S.T Chong (1997) xã hội thông tin làm cho thông tin có giá trị không dài, khối lượng thông tin tăng nhanh, nội dung thông tin ngày càng chuyên môn hoá và phức tạp.

Mô hình e-learning là giáo dục trực tuyến với sự giúp đỡ của máy tính và mạng máy tính (Internet và Intranet) và của các phương tiện truyền thông tin, các chuẩn truyền thông khác ngoài mạng máy tính. E-learning có rất nhiều lợi thế như: khả năng lưu trữ dữ liệu, khả năng liên kết và tìm dữ liệu trong môi trường mở, khả năng dạy và học ở mọi lúc, mọi nơi, khả năng truyền thông đa phương tiện, khả năng kiểm tra kết quả trực tuyến. Sức mạnh của e-learning là rất lớn, có tác dụng nâng cao hiệu suất và chất lượng giáo dục, đồng thời làm thay đổi căn bản cách thức quản lý giáo dục ở phạm vi vĩ mô và vi mô.

Môi trường dạy học điện tử là môi trường mới, rất khác môi trường không gian thực tế đang diễn ra. Quản lý môi trường này cũng đòi hỏi phải có tri thức toàn diện, có niềm tin và năng lực kiểm soát. Mặc dầu phạm vi không gian rất rộng và thông tin từ nhiều hướng nhưng tính chất *định hướng giáo dục* phải là một yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ phát triển môi trường dạy học tích cực. Nếu thiếu vai trò định hướng của giáo dục thì tác động tiêu cực của môi trường này sẽ là rất lớn và rất khó khắc phục hậu quả. Môi trường điện tử có định hướng dạy học xuất phát từ quan điểm: Thông tin phải qua khâu xử lý sư phạm (chuyển hoá thông qua lý luận dạy học) mới trở thành tri thức dạy học. Trước đây, khâu xử lý rất chậm, song hiện nay, thông tin do giáo viên xử lý đưa vào dạy học nhanh hơn, nhưng điều đáng quan tâm hơn là đòi hỏi người học phải xử lý thông tin

nhanh hơn nữa. Người học phải có năng lực nhận ra vấn đề một cách độc lập, thậm chí cũng không cần thiết phải thông qua tất cả mọi thông tin ở các cấp quản lý chuyên môn. Tuy nhiên, thông tin đến với người học cần với liều lượng vừa phải để tránh tình trạng nhiễu tin, thiếu chọn lọc... *Định hướng thông tin* là vấn đề cốt lõi và là yêu cầu quan trọng của dạy học điện tử trong môi trường tri thức rộng lớn.

Thời gian và không gian học tập trong môi trường điện tử là một vấn đề hoàn toàn mới và có tác động làm thay đổi quan niệm của khoa học giáo dục hiện nay. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển môi trường học tập điện tử ban đầu không phải xuất phát từ yêu cầu của nghiên cứu khoa học giáo dục mà trước hết là từ thực tiễn. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước đã trải qua thực tiễn này là

một hướng đi đúng và tiết kiệm của khoa học giáo dục, tuy nhiên cần có các quyết định kiên quyết hơn của các nhà quản lý giáo dục trong quá trình triển khai.

Mục tiêu dạy học hiện đại đã được tiếp cận khác trước, nếu căn cứ mục tiêu phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học thì ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ lớn hơn rất nhiều. Tác dụng dễ nhận ra nhất của công nghệ thông tin là giúp người học mở rộng lý thuyết, bổ sung tư liệu, phát triển kỹ năng... Giờ dạy rất sinh động và tạo ra hào hứng cho người học. Điều phải quan tâm trước hết là giáo án điện tử chỉ thích hợp cho những người có trình độ tự giác cao, có động cơ học đúng đắn và có cách học tập khoa học, giáo án điện tử cũng chỉ thích hợp với các nội dung có tính quy trình và kỹ năng rõ rệt.

Tuy nhiên, các điều kiện để phát triển môi trường điện tử gồm các bước cơ bản sau đây mà không phải lúc nào cũng

nhanh chóng được thực hiện: Thay đổi *nhận thức* của các cấp quản lí từ đổi mới tư duy, quan điểm, nhận thức và hành động. Xây dựng kế hoạch *hành động* và các *điều kiện* đảm bảo. Người dạy, người học và môi trường học tập phải được tiếp cận từ tư tưởng hiện đại, theo quan điểm công nghệ. Bài toán khó với các nước nghèo có hệ thống giáo dục còn lạc hậu là ở chỗ phải đi trước, đón đầu các kết quả mới từ các nước phát triển và học cả những sai lầm ở đó.

Như đã trình bày ở trên, không có một môi trường trống rỗng, các trang bị vật chất tối thiểu như: máy tính, các chỉ dẫn, các bài giảng mẫu, tài liệu điện tử, nguồn thông tin... là yếu tố điều kiện để phát triển môi trường điện tử. Đồng thời, cần thiết phải xây dựng tiêu chuẩn văn hoá điện tử, văn hoá tin học, văn hoá công nghệ cao... Yếu tố con người càng phải được coi trọng trong xã hội công nghệ thông tin. Đây là nguyên tắc cơ bản để giáo dục các chủ nhân của hoạt động.

Những khó khăn từ thực tiễn hiện các trường đại học hiện nay là: Xuất phát điểm của phần lớn sinh viên là từ môi trường lớp học truyền thống, rất ít sinh viên trước đó được học tập trong môi trường học tập công nghệ thông tin, do đó khi triển khai áp dụng gặp nhiều khó khăn. Đề án đưa công nghệ thông tin vào trường học có tên là ACOT (*Apple Classrooms of Tomorrow* - Tài liệu do Nguyễn Vinh Quang dịch, 2004) cho rằng có 5 giai đoạn mà một giáo viên cần phải trải qua khi áp dụng công nghệ thông tin, đó là: *tiếp cận, chấp nhận, thích nghi, phù hợp hoá, sáng tạo*. Một khó khăn nảy sinh là sinh viên có thêm “ phương pháp lừa dối mới”, biểu hiện là copy phần mềm bất hợp pháp, cách thâm nhập vào máy tính, vào phần mềm của người khác, phá huỷ hay thay đổi sản phẩm của người khác, copy từ Internet các thông tin để làm báo cáo của mình... do đó đòi

hỏi giáo viên phải có cách kiểm tra đặc thù. Một vấn đề nữa cũng đáng quan tâm là ngay cả đại học danh tiếng như Harvard (Mỹ) cũng rất coi trọng *môi trường giao tiếp trực tiếp* trong học tập của các sinh viên bởi yếu tố hoạt động nhóm với sự chia sẻ kinh nghiệm. Sự tác động của môi trường trực tiếp có tác dụng tích cực mà ở phương diện tương tác cá nhân, môi trường điện tử không thay thế được.

Tuy nhiên, lợi thế về việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học là cơ bản, biểu hiện rõ nhất là chủ thể có sự hứng thú cao; giúp giáo viên biểu hiện các khái niệm bằng hình ảnh động, do đó người học nhận biết dễ dàng hơn là hình ảnh tĩnh trên sách. Khả năng kích thích cao hơn, khơi gợi kinh nghiệm của cá nhân mạnh hơn, việc học nhóm được tiến hành thuận lợi và nhìn chung là sinh viên ham học hơn, các vấn đề kĩ thuật ít xuất hiện... [tldd]. Tại Hội nghị Paris về giáo dục đại học (1998) đã nêu tóm tắt yêu cầu đối với *nhà giáo mới* ở đại học: “ *Phải làm chủ được môi trường công nghệ thông tin và truyền thông mới, đồng thời phải chuẩn bị về mặt tâm lí cho một sự thay đổi cơ bản về vai trò của họ* ” . (Theo tài liệu: *Giáo dục đại học ở thế kỉ XXI - tầm nhìn và hành động*, Paris, 1998, bản tiếng Anh).

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào giáo dục để có kết quả tốt có thể theo phương pháp lan toả. Chọn những sinh viên có năng lực và tạo môi trường tích cực cho họ triển khai tiếp ở nhóm học tập, làm cho mọi học sinh được chia sẻ kiến thức và làm tăng sự tự tin của họ. Hoặc sử dụng phương pháp xoay vòng, bắt đầu từ 2 đến 3 học sinh được dạy về ứng dụng phần mềm, sau đó dạy một nhóm khác, nhóm này sau khi nắm được vấn đề lại đi dạy nhóm khác. Đối với giảng viên, khuyến khích những người đi đầu, quảng bá, giới thiệu rộng rãi bằng

cách đánh giá chất lượng và hiệu quả bài dạy, tạo bước đột phá để những người tâm huyết được khẳng định vị trí vai trò của họ trong cuộc cách mạng về giáo dục đại học.

Mô hình giáo dục theo định hướng chuyên ngành ở Hà Lan rất coi trọng việc kiến tạo môi trường dạy học tích cực. Chẳng hạn, một buổi học của sinh viên trường đại học chuyên ngành ở Hà Lan được diễn ra như sau: Sinh viên đến trường xem thông báo về yêu cầu của giáo sư (đã niêm yết) về chương trình học trong tuần và trong ngày, các nhóm sinh viên làm việc trong thư viện hoặc thảo luận trong giảng đường (có sẵn các cổng Internet), bài tập được hoàn thiện và gửi cho giáo sư qua e-mail, theo giờ quy định, nhóm (hoặc cá nhân) báo cáo kết quả, giáo sư kết luận và ra các yêu cầu mới. Quỹ thời gian trong ngày dành chủ yếu cho sinh viên tự làm việc, cách học hợp tác là chủ yếu. Ngoài ra, sinh viên đi nghe các chuyên đề do các giáo sư thuyết trình tại các phòng học lớn. Trong một ngày, sinh viên học tập (học và làm việc cả ngày ở trường), có rất ít các phòng học im lặng (do cách dạy thầy đọc - trò chép) như mô hình dạy học ở một số giảng đường Việt Nam. Các giáo sư có phòng chuyên môn dùng để nghiên cứu, thảo luận và thống nhất, trao đổi về cách dạy của các giảng viên trong nhóm/bộ môn. Về không gian, cả trường được kiến tạo thống nhất thành một khối thống nhất liên hoàn giữa các phòng học, cổng trường có gắn màn hình điện tử thông báo các thời khóa biểu, lịch học tại các địa điểm cụ thể.

Nhìn chung, tiêu chuẩn của môi trường dạy học hiện đại không chỉ bao gồm các yếu tố kỹ thuật mà điều quan trọng là chủ thể trong môi trường đó được chủ động, tích cực hoạt động sáng

tạo và kiến tạo nên một môi trường phong phú và tích

cực, nhờ đó các ảnh hưởng mang tính giáo dục được khuyến khích và có hiệu quả cao.

Trong tài liệu *Lí luận dạy học đại học* các tác giả Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (1996) đã đề cập đến vấn đề: Quá trình dạy học ở đại học với tư cách là một hệ thống tồn tại và phát triển trong môi trường kinh tế - xã hội và môi trường khoa học - công nghệ. Một mặt, nó đòi hỏi các trường đại học phải đào tạo những cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài do đời sống xã hội đòi hỏi trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển ở mức độ cao, mặt khác chúng tạo điều kiện góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học ở đại học.

Trong môi trường giáo dục đại học, những yếu tố cụ thể sau đây phải được đề cập đồng thời:

- *Cơ sở vật chất, cảnh quan của nhà trường* cùng với những điều kiện ăn ở, trang thiết bị dạy và học. Đây là yếu tố bên ngoài của cả người dạy và người học. Nó có tác động mạnh đến cảm xúc, hình thành ấn tượng và niềm tự hào đối với con người. Khi sống trong môi trường văn minh, sạch đẹp cũng tạo nên ý thức tích cực cho con người. Ngược lại, trong môi trường hạn chế nhiều mặt sẽ có tác động tiêu cực trở lại, “ ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” . Đối với sinh viên, trong điều kiện học tập tốt sẽ tạo niềm tin, tạo ra sự hưng phấn tích cực với họ, đồng thời cũng làm hạn chế những thói quen xấu của họ.

- *Các hoạt động ngoài giờ lên lớp như văn hóa, văn nghệ, thể thao* là mặt tích cực của hoạt động xã hội của sinh viên, thể hiện tính tích cực chủ động của sinh viên trong việc cải tạo môi trường. Trong các hoạt động này, tính chủ động của sinh viên thể hiện ở mọi khâu tổ chức, tham gia,

kể cả nội dung và phương thức biểu hiện. Môi trường xã hội hiện nay rất phức tạp và các yếu tố xấu tác

động mạnh đến sinh viên, do đó đẩy mạnh các hoạt động trên đây sẽ góp phần làm giảm bớt các tệ nạn xã hội đang có xu hướng xâm lấn vào các trường.

- *Sự gương mẫu của cán bộ, giảng viên trong các quan hệ với sinh viên.* Giảng viên là hình ảnh sống động về nghề nghiệp tương lai của sinh viên sư phạm, họ là yếu tố bên ngoài đối với sinh viên nhưng lại giữ vai trò chủ đạo từ các tác động bên ngoài. Kinh nghiệm giáo dục của nhân dân đã chỉ ra quy luật quan trọng rằng: Thế hệ chúng ta sống và cư xử với nhau như thế nào thì thế hệ đi sau sẽ học tập để sống và cư xử theo đó. Môi trường sư phạm, trước hết phải là môi trường mô phạm, đạt tới các chuẩn mực, yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- *Vấn đề đánh giá sinh viên.* Hiệu quả của phương pháp dạy và học cũng như khả năng thích ứng của sinh viên với phương pháp sư phạm chủ yếu được thể hiện ở đây. Nó ảnh hưởng rõ nét đến niềm tin của sinh viên đối với giảng viên cũng như với xã hội. Hiện tại, muốn xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, trước hết tập trung vào quản lý khâu thi và kiểm tra trong công tác đào tạo. Người học là đối tượng chịu sự tác động quản lý ở khâu này, đồng thời cũng ở khâu này, thể hiện rõ nhất phẩm chất và năng lực của người sinh viên sư phạm. Mục tiêu chiến lược của nhiệm vụ kiểm tra đánh giá là hướng đến hình thành năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá ở người học.

Phong cách giao tiếp sư phạm của sinh viên. Đây vừa là yếu tố tạo nên môi trường giáo dục, vừa phản ánh ảnh hưởng của các yếu tố khác của môi trường sư phạm đến nhân cách sinh viên. Phạm vi giao tiếp, đối tượng giao tiếp,

nội dung, phương thức giao tiếp, thời gian giao tiếp của sinh viên sư phạm là biểu hiện sinh động nhất về phong cách giao tiếp của họ. Đặc trưng nổi bật của sinh viên sư phạm trong quá trình giao tiếp là tính định hướng giáo dục, sự chuẩn mực trong ngôn ngữ và biểu cảm đối với đối tượng giao tiếp. Đây cũng là ảnh hưởng nghề nghiệp tất yếu của họ với những người xung quanh.

III. MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Môi trường luôn biến đổi bởi sự tác động của chính các nhân tố trong hệ thống. Đồng thời, các yếu tố bên ngoài cũng tác động mạnh mẽ đến toàn bộ hệ thống, thậm chí đến từng yếu tố của các nhân tố trong hệ thống. Hiện nay, phạm vi không gian trường học được mở ra bởi “*trường học không tường*”, phạm vi không gian lớp học xuyên lục địa và không đóng khung trong các bức tường như trước. Thậm chí đã xuất hiện tình hình là hoạt động trong lớp học chịu sự chi phối trực tiếp của thị trường nhân lực cả về mục tiêu, nội dung và phương pháp. Ví dụ như đối với các lớp học ngoại ngữ, huấn luyện kỹ năng cho các đối tượng đi lao động ở nước ngoài. Như vậy, chúng ta không nên có suy nghĩ sai lầm là phát triển môi trường giáo dục tách ra khỏi sự sôi động của kinh tế thị trường. Sự ảnh hưởng mạnh của kinh tế thị trường đến môi trường giáo dục có tác dụng là làm cho con người năng động hơn, do đó cũng đòi hỏi nội dung và phương pháp giáo dục buộc phải đổi mới nếu mô hình giáo dục đào tạo nào đó muốn tồn tại và phát triển. Trong các hệ thống môi trường giáo dục hiện nay, dù muốn hay không ít nhiều phải chấp nhận các tác động của kinh tế thị trường kể cả tích cực và hạn chế của nó.

Nền kinh tế thị trường với sự năng động vốn có của nó

đã làm rung chuyển căn nhà giáo dục vốn từ lâu đóng cửa kín. Lần đầu tiên, người ta đã biết bỏ tiền ra để được học người thầy giỏi hơn. Những cách tiếp thị của thị trường đã đến với giáo dục từ phương thức du học đến các phương thức quảng cáo luyện thi... đã phản ánh một thực tế là môi trường sư phạm đã nhuốm màu của thị trường. Nhưng vấn đề này cần nhìn rộng hơn ở chỗ: *Thị trường nhân lực, thị trường lao động* là những khái niệm đáng đề các trường đại học quan tâm bởi nếu không quan tâm đến vấn đề này thì các trường sẽ tự đánh mất mình. Hoặc, việc tuân theo quy luật cung - cầu như thế nào cũng là một tiêu chí để xác định vị trí, sứ mạng của các trường trong bối cảnh toàn cầu hoá. Việc giải quyết mâu thuẫn giữa định hướng mang tính nguyên tắc của hệ thống giáo dục và dạy học với các yêu cầu có tính tự do (ít nhiều có tính vô nguyên tắc ở giai đoạn đầu của thị trường) sẽ tác động mạnh đến việc viết tài liệu giáo trình, cách giảng dạy và cách đánh giá trong các trường đại học hiện nay.

Những tác động tích cực của thị trường đối với giáo dục (đặc biệt là những đòi hỏi về chất lượng đào tạo) cũng góp phần làm lung lay những bộ phận lạc hậu của giáo dục hiện tại. Chẳng hạn, với sự ra đời của hệ thống giáo dục ngoài công lập, nhu cầu được đóng góp cho giáo dục (theo tinh thần xã hội hoá giáo dục) đã thể hiện rõ quy luật cung - cầu, giá thành - lợi ích trong giáo dục. Trong những tranh luận gần đây, các nhà chiến lược giáo dục đang còn bàn cãi về việc có thị trường giáo dục hay không (hiểu trong phạm vi kinh tế học giáo dục), hay thị trường hoá giáo dục theo kiểu kinh doanh giáo dục như một số nước Âu - Mỹ. Chương trình giáo dục phải được thay đổi *căn bản* từ triết lí vì cuộc sống nhiều hơn, giá trị thực tiễn cần được coi trọng để những nội dung giáo dục của nhà trường đáp ứng được

những đòi hỏi của xã hội. Dù sao thì tác động tích cực của kinh tế thị trường đến hệ thống giáo dục, kể cả yếu tố bên trong và bên ngoài là nổi trội, là tất yếu theo quy luật khách quan, còn những tác động xấu đến môi trường giáo dục cũng là điều khó tránh khỏi, vấn đề ở chỗ là “màng lọc” của giáo dục có bị biến dạng theo hay không.

Sự tác động của kinh tế thị trường đến môi trường văn hoá giáo dục và tác động mạnh đến cả hệ thống quan hệ của môi trường văn hoá giáo dục. Sự tác động ấy thể hiện ở hai mặt: ảnh hưởng xung quanh môi trường hoạt động của nhà trường với sự tác động về bề nổi dễ nhận ra. Đồng thời là sự ảnh hưởng tác động vào các mối quan hệ vốn xưa nay rất bền chắc, đó là quan hệ thầy trò, quan hệ đồng nghiệp, quan hệ tình bạn, tình yêu... trong nhà trường sư phạm, đã có nơi xuất hiện xu hướng “thương mại hoá” các quan hệ đó. Có ý kiến cho rằng, hệ thống giáo dục quốc dân cần phải được bao cấp toàn bộ bởi tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục con người. Ý kiến này cũng gọi ra cho các nhà hoạch định chính sách vĩ mô quan tâm đến các quyết định giáo dục trước hiện trạng có sự suy thoái nhân cách con người. Điều này càng thúc bách quá trình nghiên cứu các vấn đề của khoa học giáo dục cần phải có các kết luận mới, sắc bén, kế thừa và hiện đại.

Ở phương diện chất lượng dạy học, điều gì thúc đẩy các giảng viên tự mình nâng cao chất lượng dạy học? Giả thiết có sự *cạnh tranh chất lượng* trong dạy học giữa các giảng viên dạy ở các trường quốc lập với giảng viên trường tư thục, dân lập hoặc trường có vốn 100% của nước ngoài diễn ra lành mạnh thì sẽ tạo động lực cho phát triển. Theo đó, thúc đẩy vấn đề chất lượng dạy của các giảng viên sẽ phụ thuộc vào cơ chế hoạt động của từng loại trường. Trong hàng loạt các yếu tố, nổi lên vấn đề là ai dạy tốt, có

chất lượng thì có thu nhập cao. Điều đó không có nghĩa là chất lượng dạy học chỉ bao gồm tiêu chí kiến thức khoa học - nó không thể thay thế được mọi nhiệm vụ trong giáo dục nhân cách sinh viên. Thực tế đã có nhiều giáo viên dạy ở các trường chất lượng cao, trường liên kết với nước ngoài chỉ quan tâm đến nhiệm vụ trang bị kiến thức, rất thờ ơ với nhiệm vụ giáo dục toàn diện nhân cách sinh viên. Trong môi trường giáo dục - sư phạm, không chỉ dựa trên quan hệ hành chính công (có thể có sự sòng phẳng về kinh tế) nhưng điều đáng nói là sự lạnh lùng vô cảm với công tác giáo dục con người. Hoặc, môi trường học tập của sinh viên vẫn có thể được tạo lập với các biểu hiện tích cực và say mê của người học, người dạy nhưng nếu còn phiến diện, chưa thể coi là môi trường giáo dục có chất lượng hoàn hảo. Hơn nữa, trong quan hệ thầy - trò truyền thống của người Việt Nam thì đạo lý “ tôn sư trọng đạo” là tư tưởng bao trùm lên các quan hệ giáo dục. Cũng có thể từ sự thâm nhuần quan điểm này mà môi trường giáo dục tích cực vẫn được phát triển mặc dầu trong bối cảnh điều kiện không thuận lợi.

Một vấn đề lớn hơn cần quan tâm như đã đặt vấn đề ở phần *Mở đầu* đó là sự không phù hợp giữa giáo dục với môi trường kinh tế - xã hội. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu toàn diện để thiết lập quan hệ trên khăng khít hơn. Đây là giải pháp chiến lược để giải quyết vấn đề phát triển môi trường giáo dục theo hướng tích cực, để phát triển giáo dục nói chung trong điều kiện hiện nay.

Như vậy, sự ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đến môi trường văn hoá giáo dục là một quy luật khách quan. Điều đáng quan tâm hiện nay là cần phải hình thành cho được ở thế hệ trẻ năng lực *thích ứng* với yếu tố tích cực của môi trường. Đồng thời là tạo ra khả năng *kháng thế tốt* để

phòng vệ trước tác động tiêu cực của yếu tố bên ngoài. Cũng trong nền kinh tế thị trường đã dần hình thành quy luật: Những gì có lợi, có hiệu quả, có giá trị, có tác dụng tích cực đối với con người, thì sẽ tồn tại và phát triển, còn các yếu tố lạc hậu trì trệ, cản trở cái mới sẽ dần dần bị loại bỏ.

IV. MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC THEO CÁCH TIẾP CẬN XÃ HỘI HỌC

Trong quá trình giáo dục, có hai bình diện rộng và hẹp cần được xem xét đồng thời. Bình diện rộng gồm các ảnh hưởng đến con người một cách tự phát, không bao hàm các dụng ý, dù muốn hay không thì trong quá trình xã hội hoá của trẻ em, các tác động đó luôn luôn diễn ra. Bình diện hẹp là những tác động có chủ đích, có kế hoạch được thực hiện trên cơ sở những ảnh hưởng ở trên nhằm hướng về học sinh trong một hệ thống giáo dục đã được thể chế hoá. Theo đó, phải phân tích nhân cách con người trong mối quan hệ với môi trường *của* con người, đó là một loạt những biến đổi xảy ra trong hành động của con người. Đồng thời, quá trình giáo dục diễn ra trong chế độ xã hội - kinh tế khác nhau, trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các cộng đồng mang tính địa phương khác nhau, trong các loại thể chế giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề phải giải quyết là các hoạt động giáo dục phải được nhất thể hoá, tối ưu trong môi trường, quá trình giáo dục lại diễn ra trong những nhóm xã hội nhỏ, trong các tập thể học sinh. Như vậy, với một cá nhân, quá trình giáo dục được xem xét trên cơ sở những kết cấu xã hội vĩ mô và kết cấu xã hội vi mô.

Chúng ta đều biết rằng, xã hội học có đối tượng nghiên cứu là hệ thống xã hội trong tính chỉnh thể của nó, đó là những quy luật chung về sự phát triển và vận động của

chỉnh thể đó. Xã hội học giáo dục nghiên cứu hệ thống giáo dục như là một chỉnh thể xã hội toàn vẹn, bao gồm hai khía cạnh: nghiên cứu hệ thống giáo dục như là một thiết chế xã hội; nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa các phân hệ của nó với nhau và xã hội.

Trong xã hội học, cũng như trong tâm lý học và giáo dục học đang có khuynh hướng xem xét môi trường từ vị trí của một người nào đó và thường là từ vị trí của một cá nhân cụ thể. Biểu hiện của khuynh hướng này là những định nghĩa đã được chấp nhận một cách phổ biến trong xã hội học, quan niệm môi trường như là một hệ thống gồm nhiều cá nhân hoặc nhiều nhóm mà một cá nhân nhất định có tiếp xúc Sự ảnh hưởng này là tất yếu bởi yếu tố ảnh hưởng đến con người, trước hết và thường xuyên là những con người cụ thể.

F.Znanięcki khi nói về môi trường xã hội của một người, đã định nghĩa môi trường như sau: “ *Chúng tôi gọi môi trường xã hội của một người là toàn bộ các nhóm và các cá nhân mà trong suốt đời mình, người đó tiếp xúc tư riêng hay công khai trước công chúng, tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp, thoáng qua hay lâu dài, giữa cá nhân với cá nhân hay thông qua sự vật* ” . (Dẫn theo Stanislaw Kowalski: *Xã hội học giáo dục và giáo dục học*, tr. 123). Ryszard Wroczyński định nghĩa môi trường: “ *Chúng tôi sẽ gọi môi trường là những bộ phận cấu thành tạo ra kết cấu xung quanh con người, những bộ phận đó tác động như là một hệ thống kích tố và gây ra những phản ứng (những xúc cảm) nhất định về tâm lý* ” . (Sđd, tr.123).

Trong ngôn ngữ thường ngày chúng ta thường nói đến môi trường mà không liên hệ nó với bất cứ người nào. Chúng ta quan niệm nó như là một hệ thống những trạng

thái của sự vật, những hiện tượng, những quan hệ và quá trình tự tại, riêng biệt trong không gian nhất định. Theo đó, chúng ta nói đến những môi trường địa phương (nông thôn, thị trấn, thành phố lớn), môi trường có tính giai cấp (trong giới thợ thuyền hay vô sản, tiểu tư sản, tư sản quý tộc) những môi trường văn hoá (văn học, nghệ thuật, khoa học), môi trường của những người đời bại về đạo đức (du đãng, phạm tội) Những từ ngữ như trên để chỉ những môi trường cụ thể, tự phát, được so sánh giữa chúng với nhau và bản thân tên gọi đã có hàm nghĩa đánh giá. Ví dụ như so sánh môi trường đô thị với thị trấn, môi trường công nghiệp với môi trường buôn bán trong một thành phố lớn. Thuật ngữ “môi trường” còn được dùng trong các ngành khoa học có nhiệm vụ mô tả hoặc phân tích so sánh các môi trường khác nhau, ví dụ như trong khoa địa dư, sinh thái, nhân khẩu học... (Sđd, tr.125 -127).

Có thể liên hệ giữa khái niệm môi trường với một hình ảnh cụ thể do đó có thể nói rằng, một người nào đó *xuất thân* từ môi trường nông thôn, hay một người nào đó được *nhận vào* môi trường nghệ thuật rằng một người nào đó *sa vào* môi trường tội lỗi. Như vậy, yếu tố môi trường có thể là đã ổn định, đang tồn tại và có dạng môi trường không được tồn tại (nhưng nó vẫn chưa bị triệt phá). Ngược lại, cũng có những đánh giá về sự ảnh hưởng từ môi trường đã dẫn đến sự ngộ nhận về con người. Chẳng hạn, trong môi trường tốt, người ta dễ tin hoàn toàn vào những người sống trong đó; hoặc trong môi trường xấu người ta dễ đánh đồng người tốt với người xấu. Cũng có thể xuất phát từ quan niệm này, cho đến nay, khi đánh giá (về giáo dục) ít khi chúng ta thừa nhận trong môi trường giáo dục của chúng ta có cái xấu, có cái tiêu cực, hoặc nếu có thì do các tác động ảnh hưởng xấu từ bên ngoài là chủ yếu. (Xem thêm

Chương III của sách này).

Trong hệ thống quản lí giáo dục, nhân cách con người được xem xét về phương diện năng lực, đạo đức không chỉ ở tiêu chí “ không vi phạm” các chuẩn mực, mà quan trọng hơn là bản thân họ phải kiến tạo nên một môi trường giáo dục tốt. Muốn vậy, quyết định có tính chất then chốt là tuyển chọn người trong hệ thống phải thực sự có phẩm chất và năng lực. Sách lược dùng người phải căn cứ vào yêu cầu khách quan của công việc để chọn người đủ tiêu chuẩn chứ không phải là từ con người cụ thể để “ dọn chỗ” . Một tiêu chuẩn cần quan tâm là khi đánh giá con người ở một môi trường cụ thể, cần xem xét *khả năng bao quát và tầm nhìn* của họ với các vấn đề liên đới cũng như *năng lực giải quyết các vấn đề gay cấp* trong môi trường hoạt động của họ. Không thể có một môi trường giáo dục tốt nếu trong hệ thống quản lí giáo dục có nhiều người yếu kém. Theo đó, không thể có môi trường khoa học thật sự nếu chỉ là một sự tập hợp về số lượng đội ngũ trí thức. Theo kết quả nghiên cứu về trí thức, *môi trường hoạt động* là một trong ba yếu tố mà người trí thức quan tâm, cùng với sự *tin dùng* của lãnh đạo và sự *công bằng* trong đánh giá.

Môi trường là một hệ thống khách quan, trong đó mọi yếu tố trước hết là các cá nhân đều phụ thuộc lẫn nhau, mọi yếu tố đều phát triển trong mối quan hệ cùng tồn tại và tác động lẫn nhau, cư xử theo cách này hay cách khác, thực hiện những vai trò xã hội như thế này hay như thế khác đặc trưng cho những thể chế và những nhóm xã hội nhất định. Trong hệ thống đó, mỗi cá nhân là một yếu tố của môi trường và đó là môi trường của tất cả những cá nhân khác và đồng thời mọi cá nhân trong đó đều là những yếu tố của môi trường của một cá nhân cụ thể.

Môi trường văn hoá là một chỉnh thể thống nhất được hợp thành bởi các hệ thống nhất định. Đó là hệ thống những giá trị văn hoá (cái giá trị), hệ thống những quan hệ và những sản phẩm văn hoá (cái mang giá trị), hệ thống những hình thái hoạt động văn hoá (cái thực hiện giá trị), hệ thống những thiết chế văn hoá (cái định hướng giá trị).

Thành tố thứ nhất là hệ thống những giá trị văn hoá. Giá trị là đặc trưng cơ bản hàng đầu quy định đặc điểm, nội dung và quy luật phát triển có tính đặc thù của văn hoá. Nó còn là tiêu chuẩn để xem xét một hiện tượng, ở một thời điểm lịch sử nhất định và theo hệ chuẩn mực nhất định là văn hoá hay phản văn hoá, mức độ phản văn hoá đến đâu. Nếu như giá trị kinh tế nghiêng về cái lợi, khoa học nghiêng về cái đúng, đạo đức nghiêng về cái thiện, nghệ thuật nghiêng về cái đẹp, thì giá trị văn hoá đòi hỏi phải được phân định bằng cả ba chuẩn cơ bản: chân - thiện - mỹ. Phạm trù chân, thiện, mỹ phản ánh mối quan hệ đặc biệt giữa con người với tự nhiên, xã hội và bản thân về mặt văn hoá, là kết quả sự phân cực quá trình hoạt động nhận thức cùng thái độ, hành vi ứng xử và khả năng cảm thụ, sáng tạo văn hoá của con người.

Với tư cách là thành tố của môi trường văn hoá, hệ thống các giá trị văn hoá bao hàm nhiều cấp độ: Có các giá trị gốc giữ vai trò *nền tảng* mang tính định hướng chung và ổn định tương đối; có các giá trị chuẩn mực là sự thể hiện giá trị nền tảng vào điều kiện lịch sử đặc thù; có các giá trị cụ thể, thường gắn với tiêu chuẩn quy định, yêu cầu nhất định trong đời sống cộng đồng, là sự chi tiết hoá giá trị nền tảng và giá trị chuẩn mực. Giá trị văn hoá có tính lịch sử và không ngừng chuyển đổi.

Hệ thống những giá trị văn hoá tồn tại dưới hai dạng

thức: Những giá trị *văn hoá vật thể* như các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, tổ chức ăn ở, đường làng, ngõ phố, hiệu quả lao động sản xuất... Những giá trị *văn hoá phi vật thể* như tinh thần tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, bản lĩnh chính trị, truyền thống quê hương, nếp sống văn minh, dân trí, nghệ thuật. Cả những giá trị văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể chứa đựng trong cơ sở vật chất - văn hoá, trong hoạt động xã hội, trong nhân cách mỗi người, trong các quan hệ cộng đồng đều được coi như “tế bào sống” của môi trường văn hoá, chi phối các yếu tố khác.

Thành tố thứ hai là hệ thống những quan hệ văn hoá. Nói đến văn hoá là nói đến con người và cộng đồng người cùng những quan hệ đa dạng, phong phú của họ. Trong hoạt động sống của con người, kinh nghiệm và kiến thức, thái độ và xúc cảm và nhiều phẩm chất, năng lực khác của con người được hình thành và phát triển với các mức độ khác nhau. Sự khác nhau đó phụ thuộc vào sự phong phú của môi trường sống, trong đó yếu tố cá nhân chủ động chiếm lĩnh, làm chủ các quan hệ là quyết định.

Quan hệ văn hoá, trong tổng hoà các quan hệ xã hội, không nằm đơn lẻ, rời rạc mà liên kết thành hệ thống với tư cách thành tố của môi trường văn hoá. Tùy góc độ tiếp cận mà có cách khái quát khác nhau về hệ thống này. Theo chủ thể quan hệ có cấu trúc thứ bậc với quan hệ dọc như người cao tuổi - thiếu niên, cấp trên - cấp dưới, cán bộ - nhân dân... và quan hệ ngang như đồng chí, đồng nghiệp, bạn bè. Theo lĩnh vực quan hệ có cấu trúc đa diện tùy theo sự thâm nhập của văn hoá vào các phương diện xã hội khác như quan hệ văn hoá sản xuất, quan hệ văn hoá tiêu dùng, quan hệ văn hoá chính trị, quan hệ văn hoá giao tiếp, quan hệ văn hoá nghệ thuật. Hệ thống những quan hệ văn hoá luôn chứa đựng những giá trị văn hoá và hợp thành nền tảng của

môi trường văn hoá.

Trong quan hệ xã hội, con người bao giờ cũng vươn tới những khuôn mẫu ứng xử nhất định. Con người ứng xử với tự nhiên không giống như với đồng loại, ứng xử với bản thân không giống như với người khác, ứng xử với một cá nhân không giống như với cả cộng đồng, ứng xử đơn phương khác với song phương, đa phương. Trong môi trường văn hoá, hệ thống những quan hệ văn hoá thể hiện ra như những cách thức ứng xử theo khuôn mẫu nhất định sao cho ngày càng gần với hệ chuẩn chân - thiện - mỹ.

Thành tố thứ ba là hệ thống những hình thái hoạt động văn hoá và cảnh quan văn hoá. Với tư cách là thành tố của môi trường văn hoá, các hình thái hoạt động tiêu biểu trong hiện thực sẽ được diễn hình hoá thành “khuôn vàng thước ngọc” phản ánh hệ thống thang giá trị xã hội mà mỗi cá nhân cố gắng noi theo. Hệ thống những hình thái hoạt động văn hoá là biểu hiện tập trung, sinh động những giá trị văn hoá, những quan hệ văn hoá và có thể được khái quát thành hai hình thái cơ bản. Hình thái gián tiếp gồm các hoạt động xã hội chứa đựng những yếu tố văn hoá như yếu tố văn hoá trong tổ chức cộng đồng, văn hoá trong lao động sản xuất, văn hoá trong tổ chức đời sống gia đình... Hình thái trực tiếp chính là các hoạt động thuần văn hoá biểu hiện dưới hai dạng thái: Những hoạt động thường xuyên như tự học, giao tiếp, trao đổi thông tin và những hoạt động tập trung theo chương trình nhất định như diễn đàn thanh niên, tham quan, hội thao, hội diễn nghệ thuật. Môi trường văn hoá rất đa dạng, phong phú đối với đời sống của con người.

Đối với cảnh quan văn hoá, với ý nghĩa là thành tố của môi trường văn hoá, là sự khái quát hình thái quan hệ người - tự nhiên của môi trường văn hoá, tức là chỉ tổng hợp sự

tác động văn hoá giữa cảnh quan với con người. Một mặt, nó phản ánh chất văn hoá của quá trình con người chinh phục tự nhiên, mặt khác nó phản ánh sự phát triển những giá trị người trước sự tác động, hấp dẫn, truyền cảm của cảnh quan thiên nhiên, cả nguyên sơ và được cải tạo. Sự giao hoà giữa cảnh quan và tự nhiên trước hết vì con người. Hệ thống những hình thái hoạt động văn hoá và cảnh quan văn hoá hợp thành diện mạo đặc trưng của môi trường văn hoá. Những hình thái hoạt động văn hoá, cả các hình thái hoạt động chung và hoạt động thuần văn hoá càng phong phú, đa dạng, cảnh quan văn hoá càng lành mạnh, hài hoà bao nhiêu thì môi trường văn hoá càng có sức sống bấy nhiêu.

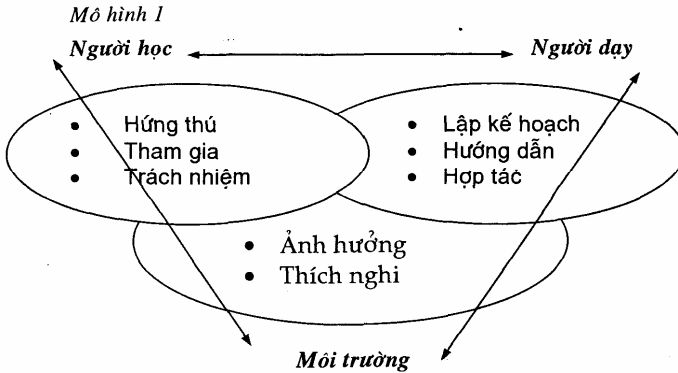
Thành tố thứ tư là hệ thống những thiết chế văn hoá. Hệ thống những thiết chế văn hoá được coi là “trung khu thần kinh” của nền văn hoá nhằm bảo đảm đời sống văn hoá, tạo thuận lợi cho quá trình “sản xuất”, “trao đổi”, “phân phối” và “tiêu dùng” văn hoá của xã hội, bao gồm các thiết chế cơ sở vật chất - văn hoá và các thiết chế xã hội - văn hoá. Các thiết chế cơ sở vật chất - văn hoá như thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ, kinh phí công tác văn hoá, phương tiện thông tin đại chúng... có vai trò trực tiếp đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân, đồng thời thông qua đó giáo dục chính trị tư tưởng, bồi đắp trình độ văn hoá, nâng cao mặt bằng dân trí. Các hệ thống thiết chế xã hội - văn hoá hợp thành thể chế xã hội được mọi cá nhân thừa nhận và tuân thủ, bao gồm: Hệ thống thiết chế chính trị - xã hội, các hệ thống giáo dục và truyền bá văn hoá, các hệ thống tổ chức theo huyết thống, tổ chức theo ý thích, nghề nghiệp, lứa tuổi... đóng vai trò cầu nối, tiếp dẫn giữa môi trường văn hoá với các cá nhân, định hướng chính trị - xã hội cho quá trình lựa chọn giá trị văn hoá, điều chỉnh các quan hệ

văn hoá và quản lí các hình thái hoạt động văn hoá.

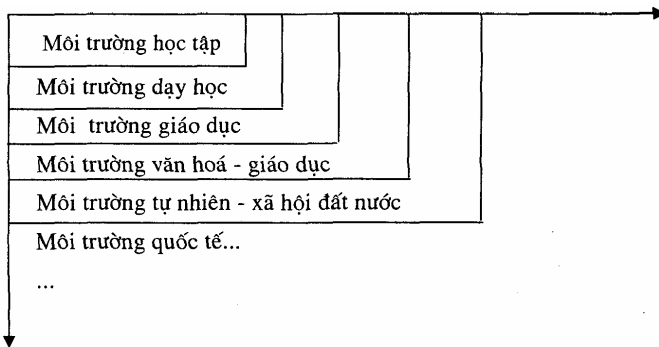
Với ý nghĩa là tổng hoà các thành tố trên đây, môi trường văn hoá có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống cộng đồng và quá trình xây dựng con người.

Với nội hàm khái niệm môi trường văn hoá giáo dục như trên, khi chúng ta vận dụng vào việc xây dựng môi trường văn hoá ở các cấp cơ sở sẽ tạo ra các loại hình môi trường văn hoá như: thôn văn hoá, xã văn hoá, làng văn hoá... khi môi trường giáo dục được xây dựng đạt chuẩn của môi trường văn hoá sẽ tạo thành môi trường văn hoá giáo dục. Bất kỳ một môi trường văn hoá nào cũng mang tính giáo dục sâu sắc. Nhưng không phải môi trường giáo dục nào cũng trở thành môi trường văn hoá. Với ý nghĩa này, các trường đại học có thể đã trở thành các trung tâm khoa học kỹ thuật song có thể rất khó để đạt được các tiêu chuẩn là trung tâm văn hoá, là môi trường văn hoá giáo dục tiêu biểu của vùng của địa phương, của đất nước.

Về quan niệm về môi trường văn hoá và môi trường xã hội, trước hết cần phân biệt môi trường xã hội và môi trường văn hoá. Môi trường xã hội có thể có môi trường tốt và môi trường xấu, còn đã gọi là môi trường văn hoá thì không thể có môi trường văn hoá xấu được. Trong hoạt động sư phạm, môi trường văn hoá và môi trường xã hội đều có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình dạy và học. Phạm vi tác động này chủ yếu tập trung ở 3 yếu tố chính mà theo phương pháp sư phạm tương tác thì sự ý thức của của người dạy và người học về ảnh hưởng của yếu tố môi trường là rất quan trọng.



Nếu xét ở mức độ phạm vi, có thể hiểu cấu trúc hệ thống khái niệm môi trường theo các cấp độ có chứa đựng lẫn nhau như sau: *Mô hình 2*



Nếu xét ở phương diện hoạt động, thứ tự các hoạt động sau đây tương ứng với hệ thống trên, đó là: *hoạt động tự học, hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, các hoạt động văn hoá - xã hội, các*

Chương trình kinh tế xã hội của đất nước... Nếu xét ở chủ thể của hoạt động thì có các chủ thể sau đây tương ứng: *học sinh, giáo viên, các lực lượng giáo dục, nhân lực trong xã hội, hệ thống quản lý cấp quốc gia, quốc tế...* Ở phạm vi không gian học tập nhỏ nhất thì có khái niệm *góc học tập*

được hiểu là khoảng không gian trong nhà (theo tiêu chuẩn cũ) dành làm nơi học tập riêng của trẻ em. Góc học tập cần riêng biệt, ít bị ảnh hưởng của những hoạt động chung trong gia đình, đảm bảo sự tập trung tư tưởng vào học tập, cần có đủ ánh sáng, bàn ghế hợp quy cách, có chỗ để sách vở và đồ dùng học tập. Tuy nhiên, có thể đặt ra một vấn đề là: Nếu trước đây, gia đình có thể kiểm soát môi trường học tập (góc học tập - không gian hẹp) của trẻ em thì hiện nay, với sự bùng nổ của xã hội thông tin, khó có thể kiểm soát giao tiếp của trẻ em với thế giới qua mạng Internet (không gian rộng).

Xuyên suốt hệ thống trên là chủ thể quản lí có chức năng sau đây:

- + Tạo điều kiện cho hệ thống môi trường phát triển;
- + Cung cấp các dịch vụ;
- + Tổ chức các hoạt động;
- + Quản lí, đánh giá.

Trong hệ thống quản lí môi trường thì chức năng điều chỉnh và tạo mới là chức năng quan trọng nhất. Trong phạm vi môi trường giáo dục thì việc tạo ra môi trường mới bởi hoạt động được xác định rõ mục tiêu, nội dung và phương pháp; khuyến khích tăng thêm chất lượng môi trường (đặc biệt là môi trường dạy - học) và bao gồm điều chỉnh, uốn nắn, áp đặt (khi cần thiết).

Từ phạm vi hẹp như môi trường học tập cho đến phạm vi lớn hơn là môi trường kinh tế - xã hội, hiệu quả của các hoạt động diễn ra trong đó như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào trách nhiệm của người kiến tạo, xây dựng và phát triển môi trường đó. Ví dụ, hiệu quả học tập phụ thuộc vào hoàn cảnh nơi mà việc học tập được đem ra và là trách nhiệm

của giáo viên. Không khí, trạng thái lớp học, sự cởi mở trước và trong, sau khi học xong của học sinh, các điều kiện phục vụ cho học tập, các yếu tố được giáo viên sử dụng vì mục đích dạy học là các yếu tố quan trọng đối với việc xây dựng môi trường hoạt động dạy học. Môi trường học tập có hiệu quả là nơi tạo được cho người học cảm giác thoải mái, an toàn và được tôn trọng bởi bạn bè và thầy cô giáo và do đó mà các quá trình nhận thức sẽ được kích thích hoạt động. Trong các trường đại học, đó là môi trường học tập - nghiên cứu. Trong các trường sư phạm là môi trường giáo dục với đặc trưng bởi tính mô phạm trong các quan hệ, tuy nhiên cũng không vì thế mà đánh mất các đặc tính của môi trường học tập của sinh viên đại học nói chung. Hoặc môi trường học tập e-learning đang đòi hỏi phải có các điều kiện cơ sở vật chất và năng lực đồng bộ của hệ thống quản lý giáo dục.

Theo GS. Đàm Trung Đôn [8] thì có ít nhất 5 môi trường học tập: “ *Học trên đường phố, học trên phương tiện thông tin đại chúng, học bằng phát huy sở thích cá nhân, học qua giáo dục phổ cập và sau cùng mới là học bằng hệ thống giáo dục chính thống - môi trường tiêu biểu cho trí thức của quốc gia* ”. Theo đó, con người càng trưởng thành thì khả năng chiếm lĩnh môi trường càng cao. Nhìn chung, trong môi trường văn hoá, môi trường giáo dục thì yếu tố hoạt động chủ động và tích cực của con người là yếu tố quyết định.

Môi trường giáo dục đại học: Hệ thống giáo dục đại học trước hết ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng tiến bộ của thời đại. Triết lý của nhà trường thể hiện tính hướng đích và tham vọng vươn đến những giá trị mới. Đã từ lâu, hệ thống giáo dục đại học đã duy trì được những tiến bộ trong nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu cấp bách của khoa

học, gần đây hệ thống giáo dục đại học đang phải đối mặt với vấn đề đại chúng hoá, nhu cầu của xã hội đang đòi hỏi tính chất của giáo dục đại học phải chuyển từ giáo dục tinh hoa sang giáo dục đại chúng. Do đó, việc học tập ở các trường đại học mang tính xã hội cao, tính chất xâm nhập của xã hội vào trường học cũng mạnh hơn.

Tính chất chung của một trường đại học là hoạt động trí tuệ, hoạt động chuyên môn và dịch vụ khoa học, do đó có thể xác định phạm vi nhà trường là một môi trường khoa học. Môi trường khoa học công nghệ được mở rộng từ trong trường ra ngoài trường. Môi trường khoa học nghiên cứu ở các lĩnh vực: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chuyên giao công nghệ. Môi trường khoa học có tính chất bao trùm mọi hoạt động trong nhà trường, phạm vi ảnh hưởng của các trường càng lớn thì nhiệm vụ phát triển môi trường khoa học công nghệ càng thuận lợi. Chủ thể kiến tạo nên môi trường khoa học công nghệ là những người có học thức (sinh viên, giảng viên đại học, các chuyên gia...).

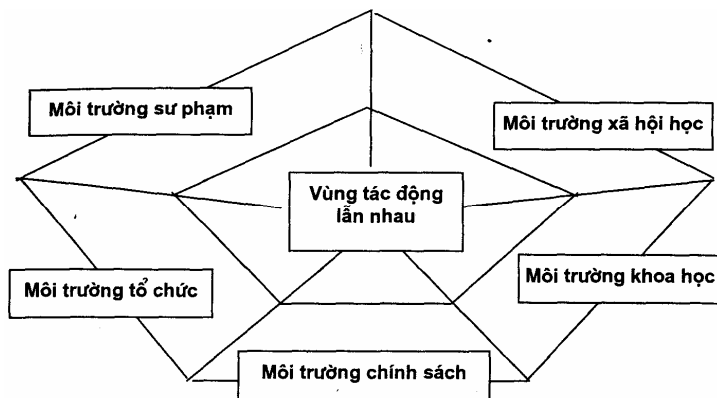
Môi trường sinh viên, môi trường giảng đường, môi trường kí túc xá môi trường thực hành, thí nghiệm, thực tập, môi trường nghiên cứu thực tế mà ở đó, các quan hệ cơ bản giữa giảng viên với sinh viên dựa trên nền tảng là quan hệ khoa học, với vai trò dẫn dắt, trợ giúp, tư vấn, tổ chức, thiết kế... của đội ngũ giảng viên đại học.

Quan hệ giữa môi trường giáo dục đại học với môi trường khoa học - công nghệ, môi trường kinh tế - xã hội ở bên ngoài là quan hệ biện chứng, chúng vừa thâm nhập vào nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và giữ nguyên tính đặc trưng của nó.

Một môi trường của (hoặc ở) một thời đại nhất định thường chịu sự chi phối của hai yếu tố xã hội và văn hoá.

Đó là các giá trị văn hoá trong quá khứ hoặc một hệ thống những tiêu điểm mới xuất hiện. Thông qua các yếu tố xã hội và văn hoá, môi trường xã hội học thâm thấu, lưu giữ và phát triển các yếu tố: Đó là các giá trị của mọi thời đại, quan niệm của con người trong xã hội, ý nghĩa của những mối quan hệ giữa cá nhân, cách hiểu sự vật và ý nghĩa cuộc sống được hình dung trong thời đại ấy.

Quan hệ tác động của các môi trường có thể hiểu như sau:



(Dẫn theo mô hình của Tuoraine và Grozier: *Nền sư phạm đại học*, NXB Thế giới, H., 1999, tr.118).

Môi trường khoa học có ảnh hưởng mạnh đến môi trường xã hội học, bởi vì hệ thống đại học phải dựa vào môi trường khoa học để có chất liệu cho những suy nghĩ của nó, có phương tiện để nghiên cứu, có được sự phong phú của những sản phẩm nó tạo ra. Trong các cơ sở đại học, môi trường sư phạm thường được nhận thức là môi trường giảng dạy, ngoài một đường lối sư phạm phù hợp với vấn đề giảng dạy đại học, môi trường này còn bao gồm những chiến lược và phương pháp luận phù hợp. Hoạt động khoa học công nghệ đặc trưng bởi tính sáng tạo, chính xác,

yếu tố thời gian, yếu tố thực tiễn... nó tác động mạnh đến phong cách của con người.

Một vấn đề không kém phần quan trọng là việc kiến tạo môi trường học tập, môi trường giáo dục phải làm cho nó *tìm gặp* môi trường xã hội. Kết quả nghiên cứu khảo sát trên các doanh nghiệp nổi tiếng như IBM, BASF đã cho thấy ngoài những yêu cầu khác về trình độ nghiệp vụ của sinh viên tập sự người ta còn đòi hỏi: *Có tinh thần tự chủ và trách nhiệm; khả năng nói và viết; khả năng tự định hướng... khả năng phát triển những mối quan hệ giữa con người và xã hội...* Những ý kiến này gợi ý cho chúng ta định hướng để viết lại các giáo trình, đảm bảo việc chuyển tiếp tốt hơn nhân lực đào tạo từ trường đại học sang thị trường lao động. (Dẫn theo tài liệu: *Nền sư phạm đại học*, NXB Thế giới, H., 1999, tr.145).

Theo GS. Phạm Phú trong bài viết về *Giáo dục tổng quát trong các chương trình giáo dục đại học* (Tạp chí *Giáo dục*, số 105, 1/2005, tr.5) thì nội dung đầu tiên, quan trọng của giáo dục tổng quát (Liberal Education) là “ *Kĩ năng nhận thức và năng lực xã hội như: thu thập dữ liệu, quan sát và phân tích, giải quyết vấn đề, thích nghi với môi trường mới, quan hệ xã hội...* ” . Những vấn đề trên đây đang đặt ra cho giáo dục đại học nhiệm vụ trọng tâm là cải cách mạnh mẽ chương trình và phương thức giáo dục nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện con người đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Môi trường giáo dục gia đình: Các quan hệ gia đình như: cha - mẹ, anh - em, người thân trong gia đình... là các yếu tố cơ bản tạo nên môi trường giáo dục gia đình. Phạm vi không gian hẹp, nhưng môi trường gia đình có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển nhân cách con người. Nhiệm

vụ cơ bản của giáo dục gia đình là kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động (trong đó có các hoạt động chủ đạo của trẻ em). Bầu không khí tâm lí trong gia đình là yếu tố “ môi trường sạch” trong giáo dục gia đình. Phần lớn trẻ vị thành niên hư hỏng là xuất phát từ những gia đình có cấu trúc lỏng lẻo, cha mẹ không quan tâm đến con hoặc quá nuông chiều. Tính tích cực của hoạt động học tập ở trẻ em phụ thuộc vào thói quen được rèn luyện từ nhỏ như: Khả năng kiên trì trong một thời gian nhất định, ý thức chấp hành yêu cầu của người lớn về nhiệm vụ học tập, sự trung thực và thái độ ham học hỏi. Hiện nay đang có một cách nhìn phiến diện về môi trường học tập cả ngày (bán trú) trong quá trình giáo dục trẻ em đã dẫn đến nhận định mọi hoạt động trong “ lồng giáo dục” đều được kiểm soát tương như có hiệu quả. Tuy nhiên, dẫn đến hậu quả tai hại là trẻ em thiếu chủ động trong tư duy, trong học tập trong lao động và trong hoạt động thực tiễn cuộc sống. *Môi trường bạn bè cùng tuổi*: Đây là yếu tố rất đáng quan tâm trong sự tác động mạnh của yếu tố môi trường xã hội đến trẻ em. Việc hình thành môi trường bạn bè cùng tuổi là tất yếu của trẻ em, nhưng kiểm soát các mối quan hệ đó là nhiệm vụ của người lớn, trong đó vai trò của cha mẹ là quyết định. Khi quan tâm đến chất lượng của các mối quan hệ này, thông thường các tiêu chí cơ bản sau đây thường được các bậc cha mẹ xem xét: tiêu chí *bạn cùng học* với cùng lớp, khối, trình độ và *kết quả học tập tương đương* của cả nhóm; tiêu chí xã hội thể hiện *cùng sở thích* như vui chơi, dã ngoại, tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao... tiêu chí *cùng khu phố, cùng khu dân cư* cũng là tiêu chí đáng quan tâm khi xem xét các mối quan hệ của trẻ em. Trong điều kiện hiện nay, việc kiểm soát tất các quan hệ của trẻ em trong các phạm vi môi trường có ý nghĩa quan trọng trong công

tác giáo dục. Có ý kiến ví quá trình giáo dục có hiệu quả tốt như việc “nuôi cá lồng” ở sông và biển - môi trường thực sẽ có chất lượng hơn là nuôi trong ao đầm - môi trường bó hẹp bằng các kĩ thuật hiện đại. Như vậy, cốt lõi của vấn đề quản lí môi trường hoạt động của trẻ em là kiểm soát và điều chỉnh được các yếu tố, các quan hệ trong các phạm vi hoạt động sống tự nhiên của trẻ.

V. NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH NGƯỜI GIÁO VIÊN

Mỗi dạng lao động xã hội đòi hỏi khác nhau ở người lao động do tính đặc thù của từng dạng lao động. Lao động của người giáo viên thường được gọi là lao động sư phạm hay hoạt động sư phạm. Loại hình lao động này có những đặc điểm sau đây:

- *Đối tượng lao động* sư phạm là nhân cách học sinh đang phát triển. Điểm phân biệt trước hết giữa các hoạt động là đối tượng của nó. Đó là phần khách thể mà hoạt động của con người hướng tới. Hoạt động sư phạm hướng tới nhân cách đang phát triển của học sinh. Đối tượng này rất phức tạp, trước hết là sự phong phú về các mặt của nhân cách con người. Đó là một hệ thống các phẩm chất và năng lực được biểu hiện nhiều hình nhiều vẻ qua điệu bộ nét mặt, hành vi tác phong, ngôn ngữ, qua quá trình cũng như sản phẩm hoạt động... Những biểu hiện nhiều vẻ đó phản ánh sự phong phú của đời sống tinh thần của con người. Sự không đồng nhất của đối tượng lao động sư phạm là một thể hiện nữa của tính phức tạp. Nhân cách của một thể hệ học sinh có những điểm chung, đó là cái chung của thời đại, dân tộc, lứa tuổi, giới tính, địa phương. Nhưng khi cái chung đó tồn tại trong một nhân cách cụ thể nó lại trở thành cái riêng. Vậy là mỗi học sinh có một nhân cách khác nhau.

Nhân cách vốn đã phong phú nhiều mặt nhưng lại rất khác biệt ở mỗi học sinh. Đối với nhà giáo dục, đây thực sự là một thách thức trong việc nhận thức đối tượng lao động của mình.

Để tác động đến đối tượng là nhân cách học sinh, người giáo viên phải dùng *công cụ* là chính nhân cách của mình. Những tác động của giáo viên đến học sinh thông qua các dạng hoạt động ngôn ngữ, qua cử chỉ điệu bộ, hành vi tác phong... Qua mặt nghĩa của ngôn từ, người giáo viên truyền đạt hệ thống tri thức cho học sinh, mặt ý của ngôn từ thể hiện cảm xúc, tình cảm, niềm tin và toàn bộ nhân cách của họ. Khi mặt nghĩa và ý phù hợp với nhau, ngôn ngữ của người giáo viên giàu cảm xúc, thể hiện rõ niềm tin vào điều mình nói. Hiệu quả tác động khi đó sẽ diễn đạt hiệu quả cao nhất. Khi mặt nghĩa và ý không phù hợp, người nghe (học sinh) sẽ lĩnh hội thiên về mặt ý. Như vậy hiệu quả của mỗi tác động tới học sinh luôn phụ thuộc vào nhân cách của chính người giáo viên. - Chức năng của lao động sư phạm là tái sản xuất sức lao động xã hội, giúp cho thế hệ sau lĩnh hội được vốn kinh nghiệm xã hội của thế hệ trước. Người giáo viên đã tạo nên cầu nối không thể thiếu giữa các thế hệ, duy trì sự tồn tại của vốn kinh nghiệm xã hội của loài người. Trong xã hội hiện nay, hàm lượng tri thức trong giá trị sản phẩm lao động đang tăng lên nhanh chóng, khái niệm kinh tế tri thức trở nên quen thuộc thì chức năng tái sản xuất sức lao động xã hội của lao động sư phạm trở nên đặc biệt quan trọng. - Lao động sư phạm là lao động trí óc chuyên nghiệp. Lao động sư phạm thỏa mãn những đặc trưng của lao động trí óc. Đó là dạng lao động luôn cần có thời gian khởi động, tức là thời gian tập trung các chức năng tâm lí để hướng vào một nhiệm vụ nhận thức nào đó. Khoảng thời gian khởi động phụ thuộc vào sức tập trung

chú ý của mỗi cá nhân. Sau khi giải quyết được nhiệm vụ nhận thức, lao động trí tuệ không kết thúc ngay ở đó, mà luôn có quán tính. Hoạt động trí óc không kết thúc đồng thời với giờ làm việc. - Do tính chất của đối tượng mà lao động sư phạm luôn đòi hỏi ở giáo viên tính khoa học, nghệ thuật và sự sáng tạo. Nội dung giảng dạy, giáo dục là hệ thống khái niệm, quy luật khoa học được lựa chọn trên cơ sở mục tiêu giáo dục. Phương pháp mà các nhà giáo dục sử dụng cũng là sản phẩm khoa học, phù hợp với quy luật nhận thức của học sinh. Do đối tượng lao động sư phạm rất phức tạp nên biện pháp tác động của nhà giáo dục phải tinh tế, linh hoạt, sáng tạo. (Xem thêm: Lã Văn Mến: *Nghiên cứu xây dựng môi trường sư phạm nhằm tăng cường giáo dục phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên CĐSP Nam Định*; Đề tài KHCN cấp tỉnh, Nam Định, 2004).

Một trong những yêu cầu về năng lực sư phạm của giáo viên là biết điều chỉnh các tác động của các yếu tố môi trường, hoàn cảnh để các tác động đó có lợi trong giáo dục, trong dạy học. Điều chỉnh những lệch lạc của yếu tố sinh học để uốn nắn trong giáo dục; khuyến khích người học có khả năng thích ứng và biết phòng vệ trước tác động xấu của hoàn cảnh môi trường. Đây là yêu cầu quan trọng trong cấu trúc năng lực của giáo viên sư phạm, thể hiện vai trò chủ đạo của giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách. Vì thế, ngay từ khi học tập trong các trường đại học và cao đẳng, các giáo viên sư phạm cần hiểu rõ quy luật tác động của môi trường hoàn cảnh, để chiếm lĩnh, để làm chủ và điều tiết cho hoạt động của chính mình và trong tương lai, họ là người dẫn đường cho thế hệ học sinh trong một môi trường ngày càng đa dạng và phức tạp.

Đặc điểm của lao động sư phạm quy định những yêu cầu cơ bản về nhân cách người giáo viên.

Nhân cách là mặt xã hội có tính ổn định của con người. Đó là tổ hợp các phẩm chất và năng lực tạo nên bản sắc và giá trị xã hội của con người. Tạo nên nhân cách bao gồm hai nhóm thuộc tính tâm lí: phẩm chất (còn gọi là đức); năng lực (còn gọi là tài). Cấu trúc đức - tài của nhân cách là quan niệm mang tính truyền thống. Hồ Chủ tịch đã đề cập đến sự hài hòa của đức và tài trong nhân cách: *Những người có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó, những người có tài mà không có đức là người vô dụng*. Hiện nay quan niệm đức - tài vẫn được sử dụng nhiều trong giáo dục. (Xem thêm: Lã Văn Mên, Sđd; tr.10).

Hoạt động sư phạm đòi hỏi ở nhà giáo dục những phẩm chất và năng lực nhất định. Nhân cách người giáo viên là tổ hợp các phẩm chất và năng lực bảo đảm cho họ thực hiện có hiệu quả hoạt động sư phạm.

Năng lực sư phạm là một nhóm thuộc tính tâm lí có vai trò quyết định hiệu quả hoạt động, còn các thuộc tính tâm lí của phẩm chất thì thúc đẩy hoặc kìm hãm hoạt động. Sự phân chia hai nhóm thuộc tính tâm lí trên đây mang tính tương đối. CQ' những thuộc tính tâm lí thể hiện vai trò của cả năng lực và phẩm chất, chẳng hạn như lòng yêu nghề của giáo viên. Hoạt động sư phạm có đối tượng quan hệ trực tiếp là con người cho nên những phẩm chất tâm lí trong nhân cách người giáo viên cũng chính là những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của họ.

** Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên*

Trong Tâm lí học, phẩm chất tâm lí được hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa rộng (quan điểm của Pa.N.Gônôbôlin), phẩm chất tâm lí được hiểu như là các thuộc tính tâm lí của nhân cách, như vậy hệ thống phẩm chất tâm lí cũng chính là hệ thống các thuộc tính cá nhân. Theo nghĩa hẹp, phẩm

chất tâm lí được hiểu là một trong hai nhóm thuộc tính tâm lí của nhân cách (mặt phẩm chất hay mặt đức của nhân cách). Quan niệm theo nghĩa hẹp được số đông các nhà Tâm lí học, Giáo dục học đồng tình. Đó cũng là quan niệm của chúng tôi khi dùng thuật ngữ phẩm chất đạo đức để nhấn mạnh quan niệm đó và tránh hiểu theo cách khác. Khi nói đến năng lực sư phạm dễ dàng nhận ra nhiều thuộc tính tâm lí giống nhau của nhân cách giáo viên ở nhiều quốc gia, điều đó phản ánh những yêu cầu chung của hoạt động sư phạm. Phẩm chất nhân cách người giáo viên mới bộc lộ sự khác biệt, bởi nó phản ánh nhân sinh quan, thế giới quan, chuẩn mực đạo đức, tư tưởng chính trị - xã hội... của mỗi quốc gia, mỗi chế độ xã hội.

Trong các tài liệu Tâm lí học sư phạm, các thành phần cụ thể của phẩm chất người giáo viên có những điểm khác nhau, nhưng đều có những điểm thông nhất sau đây (xem thêm: Lê Văn Hồng (chủ biên): *Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm*, H., 1995, tr.168): - *Thế giới quan khoa học*, đó là thế giới quan Mác - Lênin, bao hàm những quan điểm duy vật biện chứng về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Thế giới quan khoa học chỉ được hình thành trên cơ sở tri thức khoa học. Thế giới quan khoa học có vai trò định hướng hoạt động sư phạm của người giáo viên, từ việc xác định nội dung đến lựa chọn phương pháp, biện pháp dạy học và giáo dục, cả trong hoạt động sư phạm và trong đời sống xã hội. Thế giới quan khoa học của sinh viên còn được cụ thể hoá bằng việc họ nhận diện được hoàn cảnh, môi trường và thấu hiểu bản chất quy luật tác động của các hệ thống tác động trong quá trình giáo dục con người. Trong tương lai, chính họ sẽ là người quản lí lớp học, định hướng môi trường giáo dục, xây dựng và phát triển môi trường văn hoá giáo dục tại một lớp học cụ thể, một trường

học cụ thể, phạm vi hoạt động nhất định trong ngành giáo dục. Ở phương diện khoa học giáo dục, với phương pháp luận tư duy biện chứng về quy luật phát triển nhân cách trong môi trường, hoàn cảnh xã hội, các nhà khoa học giáo dục tương lai sẽ có các biện pháp giáo dục khoa học hơn trong thực tiễn nghề nghiệp của họ.

- *Lí tưởng đào tạo thế hệ trẻ*, phẩm chất này được nhiều tác giả coi là hạt nhân của nhân cách người giáo viên. Bởi lí tưởng thể hiện tập trung bộ mặt nhân cách con người. Lí tưởng đào tạo thế hệ trẻ của người giáo viên biểu hiện ở niềm say mê nghề nghiệp, yêu trẻ tận tâm với nghề. Đó chính là động lực mạnh mẽ giúp người giáo viên khắc phục được những khó khăn to lớn và thúc đẩy sự phát triển của năng lực sư phạm của họ. Vì vậy, người có lí tưởng nghề nghiệp sẽ có năng lực sư phạm cao.

- *Yêu trẻ*, phẩm chất này thể hiện ở thái độ thiện cảm, tận tâm với trẻ, luôn vui buồn cùng trẻ. Phẩm chất này làm cho hoạt động sư phạm của người giáo viên có được tính dân chủ và nhân đạo cao cả khơi dậy được tiềm năng của học sinh.

- *Yêu nghề*, phẩm chất này gắn bó chặt chẽ với yêu trẻ. Sự gắn bó này tạo nên một đặc trưng của lao động sư phạm: *Càng yêu người bao nhiêu, càng yêu nghề bấy nhiêu*. Yêu nghề tạo nên động lực thúc đẩy khả năng sáng tạo của người giáo viên, đặc biệt là việc tìm tòi các biện pháp, phương pháp giáo dục, dạy học. Đòi hỏi của thực tế giáo dục hiện nay là phải đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục thì lòng yêu nghề của người giáo viên càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. (Sđd, tr.65).

Tính tích cực xã hội, (Theo Phu Gônôbôlin: *Những phẩm chất tâm lí của người giáo viên*, tập 1 & 2, NXB

Giáo dục, H., 1976), phẩm chất này thể hiện người giáo viên là thành viên tích cực của xã hội không chỉ trong hoạt động sư phạm của mình mà còn ở các dạng hoạt động xã hội khác. Khi tham gia vào các hoạt động xã hội, một mặt phản ánh ý thức công dân của người giáo viên mặt khác làm giàu lên vốn kinh nghiệm, tình cảm, các quan hệ xã hội... của họ. Điều đó đặc biệt có ích đối với công tác giáo dục của người giáo viên. Dù trong hoàn cảnh nào, vai trò người giáo viên cũng phải được thể hiện rõ chức năng định hướng giáo dục rõ nét, đặc biệt là trong các hoạt động xã hội. Đối với các giáo sinh sư phạm đang học tập tại các trường sư phạm miền núi, trong tương lai họ sẽ làm việc, sống và hoạt động trong một cộng đồng các dân tộc thiểu số, có sự đa dạng về các thành phần xã hội, có những khó khăn riêng, do đó đòi hỏi trong quá trình học nghề họ phải được quan tâm nhiều hơn về năng lực hoạt động xã hội.

**Một số phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của sinh viên cần được hình thành trong môi trường sư phạm*

Môi trường có ảnh hưởng toàn diện đến quá trình hình thành nhân cách con người, đối với nhân cách người giáo viên cũng vậy. Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi quan tâm đến ảnh hưởng của môi trường văn hoá giáo dục đến các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của sinh viên, và đó là những phẩm chất đạo đức cơ bản. *Yêu Tố quốc xã hội chủ nghĩa*, phẩm chất này đặc trưng cho con người sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó sẽ là động cơ thúc đẩy con người tích cực hoạt động cống hiến sức mình cho sự tiến bộ xã hội. Nội dung giáo dục luôn phản ánh tư tưởng chính thống của xã hội. Vì vậy, phải có phẩm chất yêu Tố quốc xã hội chủ nghĩa, người sinh viên mới thấm nhuần nội dung cũng như ý nghĩa xã hội của giáo dục. Mặt khác phẩm chất này còn có ý nghĩa xã hội rộng lớn hơn, đó là sự ảnh

hưởng lâu dài đến thế hệ mai sau. Biểu hiện cụ thể của phẩm chất trên là yêu trường, lớp, yêu thương và có trách nhiệm với con người, bạn bè, những người xung quanh. Không thể nói một sinh viên sống có lí tưởng lại là người không biết trân trọng và quý mến mọi người, sống thờ ơ lãnh đạm với xã hội. Lối sống ích kỉ, bon chen, không đồng cảm trước nỗi đau của nhân dân về chiến tranh, về đói nghèo, về thất học, về các tệ nạn xã hội... là những biểu hiện cụ thể của những sinh viên sống không có lí tưởng, hoặc có thể gọi là lối sống cá nhân chủ nghĩa. Không có sức thuyết phục nào trong giáo dục có tác dụng bằng việc thế hệ thầy giáo định hướng cho thế hệ đi sau bằng lối sống cao cả của chính mình, bằng lí tưởng của người thầy đã được hiện thực hóa qua chính tấm gương của mình.

- *Có ý thức trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật.* Phẩm chất này thể hiện trách nhiệm công dân của sinh viên. Người sinh viên hôm nay, người giáo viên ngày mai trước hết họ phải là những công dân tiêu biểu gương mẫu thực hiện những nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội. Họ cần phải tham gia học tập, nghiên cứu một cách tích cực đồng thời tham gia các dạng hoạt động xã hội. Lứa tuổi sinh viên là thời kì đầu của giai đoạn con người hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Vì vậy cần phải giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật cho họ. Biểu hiện cụ thể là việc chấp hành các quy định cụ thể trong quy chế học tập, thi, quy chế kí túc xá, các quy định về sinh viên, hiểu biết các kiến thức về pháp luật... nhìn chung chưa tốt. Đáng lo ngại là trên thực tế, số sinh viên vi phạm pháp luật (số liệu 2002) bị phạt tù, bị bắt giam tăng lên; phạm pháp, ma túy có giảm, đặc biệt sinh viên vướng vào các tệ nạn xã hội, vi phạm các quy chế... chiếm 1 % trong tổng số sinh viên. [Dẫn theo số liệu của Thành

Chung, Báo Giáo dục và Thời đại, 2003].

- *Yêu nghề, yêu trẻ*. Nghề nghiệp gắn liền với cuộc sống của mỗi con người, yêu nghề giúp cho họ gắn bó và có được tay nghề cao. Yêu nghề luôn làm cho bài giảng có được niềm say mê, trách nhiệm, sáng tạo cho cả người dạy và người học. Đó là điều kiện không thể thiếu để tạo ra sự hào hứng ở học sinh, nhờ đó mà chất lượng dạy và học được nâng cao. Trong điều kiện xã hội hiện nay, khi mà nhu cầu giáo dục ngày càng cao thì việc hình thành tình cảm yêu nghề cho sinh viên càng cần thiết. Trong đợt kiến tập, thực tập sư phạm, phẩm chất này được bộc lộ rõ nét và là một tiêu chí không thể thiếu trong đánh giá chất lượng học nghề của sinh viên. *Có lí tưởng nghề nghiệp, không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện*. Khi có thiện cảm hay yêu thích nghề, sinh viên thường có biểu tượng về nghề nghiệp tương lai của mình. Đó mới là một mặt lí tưởng, còn mặt cảm xúc của lí tưởng, đó là sự say mê hình mẫu tương lai của mình. Đối với sinh viên, mặt cảm xúc đó sẽ được thể hiện ở tinh thần không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện. Điều đó sẽ giúp cho họ tích lũy được

vốn kiến thức phong phú, đa dạng, hệ thống kĩ năng nghề nghiệp cơ bản. Việc hình thành lí tưởng nghề nghiệp cho sinh viên chịu ảnh hưởng to lớn từ lí tưởng nghề nghiệp của các giảng viên sư phạm.

Có phong cách của sinh viên sư phạm, đó là lề lối làm việc, cách ứng xử tạo nên nét riêng của một nhà giáo dục tương lai, bao gồm: phong cách sống, phong cách sinh hoạt, làm việc, phong cách giao tiếp sư phạm thể hiện ở trang phục, ngôn ngữ, ứng xử. Những yếu tố đặc trưng của giáo sinh sư phạm trên đây chỉ có thể hình thành trên cơ sở

hoạt động và giao lưu của chủ thể trong môi trường sư phạm, môi trường văn hoá.

** Vấn đề hình thành nhân cách người giáo viên*

Nhân cách người giáo viên là một loại nhân cách nghề nghiệp, thỏa mãn những yêu cầu của hoạt động sư phạm. Cũng như cấu trúc chung của nhân cách, nhân cách người giáo viên bao hàm hai mặt: phẩm chất (đức) và năng lực (tài). Quá trình hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm chính là quá trình hình thành nhân cách người giáo viên.

Những yếu tố cấu thành nên nhân cách người giáo viên có thể xuất hiện từ nhà trường phổ thông, từ đời sống hàng ngày, chẳng hạn như một số kỹ năng giao tiếp (quan sát, phán đoán tâm trạng đối tượng, đặt câu hỏi, ứng xử...). Tuy nhiên, những kỹ năng này không thể chuyển trực tiếp sang kỹ năng sư phạm tương ứng. Quá trình học ở phổ thông cũng như học ở trường sư phạm, người học có được biểu tượng về người giáo viên, về những kỹ năng thông thường của họ, thậm chí cả những kỹ năng ứng xử tình huống. Những biểu tượng đó sẽ có tác dụng định hướng cho quá trình rèn luyện kỹ năng sau này. Tuy nhiên những điều mà họ lĩnh hội về nghề nghiệp sư phạm đều mang tính kinh nghiệm, có thể đúng có thể không. Sẽ có ý nghĩa rất quan trọng nếu giai đoạn này hình thành được thái độ thiện cảm với nghề sư phạm.

Quá trình học tập trong nhà trường sư phạm, ngoài hệ thống tri thức khoa học cơ bản còn giúp cho sinh viên lĩnh hội được hệ thống tri

thức khoa học về nghề nghiệp và những kỹ năng nghề nghiệp tương ứng. Hầu hết các bộ môn đều có thể giúp cho sinh viên có được hệ thống tri thức này, chủ đạo là các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ

môn. Chương trình đào tạo của các trường sư phạm luôn có nội dung rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên và kiến tập, thực tập. Quá trình này nhằm hình thành những kỹ năng sư phạm. Trong hệ thống kỹ năng được chuẩn bị ở trường sư phạm, kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục thường được chuẩn bị tốt hơn. N.I.Bônđurev đã nhận xét: Trong lĩnh vực giáo dục, do tính phức tạp và phong phú của nó, nên các kỹ năng kỹ xảo được hình thành chậm hơn so với trong lĩnh vực dạy học. Như vậy, nếu môi trường giáo dục, trong đó môi trường giao tiếp được mở rộng, sinh viên được tiếp xúc với các tình huống thực tế nhiều hơn, họ sẽ chủ động hơn trong ứng xử, trong việc tích lũy kinh nghiệm giáo dục. Điều này càng khẳng định quan điểm giáo dục trong môi trường đóng kín hay thiết quân luật đối với sinh viên thường tỏ ra ít tác dụng giáo dục. Môi trường thực tiễn nghề nghiệp sẽ giúp cho sinh viên trưởng thành nhanh chóng hơn. (Xem thêm Lã Văn Mến, Sđd, tr.14).

Theo thống kê ở các trường sư phạm, với 6 đến 8 tuần thực tập sư phạm, 2 tuần kiến tập sư phạm sẽ là thời gian ít ỏi để sinh viên sư phạm tiếp cận với giáo dục phổ thông. Giải pháp cho vấn đề trên là ở mỗi học phần trong chương trình đào tạo chuyên ngành, cần tăng giờ thực hành bằng cách giảm lý thuyết mạnh hơn, giao nhiệm vụ cho sinh viên bằng các chủ đề cần nghiên cứu tại trường phổ thông. Đây phải được xem là giải pháp cơ bản đột phá trong định hướng chung “ *Giảm lý thuyết tăng thực hành* “ hiện nay. (Xem thêm bài viết của tác giả: “ *Vấn đề tổ chức rèn luyện tay nghề trong quá trình đào tạo giáo viên* ” . Tạp chí *Giáo dục - Kỉ yếu Hội thảo Giáo dục nghiệp vụ sư phạm*, 2004).

Hình thành hệ thống tri thức và kỹ năng, cơ sở trực tiếp để hình thành năng lực đã phức tạp thì hình thành các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên còn phức tạp hơn.

Những phẩm chất chung như yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có ý thức trách nhiệm xã hội và tôn trọng pháp luật được hình thành trong các hoạt động xã hội nói chung. Các phẩm chất đặc trưng riêng như yêu nghề, yêu trẻ, có lí tưởng nghề nghiệp, có phong cách của sinh viên sư phạm chỉ được hình thành trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Khởi đầu thực sự cho quá trình đó là giai đoạn học tập trong nhà trường sư phạm và sẽ được củng cố phát triển trong giai đoạn hành nghề. Trong các phẩm chất riêng, có phong cách của sinh viên sư phạm lại chủ yếu được hình thành trong giai đoạn học tập ở trường sư phạm. Động cơ thúc đẩy quá trình rèn luyện xuất phát từ lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm, lí tưởng, từ yêu cầu của từng giáo viên và từ áp lực thi cử cũng như tuyển chọn công chức. Quá trình hình thành các phẩm chất trên chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến các yếu tố chủ yếu sau đây: nội dung, phương pháp giảng dạy và giáo dục; phong cách giảng dạy, giao tiếp và quan hệ giữa các thành viên trong trường; cảnh quan nhà trường cùng các điều kiện phương tiện học tập, ăn ở; các hoạt động ngoài giờ lên lớp; phương pháp dạy, cách thức thi, kiểm tra đánh giá trong nhà trường... Tổ chức hoạt động đa dạng và phong phú cho sinh viên là nguyên tắc chung nhất để hình thành nhân cách người giáo viên nói chung và các phẩm chất nghề nghiệp nói riêng.

Quá trình hành nghề ở các cơ sở giáo dục là giai đoạn có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành, phát triển nhân cách người giáo viên. Ở giai đoạn này yếu tố tự giáo dục, tự hoàn thiện có vai trò chủ yếu. Động cơ của quá trình tự hoàn thiện này bắt nguồn từ lòng yêu nghề, nhu cầu tự khẳng định, sự đòi hỏi khách quan của ngành và từ chính học sinh.

** Tính chủ động của giáo sinh sư phạm đối với ảnh hưởng tác động của yếu tố môi trường văn hoá giáo dục*

Đây là một phẩm chất quan trọng của nhân cách, đặc biệt là trong quá trình đào tạo giáo viên. Sự chủ động của sinh viên sư phạm trong học tập, trong môi trường nhóm học tập, trong môi trường giáo dục trên lớp và ngoài giờ lên lớp còn yếu. Thể hiện ở

các kết quả học tập chủ yếu là đạt được tiêu chí nhớ, tái hiện, thái độ trông chờ vào hướng dẫn thi, chờ đợi giáo viên nêu vấn đề. Trong các hình thức tổ chức dạy học tích cực như nêu vấn đề, dạy học theo nhóm, xemina... sự chủ động của sinh viên có tăng dần nhưng rất chậm. Về nhận thức, trước sự tác động mạnh của yếu tố hoàn cảnh sống (trong và ngoài kí túc xá) sinh viên đã phân biệt rõ tác hại và những biểu hiện tiêu cực của môi trường, nhưng phần lớn là nhận thức là để lánh tránh, để giữ cho mình; ít có sinh viên tham gia tích cực vào việc cải tạo hoàn cảnh, làm chủ hoàn cảnh. Chẳng hạn, qua các vụ việc phát hiện ra những sinh viên sử dụng ma túy, hầu như không có sinh viên nào dám tố cáo bạn cùng lớp, cùng nhóm với cơ quan chức năng để xử lí. Sinh viên nhận thức được vấn đề tác động xấu của môi trường đến con người, nhưng với tư cách là chuyên gia giáo dục trong tương lai, ít có người đi sâu tìm hiểu các nguyên nhân, bản chất của các hiện tượng: sử dụng ma túy, cờ bạc, mua điếm, sống thử với bạn tình. Các vấn đề này ít được đề cập đến trong nội dung sinh hoạt đoàn thanh niên, hội sinh viên, nếu có đề cập cũng chỉ nêu hiện tượng chung chung với các địa chỉ không rõ ràng. Như vậy, các vấn đề cuộc sống của chính sinh viên, của thực tiễn môi trường xung quanh chưa trở thành vấn đề phải quan tâm, mà đúng ra những *vấn đề* trên phải trở thành *chủ đề* nghiên cứu của họ trong phạm vi đề tài khoa học giáo

dục.

VI. MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM [IO]

Môi trường sống có ảnh hưởng mạnh đến việc hình thành nếp sống, thói quen của con 'người. Sinh viên các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc *đã sống* trong điều kiện môi trường kinh tế - xã hội có tính ổn định trong một thời gian dài. Mặt khác, sau khi ra trường phần lớn trong số họ *sẽ làm việc* trong môi trường họ đã sống và đang có sự biến đổi lớn về kinh tế - xã hội. Do đó, việc nghiên cứu về môi trường văn hoá - giáo dục của khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với công tác giáo dục và đào tạo.

Muốn thực hiện các biện pháp giáo dục có hiệu quả, việc cần thiết là phải hiểu môi trường sống và hoạt động của đối tượng. Trong hàng loạt yếu tố đó phải kể đến yếu tố môi trường sống được đặc trưng bởi yếu tố xã hội, văn hoá. Nghiên cứu đặc điểm xã hội trên một phạm vi không gian rộng lớn, phức tạp về nhiều mặt, có nhiều biến đổi trong tiến trình lịch sử là một vấn đề khó.

Theo quan điểm lịch sử, đặc điểm xã hội miền núi phía Bắc Việt Nam được nghiên cứu ở các giai đoạn sau:

Trước cách mạng tháng Tám: Đặc điểm xã hội Việt Nam nói chung và miền núi phía Bắc Việt Nam nói riêng bị chi phối bởi quan hệ thực dân - nửa phong kiến, đồng thời chịu sự chi phối quan hệ nội tại của từng dân tộc. Điều kiện kinh tế thời kì này cực kì khó khăn, bị hạn chế về nhiều mặt, do đó đặc điểm xã hội còn mang đậm dấu ấn lịch sử của một thời kì lạc hậu. Có thể nói, thời kì này xã hội còn chưa định hình rõ những đặc điểm vùng, miền và từng dân tộc. Theo tiêu chí phát triển, có thể chia ra làm hai vùng có

sự phát triển tương đối chênh lệch nhau về các mặt: Vùng 1, ở vùng thị trấn, ven quốc lộ có trình độ phát triển tương đối như vùng xuôi; chủ yếu là người Tày, Nùng, Hoa, Sán Chay... cư trú vùng trung du, núi thấp. Vùng 2, vùng khó khăn, nơi cư trú của đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông; đây là vùng núi cao còn tồn tại chế độ thổ ti, lang đạo, chúa đất. Đặc điểm xã hội vùng 1 và vùng 2 thường không có sự thống nhất, trong khu vực có nhiều thành phần cư trú. Sự chi phối của dân tộc chủ thể đối với các dân tộc khác là hiện tượng xảy ra tất yếu.

Quá trình phát triển cách mạng. Phần lớn miền núi phía Bắc Việt Nam là địa bàn của hai cuộc kháng chiến, nơi chứng kiến các chiến thắng vĩ đại của cách mạng ở chiến khu Việt Bắc, chiến thắng Điện Biên Phủ..., một số nơi là căn cứ địa cách mạng, cơ quan đầu não của Đảng. Trong hơn 100 năm, trải qua các cuộc kháng chiến, nơi này đã có vai trò quyết định đến thắng lợi của của cách mạng Việt Nam. Nhờ vào sự che chở, đùm bọc, cống hiến sức người sức của của các dân tộc anh em, cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi hoàn toàn. Sau 1954, cùng với cả nước, miền núi phía Bắc Việt Nam và miền xuôi là hậu phương lớn cho miền Nam. Miền núi phía Bắc Việt Nam là cửa ngõ giao tế với Liên Xô, Trung Quốc, là nơi hậu thuẫn cho các cơ quan, nhà máy, trường học sơ tán trong suốt cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Cho đến nay, về phương diện tâm lí - xã hội, các dân tộc anh em đã kết tụ nhiều giá trị quý báu. Có thể kể đến các phẩm chất: yêu nước nồng nàn; đoàn kết yêu thương đùm bọc nhau; trung thực, dũng cảm; có niềm tin sắt đá. Với những tên gọi đậm đà chất “miền núi” rất đổi thân thương đã in đậm vào tâm trí nhiều thế hệ, như *Việt Bắc; Tây Bắc; Trung du; Chiến khu...* Nhiều hình ảnh đã được khắc họa sâu đậm và trở thành hình tượng tiêu

biểu cho văn học nghệ thuật giai đoạn kháng chiến, phản ánh những giá trị tinh thần quý báu của đồng bào các dân tộc dành cho cách mạng. Những giá trị ấy còn tồn tại, phát triển và ảnh hưởng tác động mạnh đến sự trưởng thành của sinh viên khi họ sống trong môi trường xã hội tại địa phương. Những giá trị này được biểu hiện trong lối sống văn hoá, trong giao lưu, trong đời sống tinh thần của các dân tộc và điều quan trọng là nó đã trở thành tự nhiên, như sự vốn có, đã in đậm vào lối sống, đời sống tình cảm và được xem như là cốt cách của các dân tộc miền núi, có thể nói là giá trị vĩnh cửu của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc, mỗi vùng đều gắn với điều kiện tự nhiên và có đặc trưng sản xuất riêng. Người Kinh cư trú chủ yếu ở đồng bằng, vùng núi thấp, gắn với nền sản xuất lúa nước. Người Tày, Nùng, Thái cư trú chủ yếu vùng núi trung du, ven đường cái quan hoặc quần cư theo cụm làng - xã. Mặc dầu xen kẽ vùng núi trung du vẫn có chuyên canh lúa nước, song phương thức trồng lúa nước của đồng bào cũng khác người Kinh. Người Sán Chay, Mường cũng cư trú rải rác khắp vùng Đông Bắc và Tây Bắc xen kẽ vùng núi - trung du - đồng bằng; người Dao, người Mông, LÔ LÔ... chủ yếu ở vùng núi cao với phương thức quảng canh trên nương rẫy là chủ yếu. Mặc dầu với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, chương trình 135 của Chính phủ, chương trình dành cho các xã đặc biệt khó khăn, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam đã có tăng lên, song nhìn chung, năng suất lao động còn thấp, do lối suy nghĩ, cách sống và sản xuất gắn bó mật thiết với tự nhiên, với thiên nhiên phần nào ảnh hưởng đến phương thức canh tác của đồng bào, chủ yếu là lao động giản đơn, công cụ lao động còn lạc hậu. Hiện tại, ở nhiều vùng sâu khó khăn, dân trí chưa được nâng cao, tỷ lệ mù chữ và tái mù chữ còn cao,

trẻ em thất học còn nhiều ở miền núi... đã và đang là một trong các vấn đề bức xúc của giáo dục miền núi hiện nay.

Theo cách phân loại phân vùng văn hoá trong lãnh thổ Việt Nam hiện tại, Giáo sư Trần Quốc Vượng phân thành 6 vùng: Vùng văn hoá Tây Bắc; Việt Bắc; Bắc Bộ; Trung Bộ; Tây Nguyên; Nam Bộ. Ở mỗi vùng có những tộc người tiêu biểu, có biểu tượng văn hoá riêng, có các loại hình nghệ thuật tiêu biểu, ngôn ngữ riêng, và đặc biệt là vai trò trong lịch sử phát triển văn hoá dân tộc cũng khác nhau. (Dẫn theo Trần Quốc Vượng (chủ biên): *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, H., 1999).

Trong quá trình phát triển, bên cạnh các thuận lợi và kết quả tốt đẹp cũng xuất hiện những mâu thuẫn và những khó khăn. Ví dụ, sự phát triển và ảnh hưởng mạnh của kinh tế thị trường có tính chất đòi hỏi nhanh, rõ ràng mâu thuẫn với sự chậm chạp trong phát triển kinh tế xã hội ở miền núi.

Tác động mạnh và hết sức năng động của nền văn hoá đa dạng (do kinh tế thị trường đem lại từ hội nhập, giao lưu trong nước và ngoài nước) đã mâu thuẫn với sự ổn định có tính chất tương đối về văn hoá - xã hội miền núi đã tạo sự thay đổi theo hướng tích cực, đồng thời cũng xuất hiện các tệ nạn xã hội.

Sự di chuyển cơ học của con người cùng với lối sống ở hai vùng: Từ vùng chậm phát triển đến vùng phát triển đã làm tăng cơ hội giao lưu, song cũng xuất hiện những đan xen phức tạp.

Việc mở cửa biên giới 20 năm qua đã làm thay đổi tích cực đời sống nhân dân, góp phần làm tăng trưởng kinh tế địa phương, song cũng xuất hiện các tệ nạn như: buôn lậu, ma tuý... và kéo theo đó là hiện tượng thương trường hoá đời sống văn hoá tinh thần trong khi phần lớn dân cư chưa

có sự chuẩn bị tiếp nhận. Đặc biệt là hiện tượng bùng nổ các mỏ đào đãi vàng, đá quý, quặng hiếm với cách khai thác tài nguyên bừa bãi, một bộ phận dân cư có thu nhập rất cao, một bộ phận thương lái và dịch vụ đi kèm với món lợi nhuận lớn ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống khó khăn của đồng bào các dân tộc.

Sống trong bối cảnh phức tạp, có nhiều mâu thuẫn ở trên, thanh niên miền núi chịu tác động mạnh. Đặc biệt, ngay từ khi còn nhỏ, học sinh dân tộc chủ yếu sống ở quê hương, về cơ bản là họ sinh sống ở các vùng chậm phát triển, đến khi học tập ở vùng phát triển hơn thì ít nhiều gặp những khó khăn nhất định. Trong đó phải kể đến sự thay đổi đột ngột các giá trị, mức sống, điều kiện sống và học tập cũng như các loại hình văn hoá nghệ thuật.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế - xã hội miền núi đã có bước chuyển đáng kể, đặc biệt gần đây, Nghị quyết số 37 của Trung ương (2004) đã xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền núi trung du phía Bắc với những định hướng quan trọng. Trọng tâm là nhiệm vụ phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội làm tiền đề căn bản để phát triển văn hoá, giáo dục.

Mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục là mối quan hệ tương hỗ, đặc biệt ở miền núi thì vai trò của phát triển kinh tế trong đó mục tiêu cơ bản là làm sao để chất lượng cuộc sống của đồng bào phải được nâng lên đáng kể cùng với sự phát triển giáo dục và văn hoá. Theo các nhà nghiên cứu, nơi nào còn chậm phát triển thì càng phải đẩy nhanh tốc độ phát triển giáo dục, và chỉ nhờ vào yếu tố này mới có hy vọng đưa nền kinh tế thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế miền núi bên cạnh những

thuận lợi, còn phải chịu sự tác động tiêu cực của mặt trái do kinh tế thị trường đem lại. Những tác động này làm thay đổi các giá trị xã hội. Có thể kể đến các yếu tố sau đây đang tồn tại trong xã hội: Lối sống thực dụng, quay lưng với quá khứ, vọng ngoại; mưu cầu lợi ích riêng, chà đạp lên chuẩn mực xã hội; sùng bái đồng tiền, tự ti mặc cảm, tiếp thu thiếu chọn lọc; tính tự phát trong trở về cái cũ, khôi phục tập tục xấu; tồn tại các loại hình phản văn hoá.

Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, chiến lược này là tiền đề quyết định cho phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá. Sau hơn nửa thế kỉ phát triển giáo dục, giáo dục miền núi đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Song, hiện nay giáo dục miền núi còn rất nhiều khó khăn.

Chất lượng học tập của học sinh miền núi còn thấp, tỉ lệ ra lớp thấp; điều kiện học tập của học sinh miền núi còn khó khăn... Giáo dục miền núi còn nhiều vấn đề phải giải quyết đòi hỏi các giải pháp phải được tiến hành đồng bộ.

Kinh tế miền núi chậm phát triển, sự phân hoá giàu nghèo có xu hướng gia tăng. Chất lượng cuộc sống của đồng bào các dân tộc còn thấp, nhiều dân tộc còn gặp khó khăn. Phần lớn sinh viên miền núi đã sống trong hoàn cảnh đó và chịu nhiều thiệt thòi. Mặc dầu Nhà nước có nhiều chính sách quan tâm đến đời sống kinh tế, văn hoá, giáo dục cho miền núi, song do điều kiện kinh tế quá thấp, tiền cho vay để phát triển kinh tế chủ yếu lại chi dùng cho tiền ăn, chi tiêu đi học chủ yếu dành cho người miền xuôi lên công tác ở miền núi, mọi sự ưu đãi chưa trở thành động lực để phát triển. Với những đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hoá ở miền núi vốn đã có những khó khăn song lại phải

tính đến các vấn đề bức xúc sau đây của giáo dục nước nhà, những vấn đề này cũng đang len lỏi vào các trường sư phạm ở khu vực miền núi: hiệu quả giáo dục đạo đức trong nhà trường giảm sút, nhất là lí tưởng của học sinh. “ *Một bộ phận đáng kể học sinh yếu kém về nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống*” (Nghị quyết Hội nghị BCH TƯ lần 4 khoá VII) Dường như có một khoảng cách đáng kể giữa trình độ học vấn và lối sống có văn hoá, đáng chú ý là ngay trong giới trẻ có học thức. Sự thiếu định hướng trong lí tưởng của một bộ phận thanh niên sinh viên, sự mơ hồ về nhận thức bản sắc văn hoá dân tộc trong điều kiện hiện nay. Sự biến đổi trong giá trị nghề nghiệp theo xu hướng thực dụng, trước mắt, trong khi công tác giáo dục hướng nghiệp ở phổ thông ít được chú ý. Xuất hiện mâu thuẫn giữa nhu cầu vượt ra khỏi các quan niệm giá trị truyền thống của sinh viên với yêu cầu giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. (Xem thêm - Phạm Hồng Quang: *Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003).

Một vấn đề cần quan tâm trong giáo dục sinh viên hiện nay là theo định hướng *giáo dục lối sống có văn hoá*. Chúng ta đều biết rằng, giáo dục là một hệ thống định hướng theo mục tiêu, do đó nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo hướng vào mục tiêu đào tạo toàn diện con người.

Đảm bảo phát huy được vai trò chủ thể của nhân cách sinh viên, đồng thời là đối tượng của giáo dục.

Đảm bảo tính nguyên tắc trong tổ chức các hoạt động phải bám sát hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập - nghiên cứu của sinh viên.

- Các biện pháp phải tác động đồng thời lên nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên; trong đó, phải coi trọng việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên.

- Các biện pháp đề xuất trong điều kiện khả thi, có thể kiểm soát được, có thể đánh giá được.

Như vậy, những yếu tố môi trường, hoàn cảnh sống trước đó và trong tương lai của sinh viên các trường sư phạm miền núi đã đặt ra cho các nhà giáo dục phải quán triệt quan điểm hệ thống, quan điểm lịch sử, quan điểm phát triển để tiếp cận nghiên cứu về giáo dục. Về phương diện lí luận, các yếu tố nội dung - chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, đánh giá, đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy - hoạt động học... là các yếu tố bên trong của quá trình giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo chuyên gia sư phạm là yếu tố chi phối toàn bộ cấu trúc bên trong của hệ thống. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, yếu tố môi trường một mặt tạo điều kiện cho giáo dục đại học phát triển nhưng đồng thời cũng yêu cầu ngày càng khắt khe hơn từ các trường về chất lượng đào tạo, về năng lực chuyên giao khoa học công nghệ.

Môi trường văn hoá giáo dục trong các trường sư phạm, mà cốt lõi của nó là hoạt động trí tuệ của các lực lượng giáo dục, với đặc trưng là hoạt động học tập có tính chất nghiên cứu của sinh viên. Bản chất của môi trường giáo dục này là môi trường hoạt động của những trí thức tương lai, với những yêu cầu sư phạm đặc trưng về các dạng hoạt động văn hoá - khoa học, chính trị - xã hội, văn hoá - thể thao. Sinh viên sống trong phạm vi không gian mở, có sự giao thoa và sự tác động nhiều mặt từ phạm vi lớp học trên giảng đường đến phạm vi hoạt động ngoài giờ học của họ. Vai trò chủ thể của giáo sinh sư phạm với các đặc điểm của

nhân cách nghề nghiệp đang ổn định, trong quan hệ với các lực lượng giáo dục khác và với xã hội luôn được khẳng định.

Tiếp cận vấn đề môi trường văn hoá giáo dục cần có định hướng đúng đắn về phương pháp luận biện chứng, nhận thức đầy đủ quy luật hình thành và phát triển nhân cách với những yêu cầu về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Đồng thời, có tính đến tính chất lịch sử - xã hội cụ thể của yếu tố môi trường trước khi sinh viên nhập học và tác động của môi trường sư phạm trong quá trình giáo dục nghề cũng như phạm vi môi trường hoàn cảnh sống và làm việc của họ trong tương lai. Dù trong điều kiện nào, tính chất chủ động và thích nghi của các giáo sinh sư phạm cần được xác định là tiêu chí quan trọng của phẩm chất nhân cách người giáo viên tương lai. Trong đó, họ cần có năng lực để dẫn dắt thế hệ đi sau chiếm lĩnh, xây dựng và cải tạo môi trường theo nguyên lí chung của giáo dục học.

Tóm lại sự hình thành và phát triển nhân cách con người được diễn ra trong môi trường xã hội nhất định. Sự phát triển tất yếu của yếu tố môi trường kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ... đặc biệt là sự phát triển của môi trường giáo dục trong kinh tế thị trường đã có nhiều biến động làm thay đổi tính chất các quan hệ, các giá trị. Nhân cách người giáo viên và của giáo sinh sư phạm chịu tác động sâu sắc của yếu tố môi trường xã hội, nhưng các yếu tố cơ bản của năng lực và phẩm chất đã được hình thành về cơ bản vẫn được giữ vững.

Nghiên cứu vấn đề môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách đã xác định các yếu tố của môi trường học tập góp phần tạo ra năng lực nền tảng cho các hoạt động tiếp theo của con người, trong đó mục tiêu sáng tạo

được coi trọng. Môi trường trong xã hội hiện đại với những yếu tố mới đã tạo ra những phạm vi không gian và thời gian mở, năng động và tích cực hơn đối với con người. Môi trường văn hóa giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường về cơ bản là có ưu thế tạo ra những cơ chế sáng tạo và chủ động cho con người nhưng cũng đồng thời bộc lộ những hạn chế và tiêu cực. Từ góc độ xã hội học, môi trường văn hóa giáo dục tuy được xác định các yếu tố định chuẩn nhưng cũng chứa đựng sự phức tạp, mặt đầu nó có tác dụng làm phong phú thêm, có thúc đẩy phát triển toàn diện hơn các yếu tố tâm lí của con người. Trong môi trường giáo dục, nhân cách người giáo viên tương lai với những yêu cầu mới có những tiêu chí truyền thống và hiện đại cần được phát triển cao hơn. Nghiên cứu môi trường văn hóa giáo dục trong hoạt động sống của sinh viên (ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam) là hướng tiếp cận thực tiễn góp phần định hình cho các hoạt động giáo dục nghề nghiệp có hiệu quả.

Chương III

MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

“ Nếu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thiên nhiên các nước đang phát triển có thể tránh được những hành vi tiêu cực mà các nước công nghiệp phát triển đã mắc phải, thì trong môi trường xã hội chắc cũng thế, điều quan trọng là biết cần tránh những gì” (Đoàn Xuân Muộn: *Tiến bộ khoa học - nhìn từ phía trái*, NXB Khoa học xã hội, H., 1999, tr.178).

Xây dựng môi trường văn hoá giáo dục thực chất là xây dựng môi trường văn hoá cơ sở. Tuy nhiên, môi trường văn hoá giáo dục có những đặc trưng riêng khác với các loại môi trường văn hoá cơ sở khác như môi trường văn hoá làng xã (xã văn hoá, làng văn hoá, phố văn hoá...), môi trường văn hoá ở các đơn vị sản xuất - kinh doanh, môi trường văn hoá trong các cơ quan nhà nước khác, trong các đơn vị quân đội... Sự khác biệt này biểu hiện ở nhiều yếu tố, nhiều góc độ. Trong các cơ sở đào tạo giáo viên (trường đại học, cao đẳng, khoa sư phạm...) nếu nhìn ở góc độ hoạt động thì môi trường văn hoá giáo dục bao gồm nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng như: Hoạt động học tập - nghiên cứu; hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể thao; hoạt động ngoại khoá chuyên môn; hoạt động sinh hoạt cá nhân; hoạt động giao lưu trong và ngoài trường. Trong đó, hoạt động học tập - nghiên cứu là hoạt động đặc trưng của môi trường văn hoá giáo dục và giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của nó, các hoạt động khác giữ vai trò quan trọng. Xét ở góc độ văn hoá, chủ thể sáng tạo của hoạt động là con người - các sinh viên sư phạm, thì biểu hiện

của nếp sống trong hoạt động là nét đặc trưng của môi trường văn hoá. Quan điểm chung khi nghiên cứu thực tiễn vấn đề trên đây ở các trường sư phạm (trong phạm vi khảo sát) là tiếp cận hệ thống và phát triển. Xem xét yếu tố môi trường ở phạm vi vĩ mô hay vi mô đều phải quan tâm đến đặc trưng là hoạt động giáo dục có mục đích, có nội dung chương trình và phương pháp, có hệ thống quản lí và đánh giá của các lực lượng chuyên biệt. Do đó, các kết quả khảo sát không những chỉ có ý nghĩa bổ sung cho lí luận giáo dục mà còn có tác dụng phản ánh trung thực những nét cơ bản của hoạt động của sinh viên trong môi trường học tập trên lớp và ngoài giờ lên lớp.

Mục tiêu chủ yếu khi nghiên cứu vấn đề là xem xét hiện trạng *nhận thức* và các *hoạt động* cơ bản trong các trường sư phạm để phân tích một số biểu hiện về lối sống của sinh viên, dự báo những xu hướng và nêu lên các vấn đề cần nghiên cứu tiếp theo. Phương pháp điều tra bằng anket là chủ yếu, khảo sát trên gần 1000 cán bộ ~ quản lí và giảng viên, sinh viên trường đại học sư phạm và trường cao đẳng sư phạm, đồng thời tổ chức hội thảo chuyên đề về thực trạng lối sống sinh viên sư phạm, kết hợp với các phương pháp chuyên gia và các phương pháp khác, kết quả đã thu được những thông tin sau đây:

I. CÁC VẤN ĐỀ KHẢO SÁT TRÊN ĐỐI TƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÍ, GIẢNG VIÊN TRONG CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

1. Nhận thức chung

- *Kết quả khảo sát về nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các trường sư phạm, các hoạt động sau đây có vai trò quan trọng (thức bậc các hoạt động):*

hoạt động học tập nghiên cứu; sinh hoạt cá nhân; hoạt động văn hoá - văn nghệ thể thao; tham gia hoạt động giao lưu trong và ngoài trường; hoạt động ngoại khoá chuyên môn.

- *Về các phương thức hoạt động để phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong trường sư phạm:* các hoạt động do trường tổ chức cho sinh viên tham gia; các hoạt động do sinh viên tự thiết kế, tự tổ chức có phối hợp với các lực lượng bên ngoài.

- *Về các hình thức quản lí các hoạt động:* do nhà trường, khoa, đoàn thể quản lí trực tiếp là quan trọng; hoạt động do sinh viên tự quản rất ít.

- *Vai trò của các yếu tố với nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục:* đòi hỏi có sự phối hợp cả ba yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội; các hoạt động xã hội phải đồng bộ với nhà trường; giáo dục gia đình phải được quan tâm hơn.

Phân tích số liệu khảo sát về các vấn đề trên đây đã cho thấy yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là các hoạt động cơ bản sau đây (thứ bậc ý kiến từ cao xuống thấp). hoạt động học tập, nghiên cứu; các hoạt động khác do trường tổ chức cho sinh viên tham gia; hình thức quản lí các hoạt động do trường, khoa, đoàn thể quản lí; có sự phối hợp của gia đình, nhà trường, xã hội.

2. Các yếu tố thuận lợi tác động đến nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục

Đó là các yếu tố: cơ sở giáo dục có kế hoạch về nội dung, chương trình, mục tiêu, nhân sự, tài chính; hoạt động giáo dục toàn diện, bao trùm mọi lĩnh vực; có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Con người trong môi trường (ở đây là các cơ sở đào tạo giáo viên) là những người có học thức, có trình độ và nội dung các hoạt động có mục đích tốt đẹp. Vị

trí của các trường nhìn chung ở không gian thuận lợi, ở các trung tâm của địa phương.

3. Các khó khăn trong quá trình phát triển môi trường văn hoá giáo dục

Các yếu tố điều kiện về chỗ học như giảng đường, thư viện, kí túc xá cho sinh viên còn hạn chế; chất lượng của chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giáo viên ít đổi mới; điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất cho các hoạt động còn hạn chế; tác động xấu của môi trường xã hội như các tệ nạn xã hội, cờ bạc, ma tuý... đã ảnh hưởng đến trường học.

Tổng hợp số liệu khảo sát tại các trường đã xác định các khó khăn cơ bản như sau: chất lượng của *chương trình* đào tạo, giáo viên ít đổi mới *phương pháp* dạy. *Điều kiện* về chỗ học (giảng đường, thư viện, kí túc xá) còn hạn chế, *kinh phí, cơ sở vật chất* cho các hoạt động còn thiếu. Tác động xấu của *môi trường bên ngoài* đến trường học không phải là khó khăn cơ bản.

4. Thực trạng nhận thức về môi trường văn hoá giáo dục

- “*Sự phạm hoá*” môi trường văn hoá là làm cho chủ thể của môi trường văn hoá vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể giáo dục. Cần lựa chọn các cách thức giáo dục thích hợp với lứa tuổi sinh viên, biên soạn tài liệu, lựa chọn các nội dung hoạt động văn hoá lành mạnh để giáo dục sinh viên.

- *Xây dựng các tiêu chuẩn văn hoá cho môi trường giáo dục theo hướng*: Khuyến khích các hoạt động giáo dục đảm bảo các tiêu chuẩn văn hoá. Đồng thời, tổ chức hoạt động giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá và xác định các yếu tố chuẩn mực để uốn nắn các hành vi phi văn hoá.

- *Môi trường văn hoá* gồm tổng thể các yếu tố vật thể và nhân cách, tạo điều kiện cho các cá nhân tác động đến nhau, ảnh hưởng mạnh đến mọi hoạt động nhằm khai thác, phát triển, sáng tạo các giá trị văn hoá, tác động mạnh đến sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ cho con người. Môi trường văn hóa còn là nơi giúp cho con người tiên hành các hoạt động thực tiễn nhằm lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử và sáng tạo, là nơi thực hiện các chức năng giáo dục, nhận thức, tích lũy thông tin, hình thành hứng thú, giá trị, niềm tin.

- *Môi trường giáo dục* gồm tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến con người có định hướng giáo dục. Bao gồm các yếu tố ảnh hưởng từ bên trong và bên ngoài, trong đó sự định hướng về nội dung chương trình, phương thức giáo dục của nhà trường, gia đình, xã hội... là chủ đạo. Toàn bộ các yếu tố tự nhiên và xã hội ảnh hưởng liên tục đến con người, có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

- *Phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong trường sư phạm, các yếu tố sau đây là quan trọng.* yếu tố giáo dục, dạy học được coi là cơ bản, trong đó quan hệ giữa giáo viên với sinh viên là then chốt. Tổ chức các hoạt động trong trường và ngoài trường cần được phối hợp chặt chẽ. Toàn bộ cán bộ, công chức, giáo viên là tấm gương sư phạm chuẩn mực để giáo dục sinh viên. Tổ chức xây dựng các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho học tập và sinh hoạt của sinh viên phải đồng bộ.

Như vậy, tiêu chuẩn của một môi trường văn hoá giáo dục phải gồm các yếu tố cơ bản sau đây:

Khuyến khích các hoạt động giáo dục đảm bảo các tiêu chuẩn văn hoá; điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất cho các

hoạt động ở mức tối thiểu; xác định các yếu tố chuẩn mực để uốn nắn các hành vi phi văn hoá.

Trong nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục thì yếu tố giáo dục, dạy học được coi là cơ bản, trong đó mối quan hệ tốt đẹp giữa giáo viên và sinh viên có ý nghĩa quan trọng.

II. CÁC NỘI DUNG KHẢO SÁT TRÊN ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN SỰ PHẠM

1. Quan niệm về môi trường văn hoá giáo dục

Kết quả khảo sát đã cho thấy mức độ hiểu biết của sinh viên về khái niệm *môi trường văn hoá* và *môi trường giáo dục* rất khác nhau, tuy nhiên có điểm chung là: Chủ thể là con người hoạt động tích cực trong môi trường giáo dục - yếu tố quyết định đến chất lượng của môi trường.

- *Vai trò của yếu tố môi trường văn hoá giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên*: Phần lớn các ý kiến sinh viên đánh giá là có vai trò *quyết định*; số ít đánh giá chỉ có *tác động nhất định*.

- *Đặc trưng cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục* gồm các yếu tố có yếu tố con người và môi trường tập thể (nhóm) là cơ bản; có các hoạt động mang tính giáo dục và văn hóa, tiếp đến là có các điều kiện để hoạt động.

Yếu tố quyết định đến sự định hướng phát triển môi trường văn hoá giáo dục: trước hết là sự chủ động chiếm lĩnh môi trường của chủ thể con người; tiếp đó là điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng và các quyết định của các cấp quản lí.

- *Trong các trường sự phạm hiện nay, vấn đề cần quan tâm nhất trong giáo dục sinh viên là*: quản lí toàn diện các

yếu tố môi trường và hoạt động của con người trong môi trường đó; tăng cường tính chủ thể trong hoạt động của sinh viên; cải tạo môi trường và cảnh quan sinh hoạt.

Yếu tố tác động tiêu cực làm “ ô nhiễm “ môi trường của sinh viên gồm: lối sống sinh viên có nhiều biểu hiện tiêu cực; có các tác động xấu từ bên ngoài xã hội; điều kiện cơ sở vật chất tuy được quan tâm nhưng còn hạn chế về kí túc xá, nơi ăn ở, học tập của sinh viên.

Phạm vi môi trường trong các trường sư phạm hiện nay được xác định bởi yếu tố' sau đây là cơ bản: do mức độ các hoạt động của nhà trường tạo ra; chủ yếu do không gian quan hệ nhà trường với môi trường xã hội xung quanh; chủ yếu qua mức độ hoạt động của giáo viên và sinh viên.

- *Đánh giá về quản lí môi trường văn hoá giáo dục trong các trường học:* Phần lớn các ý kiến đánh giá là yên tâm; tuy nhiên tỉ lệ các ý kiến chưa yên tâm còn chiếm đáng kể.

Ý kiến đề xuất về phát triển môi trường văn hoá giáo dục gồm: Tăng cường quan hệ sư phạm lành mạnh, triệt tiêu các tiêu cực trong trường học. Xây dựng các yếu tố tạo điều kiện tốt như: kí túc xá, giảng đường, nhà ăn sinh viên, câu lạc bộ... Nhiều ý kiến cho rằng, chủ yếu là tăng sức đề kháng của các chủ thể trước tác động xấu của môi trường.

Trong các trường đại học, yếu tố nổi cộm, tiêu cực làm xấu đi môi trường văn hoá giáo dục: trọng tâm là quan hệ thầy trò ở một số biểu hiện cụ thể có xu hướng thương mại hoá; các hoạt động văn hoá, xã hội trong các trường ít có chất lượng; sinh viên thiếu trung thực trong học tập, thi cử; các điều kiện học tập và sinh hoạt của sinh viên còn thiếu thốn; các trường không quản lí được mọi hoạt động của sinh viên do quy mô đào tạo tăng nhanh, số lượng sinh viên quá lớn.

Định hướng phát triển môi trường văn hoá giáo dục:
Quan điểm chung đã được thống nhất là cần *hoà nhập môi trường văn hoá giáo dục trong trường học với môi trường xã hội*. Chỉ có một số ít ý kiến cho rằng: Không nên đặt ra vấn đề này, trường học phải như một “*ốc đảo*” với những quy định riêng.

Kết quả khảo sát tại các trường đã xác định các vấn đề trọng tâm (tuy nhiên tỉ lệ các ý kiến rất khác nhau ở các đối tượng):

+ Yếu tố môi trường quyết định đến sự phát triển nhân cách sinh viên.

+ Đặc trưng cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục là hoạt động của con người và tập thể.

+ Yếu tố quyết định đến định hướng phát triển là sự chủ động chiếm lĩnh môi trường của con người.

+ Vấn đề sinh viên quan tâm nhất là quản lí toàn diện yếu tố môi trường và con người.

+ Yếu tố tiêu cực làm ô nhiễm môi trường giáo dục là lối sống sinh viên có nhiều biểu hiện xấu. Tác động tiêu cực của xã hội bên ngoài ảnh hưởng đến một bộ phận sinh viên.

+ Phạm vi rộng, hẹp của môi trường do mức độ của các hoạt động trong nhà trường tạo ra; chủ yếu do quan hệ nhà trường với môi trường xã hội xung quanh; chủ yếu qua hoạt động của giáo viên và sinh viên.

+ Chưa yên tâm về môi trường văn hoá giáo dục.

+ Để phát triển môi trường văn hoá giáo dục phải bắt đầu từ việc tăng cường các quan hệ sư phạm lành mạnh, triệt tiêu các tiêu cực trong trường học. Các điều kiện về cơ sở vật chất không phải là yếu tố cơ bản để quyết định.

+ Yếu tố nổi cộm, tiêu cực trong nhà trường sư phạm là: Quan hệ thầy trò có xu hướng thương mại hoá; các hoạt động văn hoá, xã hội trong các trường ít có chất lượng; sinh viên thiếu trung thực trong học tập, thi cử.

+ Định hướng phát triển môi trường văn hoá giáo dục: Hoà nhập môi trường văn hoá giáo dục trong trường học với môi trường xã hội.

2. Một số biểu hiện của sinh viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên

Kết quả khảo sát đã cho thấy các biểu hiện dù ở mức độ rất khác nhau trong các trường, nhưng có hai vấn đề nổi lên rất đáng quan tâm:

+ Các biểu hiện có tính *thường xuyên* rất đáng lo ngại như: tiêu tiền theo nhu cầu cá nhân vượt quá khả năng; không đến thư viện để đọc sách; uống rượu, hút thuốc lá...

+ Trừ biểu hiện mắc nghiện ma túy, còn lại các biểu hiện chưa tốt sinh viên tự nhận là *đôi khi* với các tỉ lệ khác nhau ở các trường.

3. Mức độ của các yếu tố tác động đến sinh viên (thứ tự tác động mạnh đến yếu) như sau:

- Các phương tiện thông tin đại chúng: sách báo, tạp chí, tivi, radio, Internet, loa đài công cộng trong trường.

- Nội dung liên quan đến chuyên môn: văn hoá, nghệ thuật, thể thao, giải trí, phim, thời sự, chính trị, thời tiết, khoa học. Các hoạt động do trường tổ chức: học chính trị, học quy chế đào tạo sinh hoạt đoàn, hội sinh viên, sinh hoạt chuyên đề chuyên môn, hoạt động khoa học.

Sinh viên tự đánh giá bản thân: lễ phép với thầy cô, đi học đúng giờ, tham gia các hoạt động xã hội, chăm học, có quay cốp trong khi thi.

+ Các phương tiện tác động *thường xuyên* đến sinh viên là: *sách báo, tạp chí*; những nội dung liên quan đến chuyên môn, văn hoá nghệ thuật, phim. Đáng chú ý là sinh viên *ít quan tâm* đến hai việc: đó là *sử dụng phương tiện Internet phục vụ học tập và nghiên cứu và quan tâm đến nội dung thời sự, chính trị*.

+ Mức độ tham gia của sinh viên với các hoạt động ở loại hình văn nghệ, thể dục thể thao, học chính trị, học quy chế... *rất thường xuyên* nhưng hoạt động sinh hoạt chuyên đề chuyên môn và hoạt động khoa học mức độ thường xuyên không cao.

+ Sinh viên tự đánh giá bản thân là *thường xuyên*: lễ phép với thầy cô, đi học đúng giờ, tham gia các hoạt động xã hội. Đáng chú ý là có gần 1/3 sinh viên tự nhận *đôi khi* quay cóp trong khi thi cũng là tỉ lệ đáng lo ngại.

4. Nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên

Về các loại hình nghệ thuật

- *Loại hình thông tin đại chúng ưa thích*: phim truyền hình, hoạt động văn hoá, văn nghệ, sân khấu truyền hình, phim nhựa tại rạp hát.

- *Loại hình nghệ thuật yêu thích nhất*: âm nhạc, điện ảnh, cải lương, kịch, chèo.

- *Công việc ưa thích nhất lúc rỗi*: làm công việc yêu thích, đọc truyện, xem tivi, nghe đài, giao tiếp với bạn cùng nơi ở.

Địa điểm tốt nhất khi giao tiếp với bạn thân: tại chỗ ở, tùy hứng thú để chọn chỗ, quán nước, ở câu lạc bộ ở nơi đông người.

- *Vấn đề sinh viên nội trú quan tâm nhất là*: chỗ ở có đủ điện, nước, được đảm bảo tốt về an ninh, chỗ ở có dịch vụ

công cộng tốt, có câu lạc bộ sinh viên, chỗ ở có Internet, điện thoại.

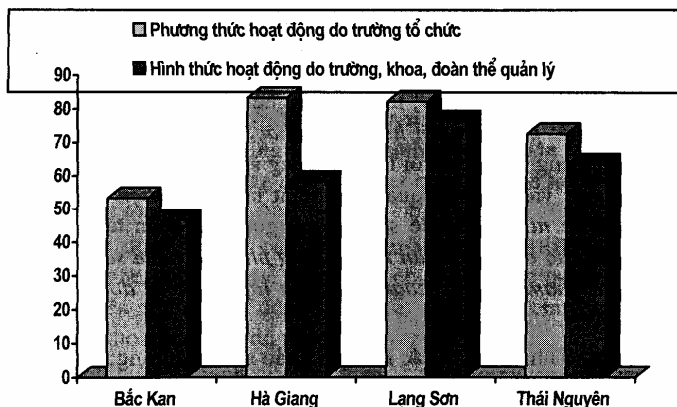
Vấn đề sinh viên ngoại trú quan tâm nhất là: được thuê chỗ ở độc lập, an toàn trong phạm vi kiểm soát của chủ nhà, được tham gia các hoạt động của lớp, được tự do trong sinh hoạt riêng. Số liệu trên cho thấy, loại hình nghệ thuật được sinh viên ưu thích nhất là: phim truyền hình, âm nhạc. Công việc ưu thích của sinh viên trong thời gian rỗi là: làm công việc ưa thích, đọc chuyện. Vấn đề sinh viên nội trú quan tâm nhất là: có đủ điện nước được đảm bảo an ninh. Vấn đề sinh viên ngoại trú quan tâm nhất là: được thuê chỗ ở độc lập, an toàn, trong phạm vi kiểm soát của chủ nhà, được tham gia các hoạt động của lớp, được tự do trong sinh hoạt riêng.

Một số nhận xét từ các kết quả khảo sát thực trạng: Phần lớn giáo viên ở các trường được hỏi đều đánh giá đúng hoạt động *học tập - nghiên cứu là hoạt động trọng tâm* và có vai trò quyết định đối với nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục. Đây là những nhận thức đúng đắn, khoa học về hoạt động chủ đạo trong các trường.

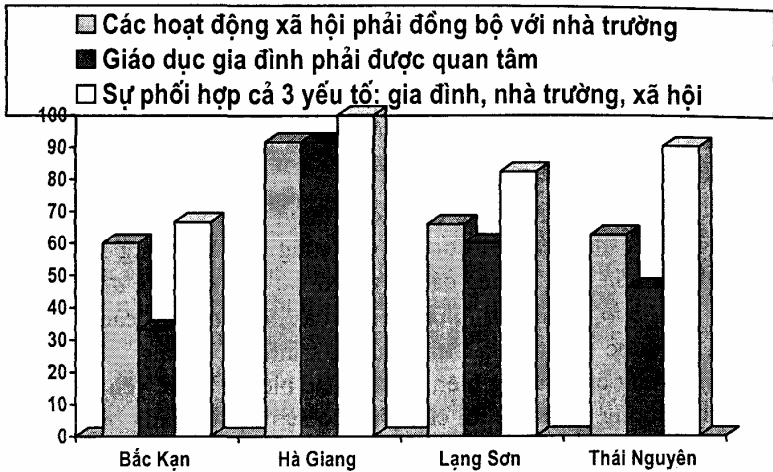
Hoạt động chủ đạo được xem là một yếu tố cấu thành nên môi trường văn hoá giáo dục và là nơi biểu hiện rõ nét giá trị của nhân cách. Do đó, cần xây dựng nhiều hình thái hoạt động phong phú, đa dạng nhằm phát huy tính tích cực của nhân tố người học.

Song, để định hướng cho môi trường văn hoá giáo dục phát triển đúng hướng thì ở cấp vĩ mô, những hoạt động do nhà trường trực tiếp quản lý và tổ chức cho sinh viên tham gia giữ vai trò quyết định. Việc các giảng viên nhận thức rõ vấn đề này có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng và phát triển môi trường giáo dục.

- Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ giảng viên nhận thức đúng vấn đề này có sự chênh lệch đáng kể giữa các trường khảo sát. Điều này được biểu hiện qua (biểu đồ 1) dưới đây:



Nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hoá giáo dục không phải là nhằm tạo ra một “ ốc đảo văn hoá” tách biệt với môi trường xã hội và cắt đứt mối liên hệ với gia đình. Trái lại, môi trường văn hoá giáo dục còn phải góp phần “ bịt những kẽ hở” .mà những luồng “ gió độc” có thể xâm nhập vào đời sống học đường, đồng thời phải phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội. Đây cũng là nhận định của phần lớn giáo viên các trường được khảo sát (biểu đồ 2): 104



Tuy nhiên, để xây dựng môi trường văn hoá giáo dục đạt tới chuẩn chân, thiện, mỹ là cả một quá trình lâu dài và toàn diện. Trong đó, phải tính tới những thuận lợi và khó khăn ở từng giai đoạn, từng thời kỳ. Theo đánh giá của giảng viên các trường tại thời điểm khảo sát cho thấy, trong các nhân tố thuận lợi và khó khăn được bàn đến thì giữa các trường cũng có sự khác nhau về mức độ. Ở trường CĐSP Lạng Sơn, theo đánh giá của phần lớn giảng viên thì nhân tố thuận lợi nhất là sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và khó khăn lớn nhất là chất lượng của chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên. Ở trường CĐSP HÀ Giang, các ý kiến cho rằng: nhân tố thuận lợi nhất là hoạt động giáo dục toàn diện, bao trùm mọi lĩnh vực; khó khăn lớn nhất là điều kiện về chỗ học (giảng đường, thư viện,...), kí túc xá cho sinh viên, còn lại là hạn chế về chất lượng của chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên. Còn ở trường CĐSP Bắc

Kạn, thuận lợi lớn nhất được các giảng viên nhận định là có kế hoạch về nội dung, chương trình, mục tiêu, nhân sự,

tài chính. Khó khăn lớn nhất được xác định là điều kiện về chỗ học (giảng đường, thư viện,...), kí túc xá cho sinh viên còn hạn chế. Thực trạng này đã phản ánh tình hình chung trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện đang rất thiếu thốn về điều kiện cơ sở vật chất.

- Những số liệu cụ thể cũng cho thấy: Sinh viên quan tâm đến những nhu cầu thiết yếu đối với đời sống của họ trong kí túc xá. Vấn đề “muôn thủa” trong các kí túc xá là: *chỗ ở có đủ điện, nước; được đảm bảo toilet về an ninh.* Trước đây, các trường cao đẳng sư phạm đã được đầu tư lớn theo chương trình IV, nhưng với quy mô đào tạo trong các trường hiện nay và đặc biệt là trước yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục thì cần phải có sự đầu tư, trang bị thêm rất nhiều. Gần đây, dự án đào tạo giáo viên trung học cơ sở đã triển khai xây dựng tương đối hoàn chỉnh chương trình, giáo trình cao đẳng sư phạm và tập huấn giáo viên, chắc chắn sẽ góp phần khắc phục một phần khó khăn trên của các trường.

- Việc xây dựng và phát triển môi trường văn hoá giáo dục chịu sự tác động của rất nhiều nhân tố. Trong đó, việc sinh viên nhận thức đúng đắn về môi trường văn hoá và môi trường giáo dục có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Thực tế khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên được hỏi cho rằng hai phạm trù này có quan hệ mật thiết nhưng khác nhau. Ở trường CĐSP Bắc Kạn và trường CĐSP Hà Giang, phần lớn sinh viên quan niệm môi trường văn hoá và môi trường giáo dục tuy khác nhau nhưng có quan hệ với nhau rất mật thiết. Đây là những nhận thức đúng đắn bởi một môi trường văn hoá bao giờ cũng mang tính giáo dục và trong nó còn có những môi trường vi mô là môi trường giáo dục. Ngược lại, một môi trường giáo dục bao giờ cũng

hướng tới những cái chân, thiện, mỹ (cái “ văn hoá”). Theo đó, ở cấp vĩ mô, môi trường giáo dục luôn chứa trong nó những môi trường văn hoá nhỏ (môi trường vi mô). Như vậy, hai khái niệm môi trường văn hoá và môi trường giáo dục có

mối quan hệ khăng khít với nhau như mối quan hệ giữa văn hoá và giáo dục. Không có văn hoá sẽ không có giáo dục và nếu không có giáo dục thì văn hoá sẽ không tồn tại. Mặc dù vậy, nếu đồng nhất chúng sẽ không thấy được chức năng trội của hai loại môi trường này và sẽ dẫn đến cách hiểu môi trường văn hoá giáo dục chỉ như là môi trường văn hoá cơ sở khác như làng văn hoá, xã văn hoá, phố văn hoá... và các môi trường văn hoá trong các cơ sở giáo dục, y tế, sản xuất - kinh doanh.

Như trên đã phân tích, phần lớn sinh viên nhận thức đúng về vai trò và chức năng của môi trường văn hoá và môi trường giáo dục. Tuy nhiên, nhận thức của sinh viên về các yếu tố cấu thành nên môi trường văn hoá và môi trường giáo dục (ở các trường khảo sát) cũng khác nhau.

Quan niệm về môi trường văn hoá: Phần lớn sinh viên trường CĐSP Bắc Kạn và sinh viên trường CĐSP Lạng Sơn đều lựa chọn phương án cho rằng môi trường văn hoá là tổng thể các yếu tố vật thể và nhân cách, tạo điều kiện cho các cá nhân tác động đến nhau, ảnh hưởng mạnh đến mọi hoạt động khai thác, phát triển, sáng tạo các giá trị văn hoá, tác động mạnh đến sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ cho con người. Ở trường CĐSP Hà Giang thì tỉ lệ lựa chọn các phương án không chênh lệch nhau nhiều: Phần lớn lựa chọn phương án 1 cho rằng môi trường văn hoá là nơi giúp cho con người tiến hành các hoạt động thực tiễn nhằm lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử và sáng tạo. Tiếp đó là sự

lựa chọn phương án 2 cho rằng môi trường văn hoá là nơi thực hiện các chức năng giáo dục, nhận thức, tích lũy thông tin, hình thành hứng thú, giá trị, niềm tin...

Quan niệm về môi trường giáo dục: Phần lớn sinh viên trường CĐSP Lạng Sơn chọn phương án cho rằng môi trường giáo dục là toàn bộ các yếu tố tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến con người trong đó sự định hướng về nội dung chương trình, phương thức giáo dục của nhà trường, gia đình, xã hội... là chủ đạo. Kết quả này ở trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên cũng có tình hình tương tự. Trong khi đó phần lớn sinh viên trường CĐSP Bắc Kạn lại cho rằng môi trường giáo dục gồm tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến con người có định hướng giáo dục. Trường CĐSP Hà Giang có tỉ lệ lựa chọn cả ba phương án là ngang nhau.

Từ kết quả khảo sát thực trạng trên đây đã cho thấy: Trong môi trường giáo dục có những không gian môi trường nhỏ như môi trường kí túc xá, môi trường câu lạc bộ sinh viên, môi trường vui chơi giải trí, môi trường sinh hoạt, dịch vụ ăn uống cho sinh viên, môi trường giáo dục học đường... Đây có thể gọi là những môi trường văn hoá và môi trường giáo dục vi mô. Theo quan điểm của các nhà giáo dục học, để những môi trường này thực sự trở thành môi trường học tập, rèn luyện và giáo dục sinh viên có hiệu quả cần phải “sự phạm hoá” môi trường văn hoá và xây dựng những tiêu chuẩn văn hoá cho môi trường giáo dục nhằm hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Vậy làm thế nào để “sự phạm hoá” môi trường văn hoá và xây dựng những tiêu chuẩn văn hoá cho môi trường giáo dục? Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn nhưng cần thiết phải triển khai thực hiện ngay ở từng phạm vi với các yêu cầu cụ thể. Ví dụ, từ hành vi giữ sạch bàn học của sinh viên (không viết vẽ bậy

lên bàn) đến các tiêu chuẩn vĩ mô trong nhà trường, trong giáo dục nghề nghiệp. Theo đánh giá của hầu hết sinh viên trường CĐSP Bắc Kạn, sinh viên trường CĐSP Hà Giang và sinh viên trường CĐSP Lạng Sơn thì “sự phạm hoá” môi trường văn hoá là lựa chọn các nội dung hoạt động văn hoá lành mạnh để giáo dục sinh viên; lựa chọn các cách thức giáo dục thích hợp với lứa tuổi sinh viên; làm cho sinh viên vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể của môi trường văn hoá. Về vấn đề xây dựng những tiêu chuẩn văn hoá cho môi trường giáo dục, tỉ lệ lớn sinh viên trường CĐSP Bắc Kạn, sinh viên trường CĐSP Hà Giang và sinh viên trường CĐSP Lạng Sơn cho rằng cần xác định các yếu tố chuẩn mực để uốn nắn các hành vi phi văn hoá; khuyến khích các hoạt động giáo dục đảm bảo các tiêu chuẩn văn hoá; tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá và ngược lại.

Như trên đã trình bày, môi trường văn hoá giáo dục thực chất là một dạng môi trường văn hoá cơ sở, song nó có những đặc trưng riêng. Những đặc trưng này cũng được coi là cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục và nó được biểu hiện ở những hoạt động giáo dục. Đây là những hoạt động chủ đạo, quyết định trực tiếp đến chất lượng phát triển môi trường văn hoá giáo dục. Về vấn đề này, qua khảo sát cho thấy tỉ lệ lớn sinh viên trường ĐHSP - Đ H Thái Nguyên, trường CĐSP Lạng Sơn, trường CĐSP Hà Giang và rất ít sinh viên trường CĐSP Bắc Kim nhận thức đúng đặc trưng cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục. Với nhận thức như vậy, khi được hỏi yếu tố nào quyết định đến sự định hướng phát triển môi trường văn hoá giáo dục thì phần lớn sinh viên trường CĐSP Lạng Sơn trả lời là *các quyết định quản lý của các cấp*, còn sinh viên trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên, trường CĐSP Bắc Kim lựa chọn là *sự chủ động*

chiếm lĩnh môi trường của chủ thể con người và do điều kiện cơ sở vật chất quyết định. Đối với sinh viên trường CĐSP Hà Giang thì sự lựa chọn các phương án ngang nhau, không có sự chênh lệch rõ ràng.

III. KẾT QUẢ PHÒNG VẤN SÂU

Kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ quản lí, các giáo viên các trường (trong phạm vi điều tra) đã cho thấy nổi lên một số vấn đề sau đây ở các cơ sở đào tạo giáo viên và đây cũng là những biểu hiện đáng quan tâm trong công tác giáo dục sinh viên:

1. Một số biểu hiện của sinh viên trong học tập, sinh hoạt

(Đối tượng là sinh viên đang ở trong kí túc xá chiếm gần 40%; sinh viên là người dân tộc thiểu số chiếm gần 30% - tỉ lệ trung bình trong các trường). Một số biểu hiện đã xuất hiện: *Sinh viên vi phạm kỉ luật từ cảnh cáo trở lên*

Sinh viên mắc nghiện ma túy

Sinh viên bị đình chỉ học tập :

Sinh viên thường xuyên bỏ giờ trong quá trình học tập

Sinh viên quay cóp, sử dụng tài liệu trái phép trong làm bài thi

Sinh viên đi học muộn

Sinh viên không đến thư viện đọc sách

Sinh viên vi phạm về nội quy giảng đường, kí túc xá Sinh viên nói tục, thiêu lễ độ với giáo viên

Sinh viên thường xuyên uống rượu

Sinh viên hút thuốc lá

Sinh viên sử dụng Internet không đúng mục đích

Sinh viên đi chơi về muộn, quá giờ quy định

Sinh viên gặp giáo viên để nhờ xin điểm trong các kì thi

Sinh viên ăn mặc không phù hợp với môi trường sư phạm
Sinh viên đi xe máy không có bằng lái

Sinh viên có bạn khác giới sống chung

Sinh viên không quan tâm đến nhiệm vụ học tập.

Những biểu hiện trên đây có thể chưa phổ biến trong sinh viên các trường sư phạm. Có những biểu hiện cá biệt, nhưng có nhiều biểu hiện tương đối rõ nét. Có những biểu hiện mới xuất hiện (ăn mặc không phù hợp với môi trường sư phạm, sử dụng Internet không đúng mục đích...), nhưng có những biểu hiện đã trở thành “bệnh kinh niên” của sinh viên như (quay cóp, xin điểm...). Đặc biệt là những biểu hiện “đặc trưng” của sinh viên các trường miền núi như (hay uống rượu, đi học muộn, đi xe máy không bằng lái...). Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỉ lệ sinh viên có biểu hiện sau đây chiếm khá cao: thường xuyên bỏ học trong quá trình học tập; không đến thư viện đọc sách; vi phạm các nội quy giảng đường, kí túc xá

Đáng chú ý là kết quả phỏng vấn sâu trên đây khi so sánh với kết quả khảo sát trên sinh viên 4 trường đã cho thấy: sinh viên tự đánh giá các biểu hiện (như đã nêu ở trên) đã xảy ra đối với họ ở mức độ *đôi khi* chiếm tỉ lệ khá cao. Giữa kết quả phỏng vấn sâu với các kết quả điều tra bằng anket trên sinh viên có sự tương quan chặt, điều đó có thể khẳng định các số liệu có độ tin cậy nhất định. Trong hàng loạt các nguyên nhân chủ quan và khách quan, ở các nguyên nhân về phía người quản lí, tổ chức giáo dục, có nguyên nhân đáng quan tâm là chưa có sự sát sao của các giáo viên trong giảng dạy, kỉ luật nhà trường còn lỏng lẻo, chưa có sự rắn đẽ đủ mạnh và còn biểu hiện còn che giấu vì

thành tích như số lượng sinh viên mắc nghiện ma túy trong các trường. Hệ thống quản lí sinh viên được cấu tạo như sau: tổ, lớp, giáo viên chủ nhiệm, ban chủ nhiệm khoa, phòng quản lí sinh viên và hàng năm có tổng kết sơ kết nhưng về cơ bản vẫn là một hệ thống có mối liên kết khá lỏng lẻo. Có ý kiến cho rằng: Trước đây, khi giảng viên lên lớp có thể phát hiện ra những biểu hiện bất thường của sinh viên về tâm trạng lo lắng hay vui buồn, về sức khoẻ hay các biểu hiện tâm lí... điều này đã thể hiện quan hệ thầy - trò rất gần bó mật thiết. Nhưng hiện nay, phần lớn các giảng viên ít có thời gian và điều kiện để quan tâm đến từng sinh viên vì quy mô lớn, phạm vi rộng và còn do nhiều nguyên nhân khác nữa. (Xem thêm Phạm Hồng Quang: *Môi trường văn hóa giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên*, Tạp chí Giáo dục, số 128, 12/2005; tr.1).

2. Một số ý kiến về sinh viên trên các phương tiện thông tin khác

Tác giả Trần Thị Trâm có mô tả về các hiện tượng sau đây trong sinh viên: “ ... *bẻ cây, hái hoa, vẽ bậy lên tường, lên bàn ghế... xả rác làm một vệ sinh nơi công cộng, một trật tự lúc xem phim, nơi hội họp. ăn mặc thì kì quặc, đầu tóc thì lúc đỏ lúc vàng. Hiện tượng gây gổ đánh nhau, nói tục chửi bậy vẫn chưa chấm dứt Vẫn chưa tạo được nếp sống, tác phong công nghiệp: giờ nào việc nấy. Giờ tự học vẫn có người uống rượu, bài bạc, tá lả thâu đêm..... giờ học trên lớp thì đến muộn, ăn quà vặt, nói chuyện riêng, đọc tiểu thuyết, tự do bỏ giờ, bỏ tiết,... Ở thư viện đôi khi vẫn có người cười nói ồn ào, sách báo dùng xong không để đúng vị trí cũ, tài liệu cần là xé hoặc viết linh tinh... Đặc biệt đáng buồn là hiện tượng quay cóp đang có xu hướng trở nên phổ biến đến mức nhiều em chẳng ngại ngần coi hành vi đối trá ấy lại là chuyện bình thường.. Phân đông sinh*

viên còn lười học hoặc học cầm chừng... Với thầy cô và người lớn tuổi còn nhiều hành vi chưa giữ đúng chữ lễ... sau khi vào đại học, không ít sinh viên tự bằng lòng với chính mình, không chịu phấn đấu, không chăm chỉ học hành, sống kiểu bình quân chủ nghĩa, thậm chí có lí tưởng và ưa lối sống thực dụng: “ăn tranh thủ ngủ khẩn trương, học bình thường, chơi tá lả”. (Báo Giáo dục & Thời đại chủ nhật số 25, ngày 20/6/2004).

Những biểu hiện trên đây ở khối trường sư phạm có thể là không phổ biến, tuy với mức độ biểu hiện có khác nhau, nhưng thực sự là đáng báo động. Chẳng hạn, qua các đợt thanh tra thi học phần tại các cơ sở đào tạo giáo viên đã có hàng trăm sinh viên bị đình chỉ thi vì vi phạm quy chế thi. Kết quả nghiên cứu tại các trường (trong phạm vi nghiên cứu) cũng cho thấy sinh viên đã tự nhận về mình có nhiều biểu hiện tiêu cực trong học tập. Có thể sự tự đánh giá chưa chính xác, nhưng con số trên 50% sinh viên cho rằng đã từng “đôi khi” quay cóp, sử dụng tài liệu trong khi thi, đã cho thấy việc làm gian dối của sinh viên đã được họ tự đánh giá là *bình thường* như những biểu hiện phổ biến khác.

GS. Hoàng Xuân Sính đã phát biểu: “*Môi trường đào tạo phổ thông và đại học của chúng ta ngày càng xấu đi, học sinh, sinh viên không có được một môi trường đào tạo lành mạnh*” [...] “*nếu ở tiểu học nhiều người đứng trên bục giảng đã lợi dụng việc dạy thêm để kiếm tiền thì ở đại học, có những người thầy, người cô... bán điểm để lấy tiền*” . Kết quả thảo luận tại Trường Đại học sư phạm thuộc Đại học Thái Nguyên (2005) về !ôi sống sinh viên cũng có những ý kiến từ phía sinh viên phản ánh về các biểu hiện tương tự như ý kiến trên.

Điều kiện sống xung quanh sinh viên sư phạm chưa được chọn lọc Những âm thanh, hình ảnh, thậm chí là mùi vị không khí... xung quanh trường học đang bị ô nhiễm nặng nề. Diện tích sân chơi bị thu hẹp đến mức không thể tính m² trung bình cho mỗi sinh viên vì quá nhỏ. Trong lĩnh vực âm nhạc, thị hiếu của sinh viên bị trộn lẫn với các loại hình âm nhạc tùy ý. Sách báo, phim ảnh lậu không kiểm soát nổi, hoạt động của các lực lượng xấu đe dọa sinh viên, lôi kéo sinh viên thường xuyên đã không được ngăn chặn kịp thời. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhu cầu của sinh viên được đảm bảo an ninh nơi ở trong và ngoài kí túc xá là rất cấp bách.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy xuất hiện những đòi hỏi ngày càng cao của sinh viên về đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cấp trường, cấp khoa như sau:

- *Về năng lực chuyên môn của giảng viên:* Sinh viên cho rằng một số giảng viên đại học ít đọc sách, việc cập nhật thông tin khoa học còn chưa kịp thời, các tài liệu chuyên môn mới rất ít. Nội dung bài giảng của một số giảng viên chậm đổi mới, phương tiện dạy học hiện đại chưa được sử dụng nhiều trong bài giảng của các thầy cô giáo sư phạm. Về lối sống, sinh viên có ý kiến về hiện tượng một số ít giảng viên đại học còn đánh bạc, uống rượu quá mức, ăn mặc lòe loẹt.

- *Về năng lực quản lý:* Sinh viên nhận xét có nhiều cán bộ quản lý cấp trường! khoa không thông thạo ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin hạn chế. Với năng lực cán bộ quản lý như trên, khó có thể xây dựng được một môi trường giáo dục có chất lượng tốt. Nhìn chung, các ý kiến trên các phương tiện thông tin như truyền hình, sách báo, mạng Internet... đều đánh giá cao những yếu tố về năng lực mới

của sinh viên, đặc biệt là sự thông minh sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn, hoạt động xã hội. Tuy nhiên, còn nhiều ý kiến phản nản về năng lực tự tìm kiếm việc làm, năng lực tự học, năng lực thích ứng của một số sinh viên còn hạn chế. Đáng chú ý là xuất hiện lối sống vị kỉ, thờ ơ trước vận mệnh của đất nước, trách nhiệm công dân ở một số bộ phận sinh viên chưa cao. Hàng loạt các vấn đề thuộc về sinh viên, trong đó nhiều nội dung liên quan đến lối sống, ví dụ như biểu hiện “sống thử” đang được đặt ra đòi hỏi phải có những nghiên cứu đầy đủ để có các kết luận xác đáng về những trí thức tương lai.

3. Sinh viên với nhiệm vụ xây dựng môi trường sư phạm

Nhân dịp *Ngày học sinh, sinh viên* (Ngày 09 tháng 01 năm 2005), với sự tham gia của sinh viên chuyên ngành Tâm lí - Giáo dục và các giảng viên trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Thái Nguyên, hội thảo chuyên đề trên đã nhận được các ý kiến tham luận của các đại biểu tham dự. Các ý kiến của cá nhân và tập thể sau đây là tư liệu tham khảo:

“ Môi trường văn hoá giáo dục là nơi diễn ra các hoạt động văn hoá có ý nghĩa giáo dục. Môi trường này bao gồm cả ba thành tố gia đình - nhà trường - xã hội và luôn mang trong nó những giá trị truyền thống và hiện đại. Thực trạng sinh viên với việc tiếp nhận môi trường văn hoá giáo dục: trước hết là *ảnh hưởng của truyền thống*: Nhìn chung sinh viên ngày nay vẫn giữ được những truyền thống quý báu của dân tộc như: cần cù, hiếu học, có lòng yêu quê hương, đất nước... Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nếp sống nông nghiệp nên sinh viên thường lãng phí thời gian, ý thức kỷ luật kém. *Việc tiếp nhận những yếu tố mới, hiện đại còn*

hạn chế. Phần lớn sinh viên ngày nay năng động, sáng tạo, học tập và làm việc khoa học, có tác phong công nghiệp. Tuy nhiên, họ cũng chưa khai thác triệt để các yếu tố thuận lợi của môi trường như: Internet, sách, báo, các phương tiện kỹ thuật... để phục vụ cho việc học tập và lập nghiệp mà thường sử dụng nó với mục đích vui chơi, giải trí” . (Nguyễn Thu Hà).

“ Thực trạng môi trường văn hoá giáo dục. Quan niệm môi trường văn hoá giáo dục là môi trường sư phạm, có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên. Thực trạng việc tiếp nhận môi trường văn hoá giáo dục của sinh viên thể hiện trong các quan hệ:

+ *Trong các mối quan hệ với thầy cô, bạn bè*: Hầu hết sinh viên có nhận thức đúng đắn, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp, lễ phép với thầy cô giáo, thân thiện với bạn bè. Tuy nhiên, cũng có không ít sinh viên có ý thức kỷ luật kém, thiếu tôn trọng thầy cô, không hoà nhã với bạn bè.

+ *Trong học tập và nghiên cứu khoa học*: Đa số sinh viên đều tích cực học tập và tham gia nghiên cứu khoa học. Nhưng cũng có không ít sinh viên lười học, thi cử phụ thuộc vào tài liệu rồi nhờ vả xin điểm... dẫn đến một thực trạng là nhiều khi những sinh viên tích cực học tập điểm lại thấp hơn những sinh viên lười học (do sử dụng tài liệu). Hiện trạng này gây nên những bất bình từ phía những sinh viên tích cực học tập.

+ *Tác phong và đạo đức*: Còn không ít sinh viên có tác phong không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức làm ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, văng tục... Những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển môi trường văn hoá giáo dục là: Nhận thức của cá nhân, điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân; quan

điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; nội dung giáo dục của nhà trường; hoạt động của các lực lượng và mỗi cá nhân. Tiêu chí về môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh trong các trường sư phạm gồm: Sinh viên có ý thức đạo đức tốt, đoàn kết giúp đỡ người xung quanh, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; mọi người phải nhiệt tình trong các phong trào chống tệ nạn xã hội” . (Nguyễn Thị Duyên)

- “ Môi trường văn hoá giáo dục là một bộ phận trong môi trường xã hội của cuộc sống con người, là toàn bộ những gì có ảnh hưởng trực tiếp tới con người, môi trường văn hoá giáo dục của sinh viên là hoàn cảnh xã hội nơi sinh viên sống, học tập. Nó gắn liền với những chuẩn mực mang tính văn hoá và tính giáo dục. Thực trạng mối quan hệ giữa những sinh viên sống cùng phòng trong kí túc xá: Mỗi phòng trong kí túc xá là một tổ ấm của những sinh viên sống trong đó. Đây là một môi trường tốt giúp sinh viên có thêm nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống tập thể, xây đắp tinh thần đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ mọi người. Tuy nhiên, cuộc sống tập thể bao giờ cũng phức tạp nên còn không ít phòng có những va chạm gây chia rẽ, mất đoàn kết. Yếu tố quyết định đến phát triển môi trường giáo dục sinh viên là: Ý thức của mỗi cá nhân đối với các chuẩn mực đạo đức, ý thức về trách nhiệm và quyền hạn của mình; thái độ và hành vi của mỗi cá nhân đối với môi trường văn hoá giáo dục. Tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh trong sinh viên gồm: sinh viên hăng hái, nhiệt tình và có hành vi phù hợp với các chuẩn mực; các thành viên biết sống vì mọi người” . (Nguyễn Thị Thái Hợp)

- “ Môi trường văn hoá giáo dục là môi trường sống chứa đựng những chuẩn mực nhất định và mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Về lối sống của sinh viên, có thể nói môi trường đang bị “ ô nhiễm” về tinh thần: Phần nhiều

sinh viên biết kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc trong ứng xử, giao tiếp... và biết tiếp thu những giá trị mới. Tuy nhiên, một số sinh viên có tư tưởng thực dụng, chưa thực sự vươn lên trong học tập, ăn chơi sa đọa, nói tục, chửi bậy... Yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là: Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng môi trường văn hoá giáo dục; các hoạt động giáo dục được tổ chức tốt” . (Đinh Thị Ngoan)

- “ Thực trạng quan hệ thầy trò. Phần lớn sinh viên kính trọng các thầy cô bằng những hành động chào hỏi, thăm hỏi những dịp lễ tết với thái độ kính trọng. Tuy nhiên còn nhiều sinh viên tránh mặt không chào hỏi, lợi dụng những dịp lễ tết để nhờ vả, xin điểm... Về phía giáo viên cũng có không ít thầy cô nhận tiền và nâng điểm cho sinh viên” . (Lương Văn Nghĩa)

- “ Tiêu chí môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh gồm: môi trường văn hoá giáo dục mang tính chất vùng miền; là nơi học tập, có cảnh quan hợp lý; 100% sinh viên không vi phạm các tệ nạn xã hội; sinh viên sống và học tập theo pháp luật, không vi phạm quy chế thi” . (Nguyễn Thị Hồng)

“ Môi trường văn hoá giáo dục trong sinh viên bao gồm những hoạt động và những biểu hiện nhiều mặt của nhân cách. Môi trường văn hoá giáo dục của sinh viên đang bị ảnh hưởng xấu nghiêm trọng bởi những thói hư, tật xấu ngày càng lan nhanh: lối sống sa hoa, hưởng thụ, chủ nghĩa cá nhân lười học, chạy điểm... Vì vậy, cần phải giáo dục lối sống trong sinh viên” . (Nguyễn Thị Hiền)

- “ Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục: Là nơi diễn ra các hoạt động giáo dục nhằm giúp con người tiếp thu những giá trị văn hoá truyền

thống hướng tới việc hoàn thiện nhân cách theo yêu cầu của xã hội. Các yếu tố ảnh hưởng: trình độ nhận thức của đối tượng giáo dục; ý thức tích cực tu dưỡng; tính tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể; nội dung dạy học, giáo dục; công tác quản lý học sinh; tình hình chính trị trong nước; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục; nhân cách của các cá nhân tham gia vào môi trường văn hoá giáo dục” . (Ngô Thị Thanh Xuân)

“ Thực trạng môi trường giáo dục của sinh viên: Còn các hiện tượng nói tục, chửi bậy, sống thử trước hôn nhân, buông thả... Về học tập bên cạnh những người học tập nghiêm túc, vẫn còn nhiều sinh viên học đối phó. Về ý thức đối với vấn đề môi trường: Sinh viên chưa có thói quen đổ rác đúng nơi quy định” . (Vũ Thị Kim Hoa) - “ Các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực tới sinh viên chủ yếu do thiếu thốn về kinh tế. Bên cạnh những sinh viên có điều kiện kinh tế đầy đủ còn có không ít sinh viên có hoàn cảnh khó khăn phải đi làm thêm để trang trải cho cuộc sống. Chính điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động học tập của sinh viên. Trước các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, mại dâm, ma tuý... lập trường tư tưởng của sinh viên không vững vàng, dễ bị dao động, cám dỗ... Những yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục sinh viên là: khả năng nhận thức của sinh viên, ý thức thái độ của sinh viên đối với việc chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường, của nơi ở; ý thức chấp hành pháp luật và việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, sự quản lý của nhà trường và chính quyền địa phương; các mối quan hệ của thầy cô và sinh viên; sự quan tâm của gia đình. Các tiêu chí để xây môi trường văn hoá lành mạnh trong sinh viên thông qua quan hệ thầy - trò đúng mực, giản dị, trong sáng; môi trường đoàn kết, thân ái; không có các sinh viên

mắc các tệ nạn xã hội; học lực của sinh viên phải tốt; sinh viên phải tích cực thi đua học tập, rèn luyện” . (*Đặng Chí Kiên*)

“ Thực trạng môi trường văn hoá giáo dục trong sinh viên có những biểu hiện tích cực như: tác phong nhanh nhẹn, tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, phù hợp với môi trường sư phạm, ý thức được nhiệm vụ học tập vì ngày mai lập nghiệp; có lối sống lành mạnh, biết kết hợp hài hoà giữa những giá trị truyền thống với những giá trị mới. Những biểu hiện tiêu cực: hiện tượng “ chạy điểm” ở một số sinh viên; còn nhiều sinh viên sư phạm sống buông thả, thiếu hoài bão, lười học tập và tu dưỡng đạo đức; không ít sinh viên mắc vào những tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, ma tuý tham gia những băng nhóm xấu... Hiện tượng sử dụng tài liệu trong thi cử còn nhiều’ . (*Nguyễn Thị Hồng Hạnh*)

- “ Vài nét về cách ăn mặc và ứng xử của sinh viên sư phạm.

Môi trường sư phạm đang bị “ ô nhiễm” nghiêm trọng. Điều đó được biểu hiện ở các mặt sau: Một số sinh viên sư phạm có những hành vi, cử chỉ, cách ăn mặc, nói năng không phù hợp với môi trường sư phạm. Ví dụ như đua đòi theo mốt: ép tóc, nhuộm tóc nửa xanh nửa vàng; son môi, kẻ mắt kiểu Hàn Quốc; mặc quần lửng lên giảng đường... Hiện tượng vắng tục, nói bậy còn nhiều, thậm chí ở cả những sinh viên nữ. Có những hành vi “ yêu nhau thiếu văn hoá ở nơi giảng đường, ghé đá, kí túc xá... Hiện trạng như vậy song không có ai lên tiếng phản đối một cách trực tiếp và gay gắt. Do vậy, những hiện tượng đó sẽ vẫn tồn tại và lan rộng, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sư phạm. Thiết nghĩ, trong thời đại mới cần thay đổi một cách tích

cực để phù hợp với hoàn cảnh và sự tiến bộ, song cần phải giữ gìn những chuẩn mực đạo đức 'truyền thống tốt đẹp của dân tộc' . (Vũ Thị Thanh Châu).

“ Thực trạng môi trường văn hoá giáo dục: Môi trường xã hội thay đổi kéo theo sự biến đổi của môi trường văn hoá giáo dục. Những tác động tích cực làm cho một bộ phận sinh viên ý thức được nhiệm vụ học tập đã trở nên năng động hơn, tích cực hơn trong cuộc sống và say sưa học tập, nghiên cứu. Tuy nhiên, một bộ phận khác có ý thức tu dưỡng kém bị các tác nhân tiêu cực làm biến chất, sống đua đòi, buông thả, thậm chí mắc vào các tệ nạn xã hội như: đua đòi trong tổ chức sinh nhật, yêu theo phong trào, rượu chè, cờ bạc... Những yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường là: sự quản lý chặt chẽ của nhà trường kết hợp với sự quản lý của chính quyền địa phương; sự quan tâm từ phía gia đình; tính tích cực của bản thân sinh viên. Tiêu chí của môi trường lành mạnh gồm: không có sinh viên mắc các tệ nạn xã hội; sinh viên có hiểu biết về pháp luật, chủ trương của Đảng, Nhà nước; kết quả học tập đạt khá trở lên; lối sống giản dị, trong sáng, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và học tập” . (Đặng Hiền)

“ Môi trường sống của sinh viên nội trú rất phức tạp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Nhìn chung, đây là một môi trường tốt giúp sinh viên bồi dưỡng tinh thần tập thể và học hỏi nhau được nhiều kinh nghiệm, trao đổi với nhau trong học tập nghiên cứu. Tuy nhiên môi trường kí túc xá còn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực như: Thời gian tự học của sinh viên bịganggu nhiễu bởi tiếng ồn của những quán Karaoke quanh khu vực kí túc xá thường xuyên hoạt động suốt ngày đêm; bởi bạn của những người cùng phòng. An ninh trật tự cũng không được đảm bảo: Những phần tử xấu ở ngoài vào gây sự, quấy rối, trộm cắp tài sản của sinh

viên. Hiện tượng mất đoàn kết giữa các thành viên trong phòng, thậm chí lấy trộm tài sản của nhau vẫn còn. Hiện tượng đánh đề, cờ bạc, vắng tục trong sinh viên vẫn còn nhiều, đặc biệt phổ biến ở các sinh viên nam” . (*Nguyễn Thị Tuyết Mai*)

“ Thực trạng sinh viên ngày nay có rất nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin, tiếp cận các nền văn hoá trên thế giới, cũng như có điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ hơn. Mặc dù vậy, bên

cạnh phần lớn sinh viên có lối sống lành mạnh, tích cực trong học tập và nghiên cứu khoa học, năng động sáng tạo trong cuộc sống vẫn còn không ít sinh viên đua đòi, ăn chơi, sa ngã vào các tệ nạn xã hội. Nguyên nhân trước hết là do chính bản thân sinh viên có suy nghĩ lệch lạc, có lập trường tư tưởng không vững vàng, thiếu ý chí... do gia đình của các sinh viên này chỉ quan tâm đáp ứng đầy đủ nhu cầu vật chất của con cái, không quan tâm hoặc rất ít quan tâm tới việc học tập và những mối quan hệ của con cái, trong đó có nguyên do là gia đình ở xa. Môi trường có nhiều hiện tượng tiêu cực và những tác động xấu. Do kỷ luật của nhà trường lỏng lẻo (tại sao không làm nghiêm như các trường trong lĩnh vực quân sự, công an... trong khi đó công việc đào tạo một những người giáo viên” người kỹ sư tâm hồn” là quan trọng biết nhường nào!). Mối quan hệ thầy trò nhìn chung vẫn tốt đẹp, song có không ít thầy cô làm mai một niềm tin, tình cảm trong sinh viên, làm cho mối quan hệ ngày càng xấu. Ví dụ như có những hiện tượng thương mại hoá trong quan hệ thầy trò, vấn đề phẩm chất nhân cách của thầy cô giáo...” . (*Hoàng Chí Công*)

- “ Môi trường văn hoá giáo dục trong sinh viên được biểu hiện ở hoạt động học tập của sinh viên; trong các mối

quan hệ đa dạng, trong giao tiếp, ứng xử của sinh viên. Đối với hoạt động học tập của sinh viên: nhìn chung sinh viên đã xác định được động cơ, thái độ học tập đúng đắn. Sinh viên ngày càng tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, năng động trong cuộc sống. Tuy nhiên, vẫn còn không ít sinh viên lười học, lười động não, gian lận trong thi cử, “mua điểm”. Trong các mối quan hệ, phần lớn sinh viên có lối sống giản dị, khiêm tốn, rộng lượng, vị tha, đoàn kết giúp đỡ nhau, tôn trọng thầy cô giáo. Song, bên cạnh đó cũng còn một số sinh viên có lối sống thực dụng, cá nhân... Yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là xây dựng lối sống văn hoá lành mạnh trong sinh viên, có các mục tiêu, tiêu chí đánh giá, đầu tư nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục” . (Trần Thuỳ Linh)

“ Hiện trạng của việc tiếp nhận môi trường văn hoá giáo dục trong sinh viên sư phạm. Ở nhóm sinh viên có hoàn cảnh xuất thân từ nông thôn, sinh viên là con em các dân tộc ít người: Nhóm này thường có ý thức và thái độ trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc (thích ăn mặc kín đáo, gọn gàng, tiện lợi; yêu thích dân ca, nhạc cách mạng; thích vẻ đẹp tự nhiên). Đồng thời họ cũng biết tiếp thu những giá trị mới phù hợp với thời đại như thích những một quần áo phù hợp với tác phong công nghiệp nhưng lại kín đáo, lịch sự; thích những bài hát ngợi ca quê hương, đất nước, ngợi ca tình yêu đôi lứa mượt mà, êm dịu và sâu lắng; hứng thú đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động chính trị... Tuy nhiên, nhóm này thường chịu ảnh hưởng của nếp sống nông nghiệp nên lề mề, tiếp thu chậm chạp và thích ứng kém hơn so với con em các gia đình trí thức và con em những gia đình sống ở thành phố. Một bộ phận nhỏ trong nhóm này có ý thức đấu tranh, động cơ kém nên bị cảm dỗ và sa ngã trước cuộc sống nơi đô thị. Nhóm sinh

viên có điều kiện gia đình khá giả, gia đình sống ở thành phố, con em những gia đình trí thức: ở nhóm này thường có nhận thức nhanh nhạy và năng động trong cuộc sống. Phần lớn họ có nghị lực và biết cách tiếp cận những tri thức hiện đại để trang bị cho mình. Bên cạnh đó còn có những sinh viên có ý thức tu dưỡng kém nên bị những thói hư, tật xấu của những phần tử ngoài trường lôi cuốn” . (Hà Thị Hạnh)

“ Thực trạng môi trường nội trú ở kí túc xá được xem là ngôi nhà thứ hai của sinh viên, ở kí túc xá mọi người được đảm bảo về an ninh, được học hỏi lẫn nhau. Kí túc xá còn là nơi bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, tình thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, ở kí túc xá cũng có những hạn chế nhất định như cuộc sống ồn ào, giờ tự học bị ảnh hưởng bởi khách của người cùng phòng, nhiều khi được lòng người này mất lòng người kia... rồi hiện tượng thiếu nước sinh hoạt cũng thường xuyên xảy ra. Cuộc sống của sinh viên ngoại trú có một môi trường thoải mái, tự do hơn sinh viên nội trú nhưng lại vấp phải vấn đề an ninh trật tự rất khó khăn; không tiện cho việc lên giảng đường, thư viện để học; khó khăn trong việc trao đổi kiến thức, kinh nghiệm với bạn bè. Do sự quản lí của khu trọ lỏng lẻo nên dễ bị lôi cuốn của những phần tử bên ngoài, dễ bị cám dỗ nếu không làm chủ được bản thân. Môi trường văn hoá giáo dục bên ngoài có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống sinh viên, ảnh hưởng đến cách ăn mặc, nói năng và các quan hệ giao tiếp. Đã có không ít sinh viên nữ vì quá ham chơi mà đánh mất đi nét đẹp của người con gái. Ví dụ như đua nhau nhuộm tóc, đua đòi theo mốt... Nhiều sinh viên nam rơi vào tình trạng chán học, la cà quán xá, uống rượu, gây gổ đánh nhau.... Các yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là sự lành mạnh của những mối quan hệ; định hướng của cá nhân; mức độ nhận thức của

sinh viên về những tiêu chuẩn của cuộc sống, về quyền và nghĩa vụ của bản thân. Tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh trong sinh viên gồm sinh viên nhiệt tình, năng động trong cuộc sống; sinh viên có thái độ và hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức và những giá trị văn hoá; sinh viên có tinh thần đoàn kết, biết bảo vệ nhau trong cuộc sống, biết yêu thương, chia sẻ với mọi người; biết giữ gìn những mối quan hệ tốt đẹp; sinh viên có ý chí vươn lên, khẳng định mình trong học tập, trong cuộc sống, có định hướng đúng đắn” . *(Tác giả không nêu tên)*

- “ Môi trường văn hoá giáo dục là một hệ thống các giá trị truyền thống và thẩm mỹ phản ánh một cách sống động và toàn diện mọi mặt của cuộc sống sinh viên. Thực trạng môi trường văn hoá giáo dục của sinh viên mà chúng ta đang sống là một môi trường ổn định và văn minh. Kí túc xá là một môi trường văn hoá. Nó chứa đựng nhiều giá trị văn hoá của các vùng miền khác nhau được sinh viên mang về và được hoà trong những giá trị chung thống nhất. Ở đây họ sửa cho nhau những câu nói ngọng, những từ bản địa, trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Tuy nhiên, cuộc sống tập thể bao giờ cũng phức tạp và thường xảy ra những va chạm nhỏ. Môi trường sống của sinh viên hiện nay chứa đựng cả những điều tốt và điều xấu Yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong đó yếu tố giáo dục là yếu tố quan trọng nhất. Tiếp đó là ý thức cá nhân, ý thức cộng đồng, nội quy của nhà trường. Tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh trong đó biểu hiện ở tác phong, cử chỉ, cách ăn mặc, nói năng của sinh viên phải lịch sự; sinh viên phải ý thức sâu sắc được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường sinh thái; sinh viên sống đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau” . *(Vũ Thị Giang)*

- “ Phần lớn sinh viên có lối sống năng động, hoà nhập

với xu thế phát triển của thế giới, thích tự lập, ham học hỏi, có tác phong công nghiệp. Phần đông sinh viên đã thích ứng, bắt nhịp ở một chừng mực nào đó sao cho phù hợp với bản thân và hoàn cảnh nơi mình sống nhưng nhìn chung mới chỉ là sự thích ứng. Mặt hạn chế là một bộ phận sinh viên chạy theo lối sống gấp, sống hưởng thụ, ăn chơi đua đòi, sống thử, ưa bạo lực, a dua học đòi... đánh mất những giá trị bản sắc. *Du luận về sinh viên sư phạm về vấn đề nạo hút thai trong giới nữ sinh viên sư phạm... Những yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục, đó là sự đầu tư và quan tâm thích đáng của Đảng và Nhà nước cho văn hoá giáo dục; môi trường văn hoá giáo dục trong mỗi gia đình; tính tích cực, tứ giác của sinh viên; chất lượng các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; các mối quan hệ bạn bè của sinh viên”*. (Nguyễn Thị Hải Lý)

- “ Nhìn chung sinh viên sư phạm có tâm hồn trong sáng, giàu lý tưởng, ước mơ và hoài bão, tràn đầy nhiệt huyết. Họ có lối sống giản dị, ngăn nắp, khoa học, đoàn kết, yêu thương giúp đỡ bạn bè, kính trọng thầy cô, ăn mặc gọn gàng, sạch đẹp, nói năng dịu dàng, lịch sự. Mặt hạn chế ở một bộ phận sinh viên làm ảnh hưởng đến môi trường sư phạm là những lời nói tục, ăn mặc lố lăng; lối sống bừa bãi, thiếu nghiêm túc, không lành mạnh; trong quan hệ với bạn bè thì lợi dụng, trong quan hệ với thầy cô thì không kính trọng hoặc lợi dụng nhờ vả, xin điểm. Một số thầy cô đánh mất phẩm giá của mình để nhận những đồng tiền không chính đáng của sinh viên. Những yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là ý thức của cá nhân; lý tưởng và nghị lực của mỗi cá nhân; chất lượng hoạt động dạy học và giáo dục. Tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh gồm: mọi người đoàn kết,

thương yêu giúp đỡ nhau; tinh thần tập thể cao, một người vì mọi người; tăng cường công tác quản lý sinh viên; có lối sống văn hoá; sinh viên luôn kính trọng thầy cô và người lớn; sinh viên có lý tưởng, hoài bão và nghị lực trong học tập, coi trọng tu dưỡng đạo đức., (*Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh*

- “ Thực trạng đời sống sinh hoạt của sinh viên: Nhìn chung sinh viên sinh hoạt không theo giờ giấc, không khoa học (thức khuya đến 2-3 giờ sáng, dậy muộn 9 giờ sáng); không gọn gàng ngăn nắp; ồn ào do nhạc. Nhìn chung số tiền trung bình do gia đình chu cấp cho sinh viên sinh hoạt và học tập khoảng 400 - 500. 000đ/tháng (*số liệu năm 2004*). Với số tiền này đối với sinh viên nữ thì tương đối đầy đủ, song đối với những sinh viên nam thì phần nhiều là không đủ do những nguyên nhân sau: chưa biết chi tiêu trong sinh hoạt; tổ chức rượu chè, hay mua sắm; khoản chi cho “ tình phí” ; các nguyên nhân khác. Lối sống của sinh viên nhìn chung do ảnh hưởng của phim ảnh, đặc biệt là phim Hàn Quốc, với những cuộc tình đắm lệt, những kiểu tóc, trang phục, đi đứng, cách nói cũng rất “ Hàn Quốc” . Những yếu tố quyết định đến việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục là: sự quản lý của địa phương (giờ giấc, nếp sống của sinh viên); sự quản lý của nhà trường, của thầy cô giáo (thường xuyên kiểm tra trên lớp, định kỳ thăm hỏi học sinh, biết chỗ ở của học sinh); sự quan tâm, thăm hỏi của bạn bè; ý thức của cá nhân; nhận thức, thái độ và nếp sống của sinh viên. Tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh gồm: sinh viên phải học tập tét; trong sinh viên không có các tệ nạn xã hội; sinh viên lễ phép với thầy cô giáo và người lớn; sinh viên chấp hành tốt các nội quy, quy chế của nhà trường (sinh viên không vi phạm quy chế thi...); sinh viên đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, lịch sự trong các mối quan hệ, trong giao tiếp (không nói tục, ăn

mặt kín đáo, lịch sự” .(Phạm Thành Khánh)

Môi trường văn hoá là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành và lưu truyền, phát triển thông qua các loại hình hoạt động và giao lưu của con người, ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình hình thành và phát triển nhân cách của con người. Môi trường văn hoá giáo dục bao gồm lối sống, phong tục tập quán, ngôn ngữ giao tiếp, các giá trị văn hoá vật chất, các giá trị nghệ thuật... Đồng thời nó còn bao gồm cả thể giới quan, nhân sinh quan của mỗi người, của cộng đồng người trong môi trường đó và những đặc điểm tâm lý nổi trội của dân tộc, của cộng đồng địa phương tồn tại và ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình sống và phát triển của mỗi cá nhân.

Những ý kiến trên đây tuy còn cảm tính, tản mạn nhưng cũng đã bộc lộ những suy nghĩ chân thực, trách nhiệm của sinh viên trước những vấn đề của chính họ. Dưới đây là một ý kiến của giảng viên: “ Chúng ta đều biết rằng, trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách thì môi trường văn hoá luôn luôn giữ một vai trò vô cùng quan trọng, nó góp phần tạo nên mục đích, động cơ, lối sống, nó cung cấp những phương tiện và điều kiện hoạt động cho con người để con người tự hoàn thiện và phát triển nhân cách của mình nhằm đạt được mục đích theo yêu cầu của xã hội trong mỗi giai đoạn phát triển. Chính vì vậy mà nghị quyết TW2 và nghị quyết TW5 đã đề ra là cần thiết xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong các đơn vị cơ sở. Điều này nói lên xây dựng môi trường văn hoá nói chung và xây dựng môi trường văn hoá giáo dục nói riêng trong trường học có một ý nghĩa rất quan trọng, nó là một trong những yếu tố quyết định góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Trong thực tế, môi trường văn hoá không tồn tại độc lập mà nó luôn luôn chịu sự chi phối của môi trường xã hội. Môi trường xã hội lại có môi trường tốt và môi trường xấu. Môi trường xã hội tốt đó là những giá trị vật chất, văn hoá, đạo đức tinh thần... có ý nghĩa tích cực ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân. Môi trường xã hội xấu là các tàn dư xấu của xã hội, những phong tục tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội, những hiện tượng suy đồi về đạo đức của một số người có nguy cơ lan rộng và xâm nhập vào môi trường văn hoá giáo dục, nó ảnh hưởng trực tiếp tới thế hệ trẻ từng ngày, từng giờ, nó cản trở lại những tác động giáo dục có mục đích, có kế hoạch, có nội dung chương trình của nhà trường và các cơ sở giáo dục. Vì vậy vấn đề đặt ra là phải xây dựng được môi trường văn hoá giáo dục trong các trường học nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách toàn diện.

Trường sư phạm là môi trường đào tạo giáo viên. Vì vậy, xây dựng môi trường văn hoá trong giáo dục sinh viên là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cấp bách trong trong điều kiện và hoàn cảnh hiện nay nhằm vô hiệu hoá những ảnh hưởng xấu của môi trường xã hội, phát huy những ảnh hưởng tích cực của môi trường văn hoá nhà trường nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách người thầy giáo tương lai, đáp ứng được những yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội.

Để xây dựng môi trường văn hoá giáo dục trong nhà trường sư phạm, theo chúng tôi cần làm tốt những điểm sau đây:

Bản thân mỗi thầy cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng về năng lực về phẩm chất, về đạo đức và lối sống để sinh viên học tập và noi theo, bởi vì nhân cách người thầy

giáo có vai trò rất quan trọng trong quá trình giáo dục sinh viên. Phạm vi ảnh hưởng của người thầy lan toả rất mạnh, rất có tác dụng cả tích cực và tiêu cực trong công tác giáo dục.

Cần phải xây dựng một khu ký túc xá tập trung cho sinh viên, hạn chế tới mức thấp nhất sinh viên ở ngoại trú nhằm xây dựng lối sống tập thể, lối sống vì cộng đồng, lối sống hoà nhập, hợp tác cho sinh viên.

Xây dựng một môi trường xanh, sạch, đẹp trong nhà trường thông qua việc phát huy vai trò tự quản của đoàn thành niên, hội sinh viên.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho trường học, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy vai trò tự học, tự nghiên cứu của sinh viên nhằm hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, năng lực tự hoàn thiện cho sinh viên...

- Cải tiến công tác đánh giá trong nhà trường nhằm nâng cao tinh thần, ý thức, thái độ học tập tích cực cho sinh viên, xây dựng cho sinh viên lối sống cần cù chịu khó, trung thực, nghiêm túc trong lao động trí óc...

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho sinh viên với những mục đích, ý nghĩa giáo dục khác nhau, nhằm tạo ra các mối quan hệ nhiều mặt cho sinh viên giúp họ tự hoàn thiện và phát triển nhân cách của mình.

- Phòng công tác chính trị - học sinh, sinh viên, các cán bộ quản lý sinh viên của các khoa cần tăng cường việc tuyên truyền và giáo dục về lối sống cho sinh viên bằng nhiều hình thức thông qua các con đường dạy học, vui chơi, văn hoá, văn nghệ, thi tìm hiểu... một cách thiết thực, tránh phô trương hình thức.

Các cấp quản lý sinh viên cần tạo dư luận trong nhà

trường và xã hội để sinh viên tự kiểm tra lối sống và cách ứng xử của họ cho phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Tăng cường mối quan hệ với gia đình sinh viên và cộng đồng để giáo dục sinh viên.

- Môi trường văn hoá giáo dục bao gồm các yếu tố vật chất và tinh thần Nó có quan hệ mật thiết với môi trường xã hội và nó ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình hình thành và phát triển nhân cách của sinh viên. Vì vậy xây dựng môi trường văn hoá giáo dục trong nhà trường sư phạm phải trở thành một nội dung giáo dục thường xuyên và lâu dài trong nhà trường” . (ý kiến của tác giả Nguyễn Thị Tính - Khoa Tâm lí - Giáo dục, trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Thái Nguyên).

Kết quả khảo sát từ các giảng viên và sinh viên đã cho thấy các vấn đề sau đây cần phải quan tâm:

Nhận thức của giảng viên và sinh viên đã thống nhất cao về tiêu chí cơ bản của môi trường sư phạm, đó là: Điều kiện sinh thái tốt, môi trường cảnh quan đẹp, khí hậu trong lành, không có tiếng ồn. Vị trí cấu trúc hợp lí của các công trình như: giảng đường, kí túc xá, các cơ sở phục vụ khác đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu. Hệ thống thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học đảm bảo. Cơ sở vật chất có hiệu quả sử dụng cao so với mục tiêu đề ra. Đạt tiêu chuẩn so với tiêu chuẩn môi trường “ xanh, sạch, đẹp” . Quan hệ giữa các lực lượng giáo dục, cán bộ giảng dạy, phục vụ với sinh viên là tốt đẹp.

- *Thái độ của giảng viên và sinh viên “ hài lòng “ với một số yếu tố cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục.* Về các nội dung: cảnh quan môi trường hiện tại, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho dạy học và nghiên cứu khoa học, quan hệ giữa cán bộ giảng viên trong trường, quan hệ giữa

cán bộ giáo viên với sinh viên trong lớp và ngoài giờ lên lớp, quan hệ giữa sinh viên với sinh viên. *Chưa hài lòng* (Chiếm khoảng 20 % ý kiến về các yếu tố trên). *Không có ý kiến* (Chiếm khoảng 5 % ý kiến được hỏi).

- *Các hành động với môi trường, cảnh quan nơi công tác*: Tham gia xây dựng cảnh quan cơ sở vật chất, cải tạo môi trường. Bảo vệ cảnh quan xung quanh trường, cơ quan, lớp học, giảng đường. Ngăn chặn hành vi phá hoại cây, bẻ hoa, ngắt lá. Sử dụng hộp lí, tiết kiệm, khoa học các vật liệu, các đồ dùng văn phòng phẩm.

- *Những yêu cầu cơ bản của phong cách sư phạm*: Tiêu chí được đánh giá cao là sự giản dị, trang nhã trong trang phục theo quy định của công chức; phong cách lịch sự trong giao tiếp; ngôn ngữ văn hóa, diễn cảm; tế nhị, lịch sự; tiêu chí được đánh giá thấp: kiểu quần áo, tóc hợp mắt với thời đại.

Ngoài ra, kết quả khảo sát trong các trường sư phạm đã cho thấy còn tồn tại những tác động xấu từ bên ngoài đến môi trường giáo dục sinh viên trong những điều kiện bên trong vốn đã hạn chế. Đó là tiếng ồn, sự đi lại tự do trong trường học; giữ gìn vệ sinh kém, ít cây xanh, các dịch vụ dành cho sinh viên chưa tốt; chưa có môi trường Internet, lớp học chưa đạt tiêu chuẩn cao.

Về điều kiện lớp học theo tiêu chuẩn mới trong tương lai, những yếu tố sau đây cần tập trung đầu tư: Lớp học theo tiêu chuẩn hiện đại có nối mạng Internet đến giảng đường; cần xây dựng thư viện điện tử. Tuy nhiên, theo các chuyên gia giáo dục thì khâu đột phá là phải làm thay đổi cơ bản trong cách dạy của các giảng viên đại học, tiếp đó là sự quan tâm đến các khâu khác như điều kiện thiết bị và phương tiện.

Về điều kiện không gian bên ngoài trường sư phạm, trước mắt cần tập trung giải quyết đưa các quán ăn, giải khát, các dịch vụ khác vào nền nếp, nhằm tạo môi trường lành mạnh và văn minh cho nhà trường. Hiện nay trong các trường, các dịch vụ hầu như chưa đáp ứng nhu cầu của sinh viên, một số trường có nhà ăn cho sinh viên nhưng cũng rất sơ sài. Hầu hết các trường chưa có đủ sân chơi thể thao, bể bơi, nhà văn hóa đúng tiêu chuẩn.

Theo kết quả khảo sát về nhu cầu phát triển môi trường giáo dục tại các cơ sở đào tạo giáo viên (chủ yếu là các trường cao đẳng sư phạm khu vực miền núi có quy mô tuyển sinh hàng năm là 500- 1000 sinh viên), có thể xác định các yêu cầu như sau:

- Về diện tích lớp học, mỗi lớp học cần có đủ phòng học cả ngày, có các phòng học nhỏ để học theo nhóm, thảo luận, xemma...

- Về diện tích thư viện, có chỗ đọc trung bình 500 chỗ và thư viện điện tử.

Thiết bị cho mỗi giảng đường (tương ứng với 1 khoa) có 1-2 máy photcopy, 5-10 máy tính có chứa các dữ liệu giáo trình của giảng viên và tài liệu tham khảo.

- Diện tích nhà điều hành/quản lý cấp khoa!bộ môn: Mỗi khoa có ít nhất từ 3 phòng quản lý chuyên môn (trưởng khoa, giáo vụ, sinh hoạt chung); mỗi bộ môn có 1 phòng riêng (sinh hoạt chuyên môn).

- Sân bãi thể thao: 1 sân bóng đá, 4 sân bóng chuyền, 10 sân cầu lông.

1 bể bơi tiêu chuẩn cấp tỉnh/thành phố.

1 nhà văn hóa đa năng (sức chứa tối thiểu 1000 người).

Từ 100 đến 200 máy tính nối mạng và 1 hệ thống mạng

nội bộ.

Về người quản lí: có từ 10-15 cán bộ chuyên trách về quản lí mạng, văn hóa, thể thao, hoạt động ngoại khóa (trung bình mỗi khoa từ 1- 2 người).

Một vấn đề đáng quan tâm được rút ra từ thực trạng nghiên cứu - giảng dạy trong các cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay là về *nhận thức, lí tưởng của sinh viên có phần giảm sút* từ động cơ phần đầu, ý chí vơi lên và khả năng khắc phục khó khăn của sinh viên chưa cao. Đặc biệt là sự *thiếu nhiệt huyết, thiếu sự say mê với việc học tập -nghiên cứu khoa học của một bộ phận không nhỏ trong sinh viên* đang là nỗi lo thực sự của các nhà giáo dục và của cả xã hội.

Nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo giáo viên khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam cần trang bị cho sinh viên có sức đề kháng tốt trước ảnh hưởng xấu của môi trường, có năng lực tiếp cận nhanh với sự biến đổi phức tạp của hoàn cảnh trong điều kiện phát triển không đều. Đồng thời, xây dựng các mô hình hoạt động có hiệu quả nhằm mục tiêu giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, khẳng định rõ nét hơn về tầm nhìn và sứ mạng của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục của nước nhà. Những kết quả ban đầu nghiên cứu về giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho thế hệ thanh niên đã cho thấy: Trọng tâm là *giáo dục nhân cách văn hóa*, giáo dục những con người cụ thể từ cộng đồng, vì cộng đồng và đại diện cho cộng đồng dân tộc bởi những nét riêng hội tụ trong đó. Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa phi vật thể được coi là chiến lược nhằm thiết lập môi trường văn hóa đặc trưng cho các tộc người. Trong hệ thống các chủ thể giáo dục (cũng đồng thời là đối tượng giáo dục) thì thế hệ thanh niên, sinh viên phải đi đầu.

Chương IV

PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

“ Phát triển nhân văn (human development) là một quá trình mở rộng và tăng cường sự lựa chọn của con người. Những lựa chọn quan trọng nhất là được sống lâu và khoẻ mạnh, được giáo dục và được hưởng một mức sống tương tất. Những sự lựa chọn khác gồm sự tự do về chính trị, tự do nhân quyền và sự tự tin vào bản thân mình” (UNDP, 1990).

Trọng tâm của nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên là hình thành và phát triển các giá trị nhân cách, khuyến khích sinh viên tạo lập một lối sống lành mạnh, tích cực. Cách tiếp cận chú trọng về các nội dung giáo dục là hướng đi đúng hướng của các trường học. Chẳng hạn, các trường sư phạm sẽ không thể giải quyết triệt để và có kết quả ngay các vấn đề về môi trường, dân số, giới tính, sức khoẻ sinh sản vị thành niên hay vấn đề môi trường sinh thái, các vấn đề đạo đức xã hội... trong quá trình đào tạo giáo viên. Điều quan trọng là cần thực hiện các giải pháp giáo dục tổng thể về những vấn đề trên, trong đó cốt lõi là tập trung giáo dục toàn diện nhân cách. Trong khi đó, các quan hệ xã hội phức tạp đã ảnh hưởng theo hai hướng tích cực và tiêu cực đến con người cần được các nhà giáo dục điều chỉnh theo các quy luật đúng đắn của quá trình xã hội hoá con người.

Trong các chương trên, chúng ta đã nghiên cứu để làm sáng tỏ các vấn đề lí luận và thực tiễn của môi trường giáo dục. Đồng thời, đề xuất các biện pháp từ góc độ giáo dục về vấn đề phát triển môi trường văn hoá giáo dục. Xuất

phát từ luận điểm: ở chừng mực nhất định, con người còn tham gia vào cải tạo môi trường và con người muốn kiến tạo một môi trường xã hội định chuẩn thì cần phải có các điều kiện nhất định. Tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đến cá nhân còn tùy thuộc vào quan điểm lập trường, vào xu hướng, năng lực của cá nhân đó.

Để thực hiện tốt các giải pháp phát triển môi trường văn hoá giáo dục, trước hết cần xác lập các tiêu chí (ở các mức độ khác nhau) nhằm tạo điều kiện tốt nhất trong những hoàn cảnh nhất định để phát triển toàn diện con người. Do đó, cần phác thảo các tiêu chuẩn môi trường giáo dục ở các cấp độ môi trường nhỏ đến môi trường lớn. Trước hết, trong môi trường sư phạm, sớm để các giáo sinh sư phạm được thích ứng nghề nghiệp một cách chắc chắn. Sự tự ý thức của chủ thể giáo dục (giảng viên và sinh viên) về việc chủ động tiếp nhận các tác động tốt của môi trường và kiến tạo một môi trường giáo dục lành mạnh là yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ phát triển trong các trường sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Nhà giáo dục học Xô - viết A.I. Piskunov đã nhận định về *nhà trường mới* như sau : “ ... *Nhà trường mới phải tạo ra được một môi trường giáo dục có khả năng bảo đảm sự phát triển của trẻ về các mặt thể lực, trí lực và đạo đức và chuẩn bị cho trẻ bước vào cuộc sống thực tiễn. Kiểu tổ chức tốt nhất của loại môi trường đó... là trường nội trú. Trong môi trường này, sự phát triển thể lực của trẻ được đặc biệt chú ý... là tiền đề thiết yếu để triển khai một cách bình thường các sức mạnh và các năng lực trí tuệ*” . (Dẫn theo Hà Thế Ngữ: *Giáo dục học - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học quốc gia, Hà nội, 2001, tr. 1 95).

Đánh giá chất lượng giáo dục của nước ta hiện nay còn rất nhiều vấn đề đang tranh luận, tuy nhiên theo quan điểm

của khoa học giáo dục hiện đại thì mục tiêu giáo dục nhân cách (chất lượng con người) phải được coi trọng hàng đầu khi xem xét vấn đề chất lượng. Nếu giáo dục chỉ coi trọng tiêu chí điểm số sẽ dẫn đến chất lượng giáo dục giả tạo, kết quả giáo dục chỉ được phản ánh trên các báo cáo và dẫn đến năng lực người học yếu kém, các phẩm chất nhân cách không phát huy được trong hoạt động thực tiễn. Mục tiêu đào tạo trong các trường đại học sư phạm là hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất nhân cách người giáo viên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá. Quá trình đào tạo nghề trong môi trường sư phạm có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành nhân cách nghề nghiệp tương lai của các giáo viên sinh sư phạm. Do đó, xây dựng các tiêu chí và phát triển nó trong môi trường giáo dục có thể được coi là các yêu cầu sư phạm cơ bản để góp phần hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên. Khi tiếp cận vấn đề môi trường giáo dục con người từ góc độ triết học, cần thấm nhuần quan điểm của triết học Mác-lênin, đó là “ *Tính quy luật của xã hội đối với giáo dục sự phụ thuộc của nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục vào các điều kiện vật chất của đời sống, vào tính chất của quan hệ xã hội*” . (Sđd; tr.79). Còn theo tác giả B.T Likhachev thì trong các quy luật chung của giáo dục học, loại quy luật được xem xét trước tiên là loại quy luật xã hội học giáo dục học, hoặc có thể gọi các quy luật giáo dục chịu sự quy định của các quy luật phát triển xã hội.

Trong câu chuyện “ Mạnh mẽ giáo tử” dạy con bằng cách tìm đến chỗ ở tốt hơn để môi trường tốt có tác dụng tích cực đối với giáo dục trẻ. Vấn đề đặt ra ở đây là: Liệu có thể thường xuyên di chuyển con người ra khỏi môi trường xấu để được sống ở môi trường tốt hơn hay không? Điều này chỉ có thể có lợi cho một cá nhân, nhưng khó thực

hiện được liên tục bởi khả năng xuất hiện những yếu tố xấu trong môi trường tét là vẫn có thể xảy ra. Giá trị của câu chuyện này ở chỗ là đánh giá cao vai trò của yếu tố môi trường sống đối với sự hình thành nhân cách con người. Tuy nhiên, có thể nói quan điểm trên đây chỉ thể hiện sự đánh giá, nhận thức đúng về môi trường. Tư duy của khoa học giáo dục hiện đại đòi hỏi phải tiếp cận giải quyết vấn đề theo quan điểm của triết học duy vật biện chứng. Con người còn phải có nhiệm vụ phát triển và cải tạo môi trường, như luận điểm của C.Mác đã xác định: “ *Con người sáng tạo ra hoàn cảnh trong chừng mực hoàn cảnh sáng tạo ra con người*” .

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Nhìn chung, xã hội càng phát triển thì thiết chế môi trường chung đều hướng đến hiện đại, văn minh, dân chủ và tốt đẹp cho con người. Trong các cơ sở đào tạo giáo viên, quá trình xây dựng và phát triển môi trường văn hóa giáo dục cần quan tâm đến các vấn đề có tính nguyên tắc sau đây:

Đảm bảo tính mục tiêu của quá trình giáo dục

Các hoạt động giáo dục trong những điều kiện khác nhau của các cơ sở đào tạo giáo viên đều hướng vào mục tiêu của quá trình giáo dục đó là sự hình thành và phát triển nhân cách chuyên gia sư phạm. Nhận thức đúng về nguyên tắc này đòi hỏi phải có chiến lược phát triển nhà trường đúng hướng trong công tác đào tạo và bồi' dưỡng. Ngay trong quá trình đào tạo giáo viên, cần quan tâm đến nhiệm

vụ giáo dục những nét phẩm chất nhân cách nghề nghiệp quan trọng như: sự trung thực trong học tập, trong các quan hệ, các hành động có động cơ trong sáng, ý chí khắc phục khó khăn, ham học hỏi, có quyết tâm tự học cao, rèn luyện tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng. Mục tiêu cơ bản của nền giáo dục mới là giáo dục toàn diện con người, coi trọng chất lượng giáo dục nhân cách. Nét đặc trưng về năng lực chuyên gia sư phạm trong giai đoạn hiện nay là *năng lực giao tiếp toàn cầu, năng lực thích nghi và ứng phó* trước sự biến đổi liên tục của các vấn đề chuyên môn và xã hội. Những quan điểm tiên bộ về giáo dục đã khẳng định mục tiêu giáo dục nhân cách là trọng tâm của hệ thống giáo dục quốc gia.

Đảm bảo các nguyên tắc giáo dục

Trước hết, các hoạt động phát triển môi trường giáo dục ở các mức độ khác nhau cần phải đảm bảo các nguyên lý chung của giáo dục học. Đó là: “*học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội*”. Đồng thời, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của lý luận dạy học, lý luận giáo dục. Các nguyên tắc giáo dục con người dựa trên nền tảng cơ bản là học đạo lý *làm người* - mục tiêu cao nhất của giáo dục và dựa trên nội dung cơ bản của triết lý nhân văn: *Tất cả cho con người, tất cả vì con người*. Nghiên cứu các điều kiện phục vụ cho con người ở xã hội văn minh, phát triển đã cho thấy các dịch vụ công cần đảm bảo các điều kiện tối ưu cho mọi đối tượng. Như vậy, các hành động, việc làm, các yếu tố điều kiện được huy động để đảm bảo cho nhiệm vụ giáo dục con người theo mục tiêu tốt đẹp đều được thừa nhận và trở thành nguyên tắc của giáo dục học hiện đại.

Đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm

Nguyên tắc này nhằm đảm bảo các biện pháp xây dựng và phát triển môi trường văn hoá giáo dục cần tính toán trong điều kiện chi phí không nhiều, thời gian tiêu phí ít, tiết kiệm nhân lực nhưng kết quả đạt được phải cao. Đây cũng là bài toán khó trong điều kiện hiện nay của các trường sư phạm nói riêng và giáo dục đại học nước ta nói chung. Vấn đề hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm là điểm mấu chốt để phân biệt tính chất định hướng mục tiêu của hệ thống giáo dục với hệ thống phát triển tự nhiên tác động vào con người. Nhờ quá trình giáo dục có mục đích, có nội dung, phương thức và các lực lượng chuyên biệt cho nên giáo dục mới đạt được hiệu quả. Cán làm thay đổi cách nhìn nhận phiến diện hoặc cực đoan về điều kiện để đổ lỗi cho hoàn cảnh, y lại vào các phương tiện, dẫn đến sự trì trệ trong đổi mới phương pháp giáo dục. Đồng thời, khắc phục cách làm duy ý chí, không tính đến điều kiện thực tế của địa phương và đất nước trong tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học ở các cơ sở giáo dục miền núi hiện nay.

Đảm bảo hệ thống giá trị được giữ gìn và phát triển ở đối tượng giáo dục

Nguyên tắc cơ bản của giáo dục học trước hết đòi hỏi các hoạt động giáo dục chứa đựng những giá trị nhân văn, có sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống. Nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục phải đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất để các giá trị truyền thống tốt đẹp được nảy nở, sinh sôi và lan toả. Định hướng cơ bản của khoa học giáo dục hiện đại không phải là ngăn chặn, cấm đoán mà trước hết là gọi mở, phát triển, tạo môi trường tích cực để những giá trị tốt đẹp thăng hoa. Hoạt động sống của mỗi cá nhân là một tác nhân tích cực hoặc tiêu cực đến môi trường hoạt động của những người khác. Do đó, ở mỗi cá nhân nếu được tạo điều kiện để phát triển các giá trị tốt đẹp

sẽ tạo ra sự cộng hưởng của một môi trường sống lành mạnh, có tác dụng tích cực đến đời sống xã hội.

Đảm bảo xây dựng và phát triển phải đi đôi với xoá bỏ, ngăn chặn các tiêu cực ảnh hưởng đến nhà trường sư phạm, trong nhà trường sư phạm

Nguyên tắc này nhằm bảo vệ quan điểm khi giải quyết vấn đề giáo dục phải đảm bảo sự biện chứng giữa *xây* và *chống*, giữa phát triển và ngăn chặn. Giải quyết các mâu thuẫn bên trong và bên ngoài một cách đồng bộ bởi các hệ thống trong và ngoài phải được thiết lập trong một hệ thống lớn hơn. Trong đó, tăng cường khả năng kháng thể của sinh viên trước tác động xấu của môi trường là yếu tố quan trọng và quyết định. Các hoạt động giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên từ nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, hoạt động chuyên môn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... cần phải tạo ra một môi trường tích cực, lành mạnh. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nhà trường với phát triển môi trường kinh tế xã hội địa phương trong việc xây dựng một xã hội học tập, một môi trường sống văn minh.

Đảm bảo các kết quả nghiên cứu về khoa học giáo dục được ứng dụng vào quá trình đào tạo ở các trường sư phạm

Nguyên tắc này nhấn mạnh yêu cầu trong quá trình phát triển môi trường giáo dục cần sử dụng các kết quả nghiên cứu một cách có hiệu quả, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường khoa học hơn, chuẩn mực hơn. Tôn trọng các quy luật giáo dục trong nhiệm vụ phát triển môi trường giáo dục chính là đảm bảo sự phát triển bền vững. Các chủ đề, nội dung nghiên cứu của khoa học giáo dục phải xuất phát từ thực tiễn giáo dục, phục vụ sự nghiệp giáo

dục. Mặt khác, các chính sách, chủ trương của các cấp quản lí giáo dục cần sử dụng kết quả nghiên cứu của khoa học giáo dục, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến giáo dục nhân cách, giáo dục lối sống, xây dựng môi trường giáo dục sinh viên.

Đảm bảo trong các trường sư phạm, vai trò chủ thể của hoạt động phát triển môi trường giáo dục là giảng viên và sinh viên được khẳng định

Đây là nguyên tắc cơ bản khi thiết kế, phát triển môi trường giáo dục. Yếu tố không thể thiếu trong môi trường giáo dục đại học là con người với sự chủ động và tích cực của các chủ thể là giảng viên và sinh viên. Các yếu tố khác có thể chưa đầy đủ, nhưng quan hệ giữa giảng viên và sinh viên trong môi trường giáo dục tốt đẹp sẽ là yếu tố quyết định đến sự tồn tại của môi trường giáo dục trong bất cứ điều kiện xã hội - lịch sử nào. Như vậy, cần có những chính sách để tập trung vào khuyến khích khả năng tự lập, tự chủ, sáng tạo của con người. Đối với các cơ sở đào tạo giáo viên, sinh viên và giảng viên là những thành phần ưu tú của xã hội về khả năng nhận thức, về trình độ và về lối sống, do đó nếu những thành phần này không tự giác tích cực thì sẽ là một cản trở lớn đối với nhiệm vụ phát triển môi trường xã hội.

Đảm bảo quá trình đào tạo phải gắn với sử dụng, gắn với nhiệm vụ thiết lập môi trường làm việc tích cực cho con người

Trên thế giới những năm gần đây, nhiều người có trình độ chuyên môn cao ở Liên xô (cũ), ở châu Á di chuyển đến Mỹ và các quốc gia phát triển. Nguyên nhân cơ bản là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao chỉ có thể phát huy độ trong môi trường công nghệ luôn thay đổi. Nói cách

khác là tại các quốc gia này đang thực hiện chính sách mở cửa thị trường. Ở trong nước, hiện tượng cán bộ khoa học kỹ thuật di chuyển về các vùng phát triển cũng rất phổ biến. Theo tác giả Trần Văn Tùng [13, tr.6] thì: “ ... Muốn có nhiều tài năng cống hiến cho đất nước cần phải mở rộng dân chủ, tạo ra môi trường tự do học thuật để phát triển tài năng... Mỗi loại nhân tài đều có những đặc điểm riêng, và có môi trường hoạt động riêng” . Như vậy, giải pháp nằm ở yếu tố môi trường chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế hay các yếu tố khác. Nghị quyết đại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định rõ: “ Đối với trí thức điều quan trọng nhất là đánh giá đúng đắn năng lực và tạo điều kiện cho các khả năng sáng tạo được sử dụng và phát triển” . Như vậy, môi trường đào tạo, môi trường làm việc sau tốt nghiệp phải được đặt trong một hệ thống nhất quán.

Từ những vấn đề cơ bản trên đây đã định hướng cho nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên để đạt được mục đích đề ra. Xuất phát từ thực tiễn giáo dục đại học, căn cứ vào nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo giáo viên và chức năng giáo dục của xã hội, có thể xác định các nhóm biện pháp sau đây nhằm cải thiện môi trường giáo dục trong điều kiện hiện nay.

II. NHÓM BIỆN PHÁP VỀ CHUYÊN MÔN

1. Tập trung giáo dục nhân cách toàn diện theo mục tiêu giáo dục đại học

Mục tiêu đào tạo của các trường sư phạm là đào tạo giáo viên có những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của *Luật Giáo dục*. Mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách đang đòi hỏi hệ thống giáo dục các cấp phải hoàn thiện các yếu tố như mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp giáo dục... Trong các yếu tố của quá trình giáo dục thì vai trò

của môi trường giáo dục được xác định là quyết định đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Do đó, sự phong phú của yếu tố môi trường giáo dục với các chuẩn mực của nó cùng với sự tác động đúng đắn của các hệ thống môi trường là yếu tố góp phần quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ giáo dục nhân cách toàn diện.

Con người là trung tâm, là chủ thể của hoạt động và giao lưu, sự hình thành và phát triển nhân cách được diễn ra trong và bằng hoạt động. Đối với sinh viên, quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp diễn ra trong các môi trường chủ yếu sau đây: môi trường học tập - nghiên cứu khoa học; môi trường hoạt động chính trị - xã hội môi trường hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao; môi trường hoạt động xã hội khác của sinh viên.

Trong phạm vi hoạt động của sinh viên ở các môi trường khác nhau như vậy, thì vai trò chủ thể, sự năng động sáng tạo và khả năng thích ứng là yếu tố quan trọng. Sự chủ động để làm chủ, để chiếm lĩnh các tác động ảnh hưởng tốt của môi trường và khả năng chống đỡ, khắc phục các tác động xấu của môi trường là yêu cầu quan trọng của phẩm chất nhân cách sinh viên.

Tiếp cận vấn đề từ thực trạng lối sống của sinh viên, tác giả Trần Thị Trâm đã đề xuất các biện pháp: Tuyên truyền để mỗi thành viên trong nhà trường có nhận thức đúng về ý nghĩa to lớn của vấn đề nâng cao nếp sống văn hoá cho sinh viên; nâng cao chất lượng dạy học được coi là giải pháp hàng đầu; tạo môi trường văn hoá lành mạnh; thu hút sinh viên vào các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh [Sdd]. Những giải pháp này đang cần được triển khai thành những cách làm cụ thể trong các trường sư phạm. Các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học cũng đã xác

định vấn đề trọng tâm, cơ bản của quá trình hình thành và phát triển nhân cách cần phải bắt đầu từ giáo dục nếp sống, lối sống cho con người.

Một vấn đề cần đặt ra trong quá trình đánh giá sinh viên là thông thường chúng ta quan tâm nhiều hơn đến kết quả học tập của họ, xếp loại năng lực thông qua tiêu chuẩn điểm số. Đây là những tiêu chí rất quan trọng, cùng với tiêu chí về rèn luyện (gồm các nội dung cơ bản về phẩm chất, thái độ, tư cách đạo đức sinh viên...) đã trở thành quen thuộc để đánh giá và cấp bằng tốt nghiệp đại học. Trong đó, các tiêu chuẩn cơ bản để cấu thành nhân cách toàn diện giáo sinh sư phạm là năng lực sáng tạo, sự chủ động và những phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo dục tương lai vẫn được đánh giá theo cách cũ. Trên thực tế, số sinh viên ra trường có được phẩm chất và năng lực để làm việc có hiệu quả chưa nhiều, điều này cũng đặt ra việc đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện nhân cách trong các trường sư phạm còn nhiều vấn đề cần phải điều chỉnh. Quan điểm đánh giá *theo quá trình* đào tạo được nhiều nhà giáo dục chấp nhận. Các chuyên gia giáo dục quốc tế cũng khuyến nghị các cơ sở đào tạo phải coi trọng việc *giữ liên hệ thường xuyên với sinh viên đã tốt nghiệp* và đây là một việc làm rất quan trọng để đổi mới nội dung, phương thức đào tạo.

Môi trường thực hành nghề nghiệp như: kiến tập, thực tập sư phạm ở trường phổ thông, hoạt động giáo dục trong trường thực hành... trong quá trình đào tạo giáo viên có tác dụng tích cực để sinh viên thể nghiệm những khả năng của mình. Tại những môi trường giáo dục này, mặc dù với các tiêu chuẩn, các điều kiện rất khác nhau, nhưng đã tạo nên một môi trường lí tưởng cho sinh viên được thể nghiệm cũng như nếm trải những yếu tố tích cực và hạn chế của

môi trường. Cũng từ đây, lòng yêu nghề được hình thành và được củng cố vững chắc, các phẩm chất tâm lí như: khả năng kiên trì, ý chí quyết tâm và các phẩm chất khác của sinh viên sẽ được thể hiện đầy đủ nhất. Về phương diện dạy học, nếu nhằm mục tiêu trang bị *kiến thức* và hình thành *kỹ năng* cho người học thì ở các điều kiện môi trường khác có thể đạt được, nhưng để hình thành *thái độ, tình cảm và niềm tin* đúng đắn cho người học thì chỉ có thể ở trong một môi trường giáo dục nhất định.

2. Bước đầu xác lập các tiêu chí của môi trường văn hoá giáo dục

Đây là một nhiệm vụ rất phức tạp bởi các chuẩn mực đạo đức xã hội luôn biến đổi do tính chất lịch sử - xã hội của nó.: Hiện nay, khoa học giáo dục còn đang tìm tòi các tiêu chí để đánh giá những kết quả định tính về mặt dạy học (mặc dầu sự đánh giá về khối lượng tri thức khoa học, mức độ hiểu khái niệm... có thể lượng hoá được), nhưng về giá trị và các chuẩn mực giáo dục thì khó có thể lượng hoá bằng các tiêu chí định lượng. Đặc biệt là trong sự tương tác giữa con người với môi trường thì tiêu chí đánh giá quan hệ này lại càng khó xác định một cách đầy đủ và ổn định.

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo nhân cách chuyên gia sư phạm, theo các tiêu chuẩn của *Điều lệ trường đại học* và *10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học*, có thể tập trung quan tâm vào các vấn đề sau đây:

Tính mục đích của các hoạt động trong trường sư phạm. Tiêu chí này nhằm xác định các hoạt động trọng tâm và loại bỏ các hoạt động làm ảnh hưởng xấu hoặc bất chấp các yếu tố điều kiện thực tế của môi trường văn hóa giáo dục.

- *Tính kế hoạch* đảm bảo các hoạt động trong môi trường sư phạm phải được kiểm soát, được quản lí, do các cấp phê

duyệt và có điều chỉnh.

- *Tính phù hợp* với thực tiễn truyền thống văn hoá, lối sống, lứa tuổi nghề nghiệp... của đối tượng, đảm bảo hiệu quả của các hoạt động, thích hợp với điều kiện hiện có của nhà trường và phù hợp với kinh nghiệm sẵn có của đối tượng.

- *Tính nhân văn sâu sắc* đảm bảo các hoạt động (dù chính thức hay không chính thức) trong phạm vi môi trường nào cũng hướng đến nhiệm vụ giáo dục con người.

- *Tính pháp lí* đảm bảo kỉ cương nề nếp trong các hoạt động và trong môi trường pháp lí, người học được phát triển năng lực mới. Căn cứ vào các vấn đề chung trên đây, cần xác lập các tiêu chí cụ thể ở mỗi phạm vi môi trường. Ở phương diện khoa học, các tiêu

chí phải được xác lập dựa trên các kết quả nghiên cứu cụ thể. Ví dụ, muốn đánh giá đúng tiêu chí về *nhu cầu không khí* của con người (theo số liệu *Báo Khoa học và Đời sống*, số 41, 10/1996) thì định lượng như sau: “ *Hàng ngày chúng ta ăn khoảng 1, 5 kg thực phẩm, uống khoảng 2 kg nước, thở vào khoảng 12.000 lít không khí... không khí thiên nhiên tinh khiết nhất vốn đã là hỗn hợp... 21% ôxi, 78% nơ, 0,9 khí trơ, hơi nước và carbonic là 0,03%. Mọi sự thay đổi số lượng và thành phần của không khí đều do ô nhiễm môi trường* ”. Như vậy, nhiệm vụ xác định các tiêu chí cụ thể của yếu tố môi trường đòi hỏi phải xây dựng chuẩn chính xác, tuy nhiên cần phải nghiên cứu hoàn thiện, đặc biệt, trong việc xây dựng tiêu chí môi trường xã hội, môi trường hoạt động của con người thì việc xác định các tiêu chuẩn cụ thể lại càng phức tạp và khó khăn. Tuy chưa có đủ các căn cứ khoa học nhưng bước đầu có thể phác thảo một số tiêu chí cơ bản sau đây cho các cấp độ môi

trường giáo dục, trước mắt gồm tiêu chí giá trị và tiêu chí vật chất: Môi trường học tập

Tiêu chí giá trị chủ yếu là *sự tự giác của người học cao, tính tích cực của sinh viên được nâng lên, các bài tập tự học được hoàn thành, lớp học sôi động hưng phấn, tần số giao tiếp của giáo viên và sinh viên được tăng cường...*

Tiêu chí cơ sở vật chất gồm: *không gian trong lớp học đa dạng và phong phú, bàn ghế cơ động, các phương tiện như bảng, tranh ảnh, học liệu đảm bảo, Internet và các phương tiện máy tính, máy chiếu... hoạt động tốt. Các tài liệu học tập được cung cấp theo yêu cầu của học tập ở đại học, đặc biệt là nhiệm vụ hoàn thiện đề cương bài giảng của giảng viên.*

Phát triển môi trường học tập, về cơ bản là tạo điều kiện cho sinh viên tự học. Trong đó quan hệ giữa hoạt động dạy học trên lớp và hoạt động tự học phải được xem xét một cách có hệ thống. Năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động và khoa học là yêu cầu cao đối với sinh viên, là sản phẩm phải được tạo ra và định hình ở nhân cách sinh viên. Tiêu chuẩn năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên ngày càng được các nhà khoa học, các nhà giáo dục, các nhà tuyển dụng chấp nhận.

Môi trường giáo dục (dạy học)

- Tiêu chí giá trị cơ bản là: *khả năng hợp tác trong lớp học, các nhóm học tập được tăng cường, phạm vi giao tiếp của sinh viên với giảng viên tăng lên ở trên lớp và ngoài giờ lên lớp, sinh viên làm việc theo kế hoạch tại thư viện và giảng đường, các hoạt động của sinh viên được đánh giá, giảng viên đại học có đầy đủ kế hoạch giảng dạy (lý thuyết và thực hành), sinh viên được phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu khoa học được phát triển.*

- Tiêu chí cơ sở vật chất gồm: *không gian tập học được mở rộng tại giảng đường, thư viện, ngoài trời, các phương tiện dạy học đầy đủ các kĩ thuật đánh giá được sử dụng đúng.* [xem thêm tài liệu tham khảo 1 1].

Phát triển môi trường dạy học đòi hỏi chủ thể sinh viên phải tự giác và tích cực cao độ. Các yếu tố nội dung, phương pháp, đánh giá... được xem xét thường xuyên về tính mới mẻ, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng của nó trong hoạt động thực tiễn của sản phẩm đào tạo Các mô hình dạy học mới được áp dụng thường xuyên và được khuyến khích như: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, thảo luận nêu vấn đề, semina... Các phương tiện được sử dụng tối đa, có hiệu quả để nâng cao năng suất và chất lượng dạy học. Môi trường văn hoá giáo dục

- Tiêu chí giá trị cơ bản là: *an toàn, trong lành về không khí, vệ sinh, các hoạt động có mục tiêu xác định, có nội dung và chương trình hành động, có các lực lượng phối hợp, có các cá nhân tiêu biểu, có dư luận lành mạnh và tích cực, có các hoạt động được khen thưởng, biểu dương, có tinh thần dân chủ cao; không có các biểu hiện tiêu cực của cá nhân vi phạm ở mức độ phổ biến; hàng năm có kiểm điểm đánh giá và tổng kết hoạt động. Quan hệ giữa người dạy và người học trong sáng, không vụ lợi; các yếu tố trong trường học là điển hình và có thể làm mẫu cho các môi trường khác xung quanh.*

- Tiêu chí cơ sở vật chất gồm: *có hệ thống giảng đường, lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm, kí túc xá đủ tiêu chuẩn; nhà sinh hoạt của sinh viên về văn hoá, văn nghệ; có không gian dành cho thể thao; có hệ thống quản lí trong trường và ngoài trường, có người tham gia làm nhiệm vụ quản lí chuyên biệt về công tác văn hoá, giáo dục; có đầy*

đủ các phương tiện dạy học và hệ thống phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

Phát triển môi trường văn hoá giáo dục là thiết lập một hệ thống các chuẩn mực của nhà trường, xã hội, gia đình trong thực tiễn đã được thống nhất cao. Các giá trị của mỗi nhân cách và cộng đồng đều có tiêu chuẩn chung phù hợp, được chấp nhận một cách tự giác. Không có ranh giới rõ rệt giữa môi trường giáo dục và môi trường văn hoá bởi các yêu cầu của giáo dục cũng chính là các giá trị văn hoá cần bảo tồn và phát triển đối với mỗi cá nhân và cộng đồng. Vai trò dẫn đường và làm mẫu của nhà trường được coi là yếu tố trọng tâm và đang lan tỏa đối với phát triển môi trường xung quanh.

Môi trường kinh tế xã hội

Tiêu chí giá trị cơ bản là: *Xã hội lành mạnh, có độ an toàn cao, an ninh đảm bảo; tăng trưởng kinh tế bền vững, chỉ tiêu phát triển người HDI (Human Deve/opment Index) cao, thu nhập bình quân đầu người tăng lên, xã hội dân chủ, khả năng hợp tác cao giữa các ngành trong và ngoài nước, xã hội có chiến lược trung hạn và dài hạn.*

- Tiêu chí cơ sở vật chất gồm: *Hệ thống trường đạt học được xác định trong hệ thống phát triển chiến lược của quốc dân; kinh phí được cung cấp theo dự toán và đa dạng hóa các nguồn; các*

dịch vụ xã hội được đảm bảo; tỉ lệ thất học giảm, tỉ lệ người lao động đã qua đào tạo đã tăng lên; môi trường pháp luật được đảm bảo; hệ thống giao thông, viễn thông được đảm bảo thông suốt; các đảm bảo về nhà ở, y tế, giáo dục đối với cộng đồng dân cư được đảm bảo theo mức trung bình của khu vực.

Phát triển môi trường kinh tế xã hội là một quá trình lâu

dài.

Mục tiêu phấn đấu của nước ta là” dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đang đòi hỏi toàn xã hội dốc sức vào sự nghiệp chung. Quan hệ giữa môi trường kinh tế - xã hội với giáo dục được gắn chặt, biện chứng và có tác động ảnh hưởng tích cực lẫn nhau. Sự phát triển hệ thống giáo dục đại học là nhu cầu tất yếu của phát triển xã hội, phát triển kinh tế, phát triển giáo dục là hạt nhân của quá trình phát triển xã hội với tính chất xã hội hóa ngày càng cao.

Môi trường quốc tế

- Tiêu chí giá trị cơ bản là: *có uy tín đối với khu vực và thế' giới, chương trình giáo dục và nhân lực đã được thế giới công nhận; có thể tiếp nhận sinh viên quốc tế' trong đào tạo; đội ngũ giảng viên dùng chung trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các nước trong khu vực.*

Tiêu chí cơ sở vật chất gồm: *Các phòng tiện dạy học, nghiên cứu được trang bị hiện đại so với tiêu chuẩn thế giới, có sự liên thông toàn hệ thống giữa các khu vực, môi trường nghiên cứu tối ưu không gian mở, các tiêu chuẩn được thế giới cũng nhận.* (Những nội dung gợi ý trên đây là đề xuất bao(đầu, chưa hoàn chỉnh và cần có những nghiên cứu sâu thêm về các tiêu chuẩn môi trường giáo dục).

Trong các phạm vi môi trường giáo dục như đã nêu ở trên, *quan hệ chủ đạo* để xây dựng và phát triển môi trường là quan hệ giữa *người giáo dục với người được giáo dục.* Nếu quan hệ này phát triển tốt, các chủ thể đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về năng

lực phẩm chất và lối sống thì sẽ tạo nền móng chắc chắn cho việc xây dựng môi trường văn hoá giáo dục lành mạnh.

Theo đó, các giá trị văn hoá, giáo dục cốt lõi cần hình thành và phát triển ở 2 đối tượng này là:

+ *Với người học*: sự trung thực, thái độ tích cực trong học tập, có năng lực sáng tạo, có kỉ luật học tập, có khả năng hợp tác, có ý thức giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá cộng đồng và giá trị nghề nghiệp... Kết quả giáo dục phản ánh ở bộ mặt nhân cách được giáo dục.

+ *Với người dạy*: sự công bằng, khách quan trong dạy học, sáng tạo trong cách dạy, có kĩ năng giáo dục nghề nghiệp tốt, có uy tín và ảnh hưởng tốt đối với người học, có trách nhiệm trong việc tạo lập môi trường giáo dục, có đủ các tiêu chuẩn của một nhân cách có văn hoá. Vai trò ảnh hưởng và dẫn đường của nhà giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt đối với chất lượng giáo dục.

Để phát triển tốt quan hệ trên đây *cần* có vai trò quan trọng của nhà *lãnh đạo* và sự vận hành của *bộ máy quản lí*. Theo quan điểm của khoa học quản lí thì nhà *lãnh đạo* cần có: *Ý tưởng mới, quan điểm mới* có tính chất dẫn đường, khả năng hoạch định và tầm nhìn chiến lược, còn nhà *quản lí* thì yếu tố cần thiết là năng lực điều hành, khả năng bao quát chung và biết kịp thời điều chỉnh. Người lãnh đạo và người quản lí có chức năng khác nhau với những yêu cầu về năng lực, tuy nhiên trong thực tế có khi vẫn nhầm lẫn hai khái niệm này là một. Hệ quả là việc chọn người quản lí trong hệ thống chưa coi trọng các tiêu chuẩn tương thích với chức năng, nhiệm vụ. Chẳng hạn, người hoạt động trong hệ thống giáo dục, khi tham gia quản lí môi trường giáo dục (môi trường sư phạm) ngoài những phẩm chất năng lực chung, cần am hiểu sâu sắc về khoa học giáo dục, khoa học quản lí giáo dục. Ở lĩnh vực quản lí giáo dục các cấp cần có hệ thống nhân sự được đào tạo cơ bản và đạt

tiêu chuẩn về chuyên môn và khoa học quản lí giáo dục. Ở lĩnh vực khoa học chuyên ngành, đòi hỏi phải có nhà khoa học đầu đàn.

Phải có các chuyên gia am hiểu sâu về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, kĩ thuật đánh giá cũng như năng lực xây dựng kế hoạch chiến lược về tổ chức, tài chính, nhân sự. Khoa học về *phát triển chương trình* (Cuniculum Development) phải trở thành nội dung cốt lõi của khoa học giáo dục. Những nội dung này đã được thiết kế, xây dựng trong chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ quản lí giáo dục. Nhìn chung, phải nhìn nhận yếu tố môi trường giáo dục và hệ thống các nhân tố liên đới theo quan điểm của sư phạm học, của tư duy mới về khoa học quản lí giáo dục.

Đối với người học, hình thành *kĩ năng tự tổ chức môi trường học tập của cá nhân* gồm: chuẩn bị và tổ chức các phương tiện thiết yếu; chuẩn bị chỗ làm việc và các điều kiện cho học tập; bảo quản lưu giữ tài liệu; đề xuất làm việc theo nhóm học tập; chuẩn bị kế hoạch trong các đợt thực tế dã ngoại. *Kĩ năng hoạch định kế hoạch và các hoạt động* gồm: quản lí thời gian và nghỉ ngơi trong học tập, lập kế hoạch ôn tập, luyện tập cá nhân, kế hoạch tự học, kế hoạch thi và thực hiện kế hoạch. *Kĩ năng xác định mục tiêu và phương pháp học tập cá nhân* phù hợp với mục tiêu đã định, kĩ năng lập kế hoạch rèn luyện và phát triển phong cách học tập thích hợp với nhiệm vụ học tập. *Kĩ năng kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập* gồm: Xem xét phân tích đánh giá ưu và nhược điểm, đánh giá hành vi học tập của mình và của người khác, kiểm tra học lực của mình thông qua hình thức trắc nghiệm khác nhau...[12] Đối với các giáo sư sư phạm, điều quan trọng hơn là họ còn phải là người tổ chức, người thi công và đánh giá các quá trình

xây dựng môi trường giáo dục ở nơi họ công tác sau này. Với tư cách là các giáo viên tương lai, trước hết họ cần phải có năng lực xây dựng và thực hiện các tiêu chí dạy học và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Với trách nhiệm là người quản lý giáo dục (ở các cấp độ từ quản lý bài dạy cho đến quản lý một hệ thống giáo dục), họ sẽ đáp ứng được các yêu cầu.

Đối với các nhà nghiên cứu về khoa học giáo dục trong giai đoạn hiện nay, một vấn đề đặt ra là trong môi trường dạy học điện tử (chẳng hạn như học tập qua mạng Internet) thì nhiệm vụ xây dựng môi trường sư phạm với các tiêu chuẩn mới cần phải được nghiên cứu hoàn thiện về cơ sở lý luận.

3. Tổ chức các hoạt động đa dạng và phong phú trong môi trường giáo dục

Mục tiêu chung của các cơ sở đào tạo giáo viên là phấn đấu đạt các chuẩn về giá trị văn hóa, khoa học và về cơ sở vật chất ở các mức độ khác nhau theo từng giai đoạn phát triển. Trong mục tiêu tổ chức các hoạt động, cần coi trọng *mục tiêu giá trị*, đặc biệt là hình thành *lối sống tích cực* cho sinh viên sư phạm.

Tổ chức các hoạt động bên trong và bên ngoài nhà trường sư phạm cần coi trọng nội dung văn hoá, nội dung giáo dục đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc, thậm chí là của từng dân tộc. Có thể là các loại hình nghệ thuật, văn hoá rất đa dạng nhưng phải chứa đựng yếu tố giáo dục; có thể nội dung hoạt động giáo dục là cơ bản, nhưng cần đan xen yếu tố văn hoá. Đặc biệt là đối với sinh viên sư phạm, cần coi trọng cả hai nội dung trong việc tổ chức các hoạt động.

Tổ chức các hoạt động phong trào chung như: câu lạc

bộ; hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao... trong khuôn khổ điều kiện cho phép của nhà trường. Hiện nay, trong các trường đại học nói chung có hiện tượng là khi tổ chức các hoạt động chung, đặc biệt là hoạt động văn hoá văn nghệ, quá chú ý đến tính chất biểu diễn chuyên nghiệp và do đó chỉ ít người có thể tham gia, nhưng lại thiếu quan tâm đến hoạt động của số đông sinh viên. Điều đó có thể tạo cho sinh viên tâm lí hưởng thụ là chính, ít chú ý đến việc tự tổ chức hoạt động để đạt được cả mục tiêu rèn luyện kĩ năng hoạt động, kĩ năng tổ chức và mục tiêu hưởng thụ văn hoá.

Thông qua các hoạt động đoàn thể nhằm xác định rõ vai trò gương mẫu của giảng viên, trọng tâm là xây dựng mối quan hệ sư phạm tích cực giữa cán bộ, giảng viên với sinh viên. Xây dựng đội ngũ giảng viên có lối sống trong sạch, giản dị, lành mạnh, đạo đức cao thượng; đồng thời xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá một cách cụ thể. Khẩu hiệu “mỗi thầy cô giáo là tấm gương sáng cho học sinh noi theo” vẫn là mục tiêu phấn đấu lâu dài trong các trường sư phạm.

Hoạt động trên lớp bao gồm các nội dung cơ bản như: dạy học, giáo dục theo chương trình kế hoạch năm học. Các cơ sở đào tạo giáo viên cần xây dựng hệ thống danh mục các hoạt động nhằm phát triển năng lực khoa học cho sinh viên như: hội thảo chuyên đề, tổ chức nghiên cứu khoa học sinh viên, nghiên cứu thực tế, thi Olympic các môn. Đồng thời khuyến khích sinh viên tự tổ chức các buổi semina chuyên môn, học nhóm, học theo phương pháp dự án, học theo tình huống, học qua mạng... là điều kiện tiên quyết để xây dựng môi trường giáo dục, môi trường khoa học.

Hoạt động ngoại khoá cần được đẩy mạnh với các hình thức đa dạng và phong phú do hội sinh viên, đoàn thanh niên tổ chức. Có thể là các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ

nhu thi, tổ chức thảo luận theo các chủ đề về giới, dân số, môi trường, chủ đề nhân các ngày kỉ niệm, về các chủ đề chính trị - xã hội của địa phương và đất nước...

Coi trọng khâu *xây dựng kế hoạch*, trong khi duyệt kế hoạch cần quan tâm đến vấn đề môi trường hoạt động (phạm vi không gian và thời gian, các yếu tố điều kiện cần đảm bảo...). Có thể ví như khi phê duyệt một dự án phát triển, người ta ưu tiên quan tâm đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xử lí ô nhiễm môi trường trước tiên. Bản kế hoạch có thể viết theo mẫu dưới đây:

<i>Tên/chủ đề hoạt động</i>	<i>Mục tiêu đạt được (Mục tiêu)</i>	<i>Nội dung hoạt động (Các</i>	<i>Kết quả và sản phẩm dự kiến</i>

Để phát triển môi trường giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên cần phải quan tâm đến các vấn đề sau:

- Tiêu chuẩn về số lượng sinh viên tham gia trong bầu không khí tích cực có thể dự kiến, mức độ ảnh hưởng tích cực của các cá nhân đến những người xung quanh (tác động giáo dục).

- Dự kiến các hạn chế có thể xảy ra và các phương án khắc phục.

- Mức độ an toàn cho con người, tiết kiệm cơ sở vật chất và sử dụng hợp lí nguồn nhân lực và vật lực trong các hoạt động.

Trong điều kiện còn khó khăn về tài chính và nhân lực tại các trường sư phạm, điều cốt yếu là xác định rõ *thứ tự ưu tiên các hoạt động*. Trước hết cần phải xác định cụ thể

định mức về tài chính, ưu tiên về thời gian và các điều kiện khác cho các hoạt động trọng tâm. Trong hàng loạt các hoạt động phong phú và đa dạng ở môi trường sư phạm, cần quan tâm đến các hoạt động chuyên môn là chủ yếu.

4. Đánh giá khách quan trong quá trình giáo dục sinh viên

Như đã trình bày ở phần đầu cuốn sách này và qua kết quả khảo sát thực trạng tại các trường sư phạm, một trong những vấn đề được sinh viên quan tâm là *sự công bằng trong thi và kiểm tra*. Mô hình giáo dục đại học của nước ta, trong đó có hệ thống các trường sư phạm vẫn đánh giá theo quan điểm cũ, ít kích thích sinh viên sáng tạo và tự học. Khi khảo sát trên sinh viên tốt nghiệp trước khi ra trường, vấn đề được đặt ra là: *Điều gì làm cho anh (chị) hài lòng nhất trong 4 năm học? Điều gì khiến anh (chị) chưa hài lòng trong 4 năm học?* Kết quả cho thấy, ý kiến tập trung vào vấn đề quan hệ giữa sinh viên và giáo viên, trong đó khâu *đánh giá* được quan tâm nhiều nhất. Về quy trình thi và kiểm tra, các cơ sở đào tạo giáo viên đã thực hiện đầy đủ quy chế đào tạo đã ban hành. Việc xử lý nghiêm các vấn đề về chuyên môn (kể cả đối với giảng viên và sinh viên) trong hoạt động giảng dạy và đánh giá là tác nhân tích cực làm hạn chế tiêu cực trong nhà trường.

Trục quan hệ chính trong trường sư phạm là quan hệ giữa giảng viên với sinh viên trong quá trình đào tạo, do đó nếu ở khâu thi, kiểm tra được kiểm soát chặt chẽ và khách quan sẽ làm trong sạch môi trường học tập, góp phần phát triển môi trường giáo dục và môi trường văn hoá theo mục tiêu đã xác định.

Hệ thống quản lý đào tạo cấp khoa, cấp phòng với chức năng là lập kế hoạch thanh tra và kiểm soát các hoạt động

thi. Các tổ chức: Hội sinh viên, Đoàn thanh niên và Phòng công tác sinh viên phát động phong trào, tuyên truyền giáo dục sinh viên chấp hành nghiêm túc quy chế thi. Giảng viên cần được tập huấn thường xuyên về kỹ năng tổ chức thi, các kỹ năng đánh giá kết quả thi, cũng như kỹ thuật đánh giá khoa luận, đánh giá các đề tài khoa học của sinh viên.

Tạo nên một môi trường học tập dân chủ, khoa học, công bằng, chính là yếu tố kích lệ sinh viên học tập hăng hái hơn. Ngược lại, kết quả đánh giá thiếu khách quan, không đảm bảo công bằng của hệ thống quản lý sẽ làm kìm hãm sự tiến bộ của sinh viên, làm gia tăng các biểu hiện tiêu cực. Kết quả đánh giá sinh viên trong quá trình học tập cần được nhìn nhận ở phương diện thực tiễn, từ những cơ sở sử dụng nhân lực, sự đánh giá của nhà trường và đánh giá của xã hội phải có sự tương quan. Tục ngữ Pháp có câu: *Nhà trường xếp loại học sinh (theo điểm), đời xếp loại con người (theo hiệu quả giải quyết vấn đề)* (Dẫn theo Trần Văn Hà - Kì yếu Hội thảo *Đổi mới phương pháp dạy - học ở đại học và cao đẳng*, NXB Giáo dục, H., 2003; tr.63). Nhiều nước trên thế giới coi trọng việc xây dựng các chuẩn đánh giá có tính độc lập cao, chẳng hạn như việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá theo chuẩn chung để bất cứ lúc nào cũng xác định đúng trình độ học tập của người học.

5. Hình thành cho sinh viên năng lực tiếp cận nhanh chóng với môi trường kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước

Năng lực tiếp cận môi trường là một khái niệm mới ít được đề cập trong các tài liệu giáo dục. Có thể trong hoạt động sống, khả năng *thích ứng* khả năng *tiếp biến* những ảnh hưởng từ môi trường của con người có tính tự nhiên trong sự hình thành và phát triển nhân cách. Tuy nhiên, cần

xác định năng lực này là một tiêu chí quan trọng của nhân cách cần để giáo dục, hình thành cho thế hệ trẻ.

Phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta nói chung và ở khu vực miền núi nói riêng đang có sự biến đổi sâu sắc. Mức tăng trưởng nhanh về kinh tế trong những năm gần đây càng đòi hỏi giáo dục phải gấp rút chuẩn bị tốt về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Trong sự phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, đặc biệt ở miền núi đã xuất hiện sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn dẫn đến nguy cơ bất bình đẳng xã hội, các yếu tố tiêu cực xuất hiện và tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng.

Về văn hoá, sinh viên phải góp sức mình vào nhiệm vụ quan trọng là giữ gìn, phát triển bản sắc văn hoá các dân tộc trong bối cảnh hội nhập và giao lưu quốc tế. Đặc biệt là cần quan tâm đến các vấn đề xã hội phức tạp và nhạy cảm như tôn giáo, dân tộc trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Về giáo dục, sinh viên sư phạm khi ra trường họ phải tiếp cận ngay với nhiệm vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp giảng dạy ở phổ thông. Trong đó, nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là trọng tâm và đây cũng là vấn đề mà hệ thống giáo dục đang chịu áp lực lớn từ xã hội.

Để giúp sinh viên hoà nhập tốt với môi trường khó khăn ở khu vực miền núi, cần định hướng tiếp cận các vấn đề trên đây ở ngay trong quá trình đào tạo. Thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội đa dạng phong phú, chuyển tải thông tin khách quan và đa chiều, đồng thời rèn luyện cho sinh viên có năng lực phân tích tiếp cận các vấn đề trên một cách khoa học

Chiến lược của vấn đề đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội

miền núi đang cần các trường đại học thiết lập những mô hình đào tạo mới, có hiệu quả. Có thể tạo theo mô hình 4 năm (5, 6 năm với khối trường y, dược hoặc kỹ thuật) + 2 năm. Đào tạo tiếp 2 năm gồm các nội dung kiến thức về: pháp luật, văn hóa - xã hội, tôn giáo, quản lý nhà nước, phương pháp tiếp cận với người dân tộc thiểu số, các kỹ năng khác như ngoại ngữ, máy tính. Trong thời gian 2 năm học tập này, kết hợp cho họ thử việc

tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp... nếu có năng lực quản lý sẽ đào tạo tiếp tạo nguồn cán bộ cho miền núi. Trên thực tế, năng lực tiếp cận thực tiễn đời sống xã hội của người có trình độ đại học đã được hình thành từ rất sớm và quá trình học tập ở trường đại học là cơ hội rất tốt đối với họ.

III. NHÓM CÁC BIỆN PHÁP TẠO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trong tài liệu “ *Học từ những chú khỉ*” của tác giả Rung Kaewdang, tại trường Đại học đào tạo khỉ (Monkey Training College) Surat Thani., Thái Lan - (Tài liệu do Hoàng Hoa Cương và Đỗ Thị Bình dịch, NXB Đại học Sư phạm, tr. 74) đã viết: *Dạy khỉ hái dứa trên cây là hoạt động học tập đầu tiên. Trước hết, chúng ta dạy chúng nên hái những quả dứa nào. Khruu Somporn (là người dạy khỉ) để những quả dứa màu nâu (loại hái được) quanh lũ khỉ cho chúng chơi như đồ chơi, nên chúng không cảm thấy quá lẻ loi. Mỗi ngày ông cho khỉ chơi những quả dứa ấy một giờ liền. Cách ấy làm cho khỉ thêm được chơi và nhiều quả dứa như thế hơn nữa. Đây là phương pháp phát triển môi trường học tập của Khruu Somporn. Trái lại, trong các trường cho người, chúng ta không nghĩ nhiều đến môi trường học tập cho sinh viên. Khruu Somporn nói: “ Nên*

các bạn không muốn học sinh chơi súng, rượu, thuốc lá, ma túy hoặc đánh bạc, thì rất không nên để học sinh nhìn thấy những thứ ấy. Nhưng trong xã hội của chúng ta, chúng ta không cần trọng với những thứ đó và sinh viên ngày nay bộc lộ đủ kiểu hành vi tiêu cực, chủ yếu qua hàng loạt các phương tiện truyền thông “ . Như vậy, yếu tố vật chất được sắp đặt với ý đồ sư phạm trong môi trường giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt. Giáo dục là một quá trình, quá trình này tồn tại trong phạm vi không gian và thời gian xác định. Trong đó, các hoạt động của con người đang diễn ra cùng với sự tồn tại của các điều kiện cơ sở vật chất. Ví dụ, môi trường học tập trong các trường học ở mức độ vật chất tối thiểu gồm: bàn, ghế, phấn bảng, sách bút... cho dù các yếu tố này có thể được thay thế bằng các phương tiện hiện đại. Theo đó, không thể xây dựng và phát triển môi trường học tập e-learning nếu thiếu máy tính, thiếu mạng Internet. Trong các trường đại học nói chung và trường sư phạm nói riêng đang đứng trước mâu thuẫn là một mặt phải trang bị đủ các điều kiện tối thiểu như lớp học, thư viện theo mô hình cũ đại trà, nhưng mặt khác lại phải đầu tư chiều sâu với các công nghệ hiện đại như phòng thí nghiệm chuẩn, thư viện điện tử, phòng học đa phương tiện.

Trong nhóm biện pháp tạo điều kiện cơ sở vật chất, cần quan tâm đến các biện pháp cụ thể sau đây:

1. Trang bị điều kiện tối thiểu cho hoạt động học tập ' nghiên cứu của sinh viên và giảng viên

Trong tương lai, phát triển mạnh thư viện điện tử với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thông tin với số lượng sách, giáo trình tính theo tỉ lệ sinh viên ngày càng lớn phải là ưu tiên hàng đầu. Tiếp đó là điện tích lớp học, điện tích thư viện, điện tích kí túc xá/sinh viên; tỉ lệ kinh phí/đề tài sinh

viên; tỉ lệ máy tính nối mạng Internet/sinh viên, phòng thí nghiệm... Những yếu tố này, theo các nhà đầu tư là “ hạ tầng cứng”, tức là trong một thời gian rất ngắn có thể hoàn thành được mặc dầu là chi phí lớn. Môi trường thông tin trong giáo dục phải được coi là “ nước đối với cá”, trong đó vấn đề trọng tâm của nhà giáo dục là định hướng cho người học xử lí thông tin.

Mục tiêu lâu dài là xây dựng lớp học đủ tiêu chuẩn (ví dụ như có nhiều phòng nhỏ để học theo nhóm, có các thiết bị hỗ trợ, có nối mạng Internet trong lớp học). Phương pháp dạy phải được thay đổi căn bản trong các trường sư phạm. Yếu tố này chính là điều kiện cơ bản để thiết kế lại phòng học, để trang bị đầu tư cơ sở vật chất. Mỗi giảng viên đại học (hoặc nhóm cùng chuyên môn) phải có phòng chuyên môn, phòng nghiên cứu giảng dạy. Phòng bộ môn hoặc phòng của giáo sư là nơi trao đổi với sinh viên về chuyên môn, về học thuật. Hiện nay trong các trường (trong phạm vi khảo sát), diện tích trung bình của một khoa rất hẹp (chủ yếu là ở văn phòng làm việc ở các khoa có diện tích trung bình là 20 - 30 m²/20 - 50 giảng viên). Giảng viên đại học sư phạm chưa có phòng làm việc riêng, một số trường phần đầu có phòng làm việc cho từng bộ môn đã là một cố gắng rất lớn.

Như vậy, điều kiện tối thiểu trong các trường là giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng sinh hoạt chuyên môn... hiện đang trở thành mục tiêu phấn đấu trước mắt cũng như lâu dài của các trường sư phạm.

2. Kiến tạo môi trường khoa học, môi trường văn hoá trong các trường sư phạm

Để làm được điều này, trước hết phải coi trọng các quan

hệ liên ngành, các hội nghị khoa học được tổ chức thường xuyên. Trong các hoạt động của nhà trường thì các tiêu chuẩn về văn hoá, về giáo dục cần được đánh giá và điều chỉnh. Các hoạt động liên quan đến sinh viên, cán bộ giảng dạy được đầu tư đủ kinh phí, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường. Quan điểm chung là phải coi trọng hoạt động chuyên môn trong các trường đại học và cao đẳng ở tất cả các khâu: đầu tư kinh phí, thiết bị và đào tạo con người.

Mục tiêu đặt ra là tăng tỉ lệ hội nghị khoa học của sinh viên, tạo nhiều cơ hội giao lưu khoa học liên trường cho sinh viên. Quan hệ khoa học giữa trường đại học với địa phương được tăng cường; cơ cấu chi về tài chính được xác định trọng tâm là cho hoạt động chuyên môn. Thông tin khoa học được phổ biến trên tạp chí, thể hiện ở số lượng sách, giáo trình và đề cương bài giảng được xuất bản, in ấn có chất lượng và đẹp, có các sản phẩm ứng dụng vào công tác đào tạo của nhà trường cũng như ở thực tiễn xã hội. Các quan hệ quản lý được phân cấp rõ ràng và đạt các tiêu chuẩn cơ quan văn hóa.

Xây dựng các mô hình hoạt động văn hoá trong các trường thu hút sinh viên tham gia. Ví dụ, các hoạt động sinh hoạt văn hoá trong giảng đường và kí túc xá trong ngày nghỉ với các hình thức văn nghệ, giải trí lành mạnh; phấn đấu không có sinh viên mắc nghiện ma tuý.

3. Kiến tạo môi trường cảnh quan sinh thái

Môi trường sư phạm được thiết kế quy hoạch chuẩn, có trang bị mới và hiện đại, đảm bảo tính nghệ thuật, văn hoá, giữ được bản sắc dân tộc.

Mục tiêu: xanh, sạch, đẹp và không có tiếng ồn, hệ thống chỉ dẫn khoa học và có các dịch vụ thông tin phục vụ học tập và dịch vụ công cộng tốt.

Đây là yêu cầu trong việc xây dựng chiến lược phát triển của các trường sư phạm, cần phải đưa yếu tố tiêu chuẩn *cảnh quan sinh thái* vào quy hoạch hệ thống trường.

Trong trường học nói chung, các tiêu chuẩn môi trường cảnh quan sinh thái về cơ bản có thể gồm các nội dung sau đây: Tiêu chuẩn *xanh* gồm có tỉ lệ diện tích tán lá cây xanh che phủ rộng, có thảm cỏ, cây cảnh và hồ nước... Tiêu chuẩn *sạch* gồm có hệ thống nhà vệ sinh, thùng đổ rác, không có cỏ dại, đường đi trong khuôn viên được xây hoặc lát sạch, thoát nước tốt; không có quán xá xung quanh trường; phòng học trong trường được quét dọn thường xuyên. Tiêu chuẩn *đẹp* gồm có hệ thống cây xanh, thảm cỏ và các vật trang trí có phối cảnh hấp lí, hệ thống nhà được xây dựng đúng tiêu chuẩn, trang trí hài hoà, có bảng chỉ dẫn... Ngoài ra, cần được đảm bảo an toàn trước các chất cháy, chất nổ, an toàn thân thể sinh viên trong học tập nghiên cứu và vui chơi. Mô hình hoàn thiện là trường đại học có diện tích rộng, nhiều cây xanh, có đầy đủ các điều kiện và dịch vụ được sắp đặt liên hoàn có chiều hướng là trường đại học hiện đại như các nước Âu - Mỹ đã có lịch sử hàng trăm năm thu hút mọi người đến đó để học tập, nghiên cứu, và thăm quan.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP

Nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi người. Tuy nhiên trong phạm vi của hệ thống quản lí, *cần* xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân và tập thể như sau:

- *Môi trường tự học* của sinh viên là hạt nhân cơ bản, để hình thành môi trường này không ai khác chính là bản thân

sinh viên tự kiến tạo nên dựa trên những phẩm chất ý chí trong quá trình tự rèn luyện. Môi trường này có khi không được xác định trong một không gian và thời gian cụ thể hoặc các điều kiện có khi được xác định bằng mức độ chiếm lĩnh môi trường của chủ thể.

Môi trường học tập - nghiên cứu là yếu tố cơ bản của môi trường giáo dục đại học, đồng thời là trách nhiệm chung của hệ thống giáo dục, trong đó vai trò tổ chức của người *giáo viên* là trực tiếp [17]. Chức năng của giảng viên đại học là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, do đó mỗi giáo viên tích cực hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học sẽ tạo ra các thế hệ kế thừa xứng đáng. Quan hệ khoa học có chất lượng chỉ xảy ra trong một tập thể nghiên cứu có hoạt động chuyên môn tốt và triển khai ứng dụng có hiệu quả. - *Môi trường dạy học* là yếu tố cơ bản của trường học và là trách nhiệm của hệ thống *quản lý cấp trường/khoa/bộ môn*. Chất lượng giảng dạy còn phụ thuộc vào trách nhiệm của hệ thống quản lý các cấp, trong đó cấp khoa/bộ môn có vai trò cực kì quan trọng trong quản lý chất lượng (theo *Điều lệ trường đại học và 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng*).

Môi trường giáo dục nhà trường - yếu tố quyết định sự hình thành nhân cách nghề nghiệp của sinh viên, là trách nhiệm của toàn bộ lực lượng giáo dục nhà trường, trong đó vai trò của *hiệu trưởng* và bộ máy quản lý giáo dục là cơ bản.

Môi trường văn hoá xã hội - yếu tố quan trọng của môi trường sống, là trách nhiệm của toàn xã hội, của hệ thống chính quyền các cấp, trong đó giáo dục nhà trường là định hướng quan trọng. Vai trò của *hiệu trưởng, các chủ tịch phường, xã, huyện, thành phố...* và sự phối hợp tốt giữa các

cơ quan này là yếu tố quyết định.

Môi trường khoa học, kỹ thuật, công nghệ là điều kiện cơ bản để phát triển nhân cách, phát triển các yếu tố vi mô trong quá trình giáo dục, là trách nhiệm của các nhà hoạch định chiến lược quốc gia. Vai trò của *bộ trưởng và các bộ ngành liên quan, cơ quan cấp tỉnh* là quyết định.

Như vậy, nhiệm vụ xây dựng và phát triển môi trường văn hoá giáo dục là trách nhiệm của mọi người, của toàn bộ hệ thống quản lí, của các đoàn thể, các lực lượng xã hội, nhưng trước hết đó là nhiệm vụ của các lực lượng giáo dục trong trường học. Do đó, các trường đại học cần xác định mục tiêu phấn đấu trở thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, của vùng và đất nước.

V. SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA KHOA HỌC GIÁO DỤC TRONG QUÁ TRÌNH KIẾN TẠO MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

Khoa học giáo dục nghiên cứu các nội dung giáo dục rất đa dạng ở mọi phạm vi hoạt động của người đang trưởng thành trong môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Quá trình nghiên cứu ở cấp độ từ thấp đến cao, với các mức độ và trình độ khác nhau, ở các lĩnh vực chuyên ngành hoặc liên ngành. *Nghiên cứu khoa học giáo dục chính là sự phát hiện ra các quy luật hay tính quy luật của hoạt động giáo dục ở nhiều mức độ khác nhau. Tri thức khoa học giáo dục, kỹ năng khoa học giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt đối với những người làm công tác giáo dục trong ngành và ngoài ngành. Có thể nói, từ việc hoạch định chính sách vĩ mô có tầm chiến lược của các chuyên gia giáo dục đến việc thực hiện các thao tác dạy học cụ thể đều cần có tri thức về*

khoa học giáo dục. ứng dụng tri thức khoa học giáo dục vào việc xây dựng môi trường văn hoá giáo dục cần quan tâm đến các vấn đề sau đây: - Về phương diện tâm lí xã hội, do tính chất cơ bản của môi trường văn hoá giáo dục là *hoạt động của con người*, cho nên cần quan tâm đến những ứng xử của cá nhân (trong phạm vi những quy định của xã hội chi phối). Đồng thời, các kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra nhiệm vụ quan trọng và cần thiết là nghiên cứu về những điều kiện, trong đó các cá nhân chịu tác động bởi những hoàn cảnh. Chính trong sự tác động qua lại đó, cá nhân không ngừng được phát triển. Như vậy, trong quản lí giáo dục, kết quả nghiên cứu về nhân cách con người trong nhóm và các quan hệ xã hội, nghiên cứu quy luật hình thành nhân cách trong tập thể phải được ứng dụng trong phát triển môi trường giáo dục. Từ những kết quả nghiên cứu về tâm lí học (về cảm giác, tri giác, thói quen, lối sống, phong tục tập quán...) của người học (ở các thành phần dân tộc, lứa tuổi khác nhau) có thể được ứng dụng trong các hoạt động giáo dục, ví dụ như: trang trí, thiết kế, sơn màu lớp học... Các hoạt động giáo dục cách ứng xử, giao tiếp trong môi trường sư phạm phải coi trọng những đặc điểm của con người trong môi trường hoạt động cụ thể.

- Về phương diện dạy học, giáo dục, cần coi trọng tính hệ thống của quá trình đào tạo. Quá trình nghiên cứu kiến tạo môi trường giáo dục cần xuất phát từ hoạt động chủ đạo của sinh viên đại học - *đó là hoạt động học tập có tính chất nghiên cứu* dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách là hướng nghiên cứu của khoa học giáo dục hiện đại để xây dựng môi trường giáo dục. Kết quả nghiên cứu của lí luận dạy học, lí luận giáo dục về các tiêu chí định lượng và định tính, hiệu quả và hiệu suất, số lượng và chất lượng trong dạy học... *cần*

được coi là yêu cầu cơ bản để xây dựng và phát triển môi trường giáo dục tiên tiến.

Tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu sư phạm đối với thiết bị học tập là kết quả nghiên cứu có hệ thống của khoa học giáo dục (nghiên cứu về thiết bị dạy học, giáo dục) từ thực tế giáo dục Việt Nam và được tiếp cận với thế giới. Bảng tiêu chuẩn các thiết bị đã được công bố và ở khâu triển khai sản xuất, thiết kế từ mẫu bàn ghế, mô hình lớp học, giảng đường, thư viện... phải đảm bảo các yêu cầu của khoa học giáo dục. Ví dụ ở các nước, từ chiếc ghế ngồi cho sinh viên đã được nghiên cứu rất cụ thể về kích thước với tính năng cơ động, hiệu suất sử dụng cao trong các hình thức học tập khác nhau. Nhưng đáng tiếc là trong các lớp học ở Việt Nam ít quan tâm đến điều này. Cùng với sự thay đổi nhanh của khoa học kỹ thuật và công nghệ đang đòi hỏi việc thiết kế trường học cần phải đảm bảo các tiêu chuẩn khoa học theo hướng đổi mới thường xuyên.

- Trong các cơ sở đào tạo giáo viên (chủ yếu là trường đại học sư phạm và cao đẳng sư phạm) ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam có 3 đặc tính quan trọng của hệ thống này là: tính *sư phạm*, tính *đại học* và tính *miền núi*. Đảm bảo được mối quan hệ gắn kết của 3 đặc tính trên đây chính là đảm bảo cho sứ mạng của các trường trong xu thế hiện đại. Có thể từ các định hướng gợi mở như sau:

- Tính *sư phạm* bao trùm các lĩnh vực mọi hoạt động của nhà trường, trong đó trọng tâm là các quan hệ giao tiếp (trên lớp và ngoài giờ lên lớp) của sinh viên, giảng viên và cán bộ công *chức*. Các quan hệ sư phạm được diễn ra ở các hoạt động giáo dục và quản lý, thể hiện ở nề nếp kỉ cương học tập và giảng dạy, các chuẩn mực, mô phạm trong nhà trường được đảm bảo. Đồng thời là cảnh quan môi trường,

các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... đạt các tiêu chuẩn văn hóa, văn minh và tiêu chuẩn giáo dục. Mọi hoạt động của nhà trường nhằm mục tiêu tác động đến giáo dục nhân cách, định hướng giá trị cho xã hội, giữ gìn và bảo tồn, phát triển các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hệ thống giáo dục.

- Tính *đại học* thể hiện trước hết ở hoạt động *học tập của* sinh viên phải là hoạt động mang tính chất nghiên cứu. Mục tiêu đào tạo là các chuyên gia giáo dục có trình độ đại học, có khả năng sáng tạo và đặc biệt là những người có khả năng giáo dục, dẫn đường cho thế hệ trẻ. Giảng viên có trình độ cao và có các công trình khoa học được công bố, ứng dụng sẽ tạo môi trường khoa học phát triển trong và ngoài trường. Đồng thời, trong phong cách học tập của sinh viên, phong cách giảng dạy của giảng viên và hệ thống quản lý nhà trường thể hiện tính khoa học cao.

Tính *miền núi* thể hiện ở yếu tố bản sắc văn hóa của từng dân tộc trong lối sống, giao lưu, trong các quan hệ của sinh viên với sinh viên, với giảng viên và các quan hệ xã hội khác. Kết quả nghiên cứu khoa học của các trường gắn với thực tiễn của miền núi, với con người miền núi. Chương trình đào tạo thiết thực, được mềm hóa, địa phương hóa tạo cơ hội cho người học thích ứng nhanh với yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. Kết quả đào tạo ra những giáo viên có khả năng đáp ứng nhanh trước yêu cầu của giáo dục miền núi với những khó khăn đặc thù và đặc biệt là khả năng tiếp cận tốt với đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số. Trong các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động nghệ thuật trong các trường được tô đậm bởi các nét văn hóa từng dân tộc ở phương diện ngôn ngữ, trang phục cũng như nếp sống sinh hoạt hàng ngày của họ.

Tóm lại, nhờ những đặc tính này, các trường sư phạm có cơ hội để mở mang giao lưu (trong và ngoài nước) để khẳng định vì thế, bản sắc riêng của mình. Có thể nói với những điểm mạnh trên đây các trường sư phạm ở miền núi phía Bắc mới có lí do để tồn tại cùng với những lí do khác. Trong xu thế phát triển đa dạng của hệ thống giáo dục đại học trong nước và trước thời cơ (và cũng là nguy cơ) về cạnh tranh trong nước cũng như với nước ngoài, vấn đề khẳng định được bản sắc và bản lĩnh của mỗi cơ sở giáo dục phải được coi là yếu tố then chốt.

Quá trình xây dựng và phát triển môi trường văn hóa giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên cần đảm bảo những nguyên tắc cơ bản của khoa học giáo dục. Các biện pháp cần được xây dựng đồng bộ về cơ sở vật chất và chuyên môn, đổi mới cơ chế quản lí theo tiêu chuẩn chất lượng là then chốt và chọn lọc các nội dung hoạt động mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền. Có như vậy, môi trường giáo dục được kiến tạo trong hệ thống các trường sư phạm không phải là sự áp đặt các tiêu chí cứng nhắc từ phía nhà quản lí hay từ các tiêu chuẩn du nhập từ nước ngoài. Những luận cứ của khoa học giáo dục về môi trường giáo dục sẽ góp phần đảm bảo cho quá trình xây dựng, phát triển môi trường giáo dục ngày càng đi đúng hướng hơn.

KẾT LUẬN

1. Môi trường giáo dục là một phạm trù quan trọng của giáo dục học, môi trường giáo dục là một hệ thống phức tạp bao gồm nhiều yếu tố cả vật chất và tinh thần tác động quyết định đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Trong đó, các yếu tố thuộc hệ thống giá trị có vị trí và ý nghĩa đặc biệt trong nhiệm vụ phát triển môi trường sư phạm, môi trường giáo dục. Các yếu tố của môi trường

được kiến tạo tốt cùng với sự thích ứng tích cực của chủ thể (người được giáo dục) thì sẽ trở thành hệ tác động giáo dục có hiệu quả cao. Môi trường sư phạm không biệt lập với môi trường xã hội nói chung mà nó có vai trò cốt lõi, bởi trong đó tính chủ động của hệ thống giáo dục trong môi trường chung đã được khẳng định.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng môi trường văn hóa giáo dục tại một số cơ sở đào tạo giáo viên đã cho thấy:

Môi trường văn hoá giáo dục trong các trường sư phạm đang bị “ô nhiễm” tương đối nghiêm trọng. Tuy nhiên, về cơ bản vẫn giữ được tính chất của môi trường giáo dục với các chủ thể là hệ thống quản lí nhà trường và người học. Tính *kháng thể* của sinh viên trước tác động xấu của yếu tố môi trường hoàn cảnh còn yếu, trong đó khả năng vượt qua chính mình trong việc chấp hành quy chế học tập và quy chế thi còn rất hạn chế.

Môi trường học tập trong các trường chưa đảm bảo các tiêu chuẩn theo định hướng môi trường học tập tích cực. Nguyên nhân cơ bản thuộc về nhà quản lí (việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, thiết kế lớp học còn yếu hoặc ít có hiệu quả). Tiếp đó là do giáo viên ít tích cực hoá trong quá trình dạy học (chậm thay đổi cách dạy, cách đánh giá...) do đó đã tạo ra sức ỳ ở sinh viên trong học tập, điều này làm cho môi trường học tập hạn chế. Sau cùng là tác động của môi trường nhỏ ngay trong trường học, lớp học và bên ngoài trường học đã xuất hiện nhiều yếu tố tiêu cực, tác động trực tiếp vào các mối quan hệ, làm thay đổi các giá trị.

Nguyên nhân cơ bản của các biểu hiện hạn chế trong hệ thống giáo dục (trong các trường sư phạm ở phạm vi điều tra) không phải chủ yếu do tác động xấu bên ngoài mà *nảy*

sinh từ các yếu tố bên trong của trường học. Đó là quan hệ thầy - trò; quan hệ người giáo dục và người được giáo dục; quan hệ liên nhân cách... Những biểu hiện xấu đã làm “ ô nhiễm” môi trường học tập, môi trường dạy học, môi trường giáo dục.

- Trong các cơ sở đào tạo giáo viên, chưa có người chuyên trách quản lí môi trường văn hóa - xã hội, quản lí các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường. Các hoạt động văn hóa, thể thao còn thiếu rất nhiều điều kiện vật chất về sân bãi, phương tiện, cũng như các điều kiện vui chơi, giải trí cho sinh viên.

3. Nhiệm vụ phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các trường sư phạm đã có những chuyển biến tích cực về nhận thức của các cấp quản lí, của giáo viên và sinh viên. Tuy nhiên từ nhận thức đến hành động còn chưa thống nhất. Nhiệm vụ chủ yếu của các cấp quản lí trong việc phát triển môi trường văn hoá giáo dục tập trung chủ yếu ở các hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường, quản lí các hoạt động trong trường học; quản lí hệ thống giáo dục theo phân cấp, trong đó coi trọng quan hệ giữa các lực lượng giáo dục với sinh viên. Nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên là tổ chức các hoạt động phong trào trong trường học cho hai đối tượng chủ yếu là cán bộ giáo viên và sinh viên. Nhiệm vụ chính của các giảng viên là phát triển quan hệ dạy và học tích cực trong môi trường ở trên lớp và ngoại khoá, kiến tạo các tình huống giáo dục trong môi trường sư phạm, phát triển năng lực thích ứng và sáng tạo cho sinh viên.

Môi trường văn hoá giáo dục có ảnh hưởng toàn diện đến việc hình thành các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

của sinh viên sư phạm. Đồng thời góp phần hình thành các yếu tố của năng lực sư phạm như: Khả năng giao tiếp, khả năng ứng xử trong các hoạt động xã hội để khẳng định vị trí chủ thể của sinh viên sư phạm trong sự tác động mạnh của các tiêu cực, hạn chế của môi trường xung quanh.

4. Kết quả khảo sát thực trạng tại một số cơ sở đào tạo giáo viên đã xác định những yếu tố cơ bản của môi trường giáo dục. Trong đó, vai trò của sinh viên sư phạm cùng với hệ thống giá trị cơ bản của nhân cách chuyên gia sư phạm vẫn được giữ vững và nhờ đó đã tạo ra bước chuyển biến tích cực của môi trường giáo dục. Các biểu hiện tích cực trong lối sống của sinh viên sư phạm vẫn được các cấp quản lý và bản thân sinh viên nỗ lực duy trì và được xác định là tiêu chí quan trọng của chất lượng nhân cách. Môi trường văn hoá giáo dục (trong phạm vi trường học) luôn chịu sự chi phối của môi trường lớn hơn là môi trường kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ. Vì vậy, hiệu quả của các biện pháp xây dựng môi trường sư phạm, môi trường văn hoá không chỉ phụ thuộc vào những người hoạt động trong những môi trường đó. Những tác động từ môi trường xã hội, đặc biệt từ cơ chế chính sách có ảnh hưởng rõ nét đến chất lượng và hiệu quả của các biện pháp xây dựng môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên.

5. Trong điều kiện kinh tế của nước ta còn hạn hẹp về ngân sách đầu tư cho hệ thống giáo dục đại học, để đạt được tiêu chuẩn của “*10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng*”, các trường sư phạm cần tập trung thực hiện tốt ở tất cả các mặt sau: nâng cao chất lượng dạy học trên lớp và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho sinh viên với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản về giảng đường, thư viện, kí túc xá, nhà ăn sinh viên, nhà văn hoá, sân bãi thể thao nhằm đáp ứng nhu

cầu của số đông sinh viên. Chấm dứt các biểu hiện tiêu cực trong quan hệ thầy trò, trong thi và kiểm tra, trong sinh hoạt kí túc xá, trong các quan hệ khác của sinh viên. Thường xuyên sàng lọc trong sinh viên su phạm để loại bỏ các đối tượng không đủ năng lực học tập, các đối tượng mắc vào tệ nạn xã hội, các sinh viên không đủ tư cách để làm nghề dạy học.

6. Giáo dục đại học ở nước ta có tình trạng chung là ít sàng lọc theo chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Việc thi vào 'đại học rất khó khăn, nhưng với cách đào tạo trong các trường đại học như hiện nay, sinh viên biết trước là sẽ có gần 100% tốt nghiệp ra trường hàng năm, cho nên họ không cần cố gắng nhiều. Về giải pháp chiến lược cho công tác tuyển sinh đại học, cần triển khai các biện pháp cụ thể theo phương án phân luồng từ kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Đồng thời, cho phép các trường su phạm tuyển chọn để nhập học nhiều hơn số chỉ tiêu đào tạo, tiến tới tự chủ, tự quyết định chỉ tiêu. Trên cơ sở đó hàng năm sàng lọc, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và học tập, lựa chọn những sinh viên đạt chuẩn để cấp bằng.

Đổi mới cơ bản về cách dạy học ở đại học, trước mắt là sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian trong chương trình đào tạo. So với sinh viên các nước, khả năng tự học của sinh viên Việt Nam là rất yếu. Cách dạy học ở đại học hiện nay rất lạc hậu và chậm chuyển biến để thích ứng với yêu tố mới. Vấn đề ưu tiên giải quyết không chỉ dừng ở khâu nhận thức, cũng không phải là do thiếu các điều kiện, vấn đề cốt lõi hiện nay là chính sách khuyến khích con người, trong đó vấn đề lương cho giảng viên đại học cần hợp lí hơn. Có thể xác định quan điểm sau đây là trọng tâm: Làm thế nào để thúc đẩy các giảng viên dành toàn bộ thời gian và trí tuệ vào nhiệm vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Việc tạo ra

các điều kiện môi trường như: công nghệ thông tin, phòng học hiện đại là rất cần thiết nhưng cũng chỉ là yếu tố hỗ trợ, không phải là yếu tố quyết định trực tiếp đến nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Ví dụ, trong những năm gần đây, Nhà nước có đầu tư kinh phí tập huấn giáo viên ứng dụng ICT, các trường miễn phí sử dụng mạng Internet, nhưng để huy động được mọi giảng viên đại học theo đuổi mục tiêu này là việc làm rất khó khăn.

Đảm bảo tối các điều kiện về kí túc xá, nhà ăn sinh viên, thư viện. Hiện nay, giáo dục ở nhiều nước, đặc biệt trong các trường, khoa giáo dục (Faculty of Education) người ta rất quan tâm đến yếu tố môi trường kí túc xá, môi trường sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu cho 100% người học. Ở Trung Quốc và một số nước có kí túc xá riêng cho sinh viên nam và nữ. Theo đề án của Chính phủ Việt Nam, đến năm 2010 sẽ đảm bảo chỗ ở cho khoảng 60% số sinh viên hệ dài hạn, diện tích bình quân khoảng 3m²/người (*Nguồn: <http://vnexpress.net>, 29/6/2005*). Mọi hoạt động trong giờ học và ngoài giờ học về cơ bản phải được thực hiện trong khuôn viên nhà trường. Môi trường thư viện điện tử đang trở thành tiêu chuẩn cứng của các trường đại học.

Các đoàn thể trong trường sư phạm như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cần tập trung vào các hoạt động nhằm tạo môi trường tâm lí - xã hội lành mạnh. Ví dụ như tổ chức các chủ đề theo tháng: Xanh sạch đẹp; tháng không đi học muộn; tháng vệ sinh giảng đường; tháng kí túc xá văn minh; tháng tự học... Các vấn đề giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cũng quan điểm về biểu hiện “sống thử” trong sinh viên cũng cần được đặt ra thảo luận và thống nhất. Công đoàn trường phát động phong trào giảng viên gương mẫu, giảng viên dạy giỏi - nghiên cứu khoa học giỏi; giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy.

Những giảng viên dạy giỏi phải được tăng lương sớm hơn, được trọng đãi, không bình quân trong thu nhập và khen thưởng. Trong đó, điều then chốt là tạo môi trường làm việc thuận lợi về không khí tâm lý cũng như điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu.

Đối với các trường đại học hiện có, khẩn trương thực hiện theo *tiêu chuẩn kiểm định chất lượng*. Hệ thống các trường sư phạm cần được quan tâm đặc biệt về hai yếu tố, đó là: đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ cao và trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, hệ thống trường thực hành từ mầm non đến trung học phổ thông được đầu tư hiện đại, *tạo ra môi trường thực hành nghề nghiệp thuận lợi* cho các sinh viên các trường/khoa sư phạm.

7. Để phát triển hệ thống các trường sư phạm, cần có một đề án tổng thể xuất phát từ nghiên cứu chiến lược về khoa học giáo dục nhằm phát triển bền vững. Các cấp quản lý khi duyệt các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục cần quan tâm đến tính hệ thống của các trường/khoa sư phạm. Các công trình nghiên cứu có chất lượng về *khoa học giáo dục* phải được các cấp quản lý giáo dục và hệ thống quản lý chính quyền, đảng đoàn ứng dụng, triển khai để nâng cao chất lượng các giải pháp phát triển giáo dục. Trước mắt là triển khai đề án đào tạo giáo viên có trình độ cao cho các trường đại học giai đoạn từ nay đến năm 2020.

8. Khi đầu tư cơ sở vật chất hoặc xây dựng giảng đường trong trường sư phạm cần tính đến các yêu cầu đặc trưng về *môi trường nghề nghiệp* của các trường. Cần tính toán kỹ đến các yếu tố về thời tiết địa chất, cũng như kiểu dáng, kiến trúc văn hóa, tạo cảm giác hài hoà, thân thiện giữa con người và cảnh quan môi trường tự nhiên, môi trường xã hội

tại nơi trường đóng.

Khi xây dựng luận cứ khoa học để thành lập trường đại học mới cần đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản về diện tích, môi trường sinh thái, cảnh quan, môi trường giáo dục, môi trường văn hoá. Theo tiêu chuẩn mới, các yếu tố cơ bản sau đây cần đạt ở mức độ tối thiểu, đó là: *giảng đường, kí túc xá, nhà ăn và thư viện điện tử*. Trong đó, cần coi trọng việc xác định vị trí trường đại học trong *hệ thống lớn hơn* là môi trường khoa học kỹ thuật - công nghệ của quốc gia, của vùng, hoặc của tỉnh trong một cơ chế thống nhất, gắn bó hữu cơ. Điều quan trọng có tính quyết định then chốt là phải *chuẩn bị trước* một đội ngũ giảng viên đại học có trình độ cao, trong đó có một tỉ lệ nhất định giảng viên đủ năng lực giảng dạy ở các nước trong khu vực và thế giới. Có như vậy, mới hy vọng giáo dục đại học nước ta tiếp cận với chuẩn giáo dục đại học của quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa.

9. Trong các trường đại học và cao đẳng khu vực miền núi, cần xây dựng hệ thống chuyên đề giáo dục sinh viên về phát triển và bảo tồn bản sắc văn hoá của từng dân tộc. Các nội dung giáo dục sinh viên ở các trường khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam cần quan tâm hơn đến các yếu tố văn hóa, xã hội, tâm lý, tôn giáo... của các dân tộc thiểu số, huấn luyện sinh viên có kỹ năng giao tiếp với người dân tộc thiểu số. Những vấn đề này cần được *cụ thể hoá* trong chương trình đào tạo, trong công tác giáo dục sinh viên. 10 Quản lý các dịch vụ văn hoá thông tin, dịch vụ Internet trong và ngoài trường có hiệu quả hơn. Đây là các công cụ mạnh trong xã hội thông tin, trong hoạt động giải trí và học tập của thanh niên hiện nay. Việc đầu tư và quản lý các dịch vụ này cần phải quan tâm đến vấn đề sau đây: cái hấp dẫn thanh niên, sinh viên thì nhà trường chưa đáp ứng được, cái

trong nhà trường có thì rất lạc hậu và không tiện lợi. Cần có chương trình nghiên cứu tổng thể về văn hoá, lối sống, nhu cầu, sở thích... của sinh viên hiện nay để có kế hoạch đáp ứng ngay các *nhu cầu chính đáng* của họ trong các trường học. Mục tiêu trong những năm tới là xây dựng môi trường học tập điện tử với các mô hình liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo từ xa. Hệ thống các cơ sở đào tạo giáo viên có đủ các *tiêu chuẩn* về môi trường giáo dục hiện đại. Phát triển hệ thống *đại học ngoài quốc lập* là triển vọng tốt để giáo dục đại học nước ta phát triển trong xu thế cạnh tranh lành mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1 Thành Chung - *Đấu tranh phòng chống tội phạm học đường và các tệ nạn xã hội với sự phối hợp “liên tịch” giữa Bộ GD & ĐT và Bộ Công An*, Báo Giáo dục và Thời đại, 2003.

2. Ngô Tú Hiền - *Tìm hiểu một số định hướng của môi trường văn hoá đối với sự phát triển thẩm mỹ của học sinh nông thôn nước ta*. Tài liệu đánh máy - Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.

3. Đặng Thành Hưng - *Thiết kế bài học nhằm tích cực hoá học tập*, Tạp chí Giáo dục, số 2/2005.

4. Đặng Thành Hưng - *Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại* - Tạp chí Giáo dục, số 2/2004.

5. Jon Wiles and Joseph Bondi - *Curriculum Development a Guide to Practicell* (do TS Nguyễn Kim Dung dịch), ĐHSP TP HỒ Chí Minh; 2004.

6. Jean Marc Denommé & Madeleine Roy - *Tiên tới một phương pháp sư phạm tương tác*, NXB Thanh Niên.

7. Trần Đức Minh - *Xây dựng môi trường sư phạm trong trường cao đẳng sư phạm - nhận thức và hành động thực tiễn* - Tạp chí Giáo dục, số 1 16-6/2005.

8. *Phải tiên hành cuộc cách mạng giáo dục* - <http://www.edu.net.vn> (2005)

9. Trần Thanh Phương - *Những đột phá của công nghệ thông tin* - (trong tài liệu *Khoa học và công nghệ thông tin trong thế giới đương đại*), Viện thông tin xã hội, H, 1997.

10. Phạm Hồng Quang - *Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên sư phạm*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, H, 2003.

11 Phạm Hồng Quang - *Xây dựng đề cương bài giảng ở đại học*, Tạp chí Giáo dục, số 3/2005.

12. Vũ Thị Sơn - *Môi trường học tập trong lớp học* -Tạp chí Giáo dục, số 102/2004.

13. Trần Văn Tùng - *Mở rộng quy mô giáo dục đại học là con đường để Việt Nam thu hẹp khoảng cách phát triển* - Tạp chí Giáo dục, số 115, 6/2005.

14. Phạm Viết Vượng - *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, H, 1996.

15. Hoàng Vinh - *Mây vân đề tí luận và thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta*, NXB Văn hoá -thông tin, H, 1999.

16. Phạm Hồng Quang-*hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên-điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo* Tạp chí Giáo dục, số 130, 1/2006.

17. Stanislaw Kowalski - *Xã hội học giáo dục và giáo dục học*, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2003.

18. *Chân dung những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới*, NXB Thế giới, H, 2005.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	2
Chương I. Những vấn đề chung về môi trường giáo dục	6
II. Lịch sử vấn đề nghiên cứu	6
II. Một số khái niệm có liên quan	16
III. Văn hoá giáo dục và văn hoá nhà trường	27
IV. Môi trường văn hoá giáo dục.....	33
Chương II. Môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách.....	46
I. Các thành tố của môi trường giáo dục.....	46
II. Môi trường dạy học trong xã hội hiện đại.....	52
III. Môi trường văn hoá giáo dục trong nền kinh tế thị trường	63
IV. Môi trường văn hoá giáo dục theo cách tiếp cận xã hội học	67
V. Nhân cách và sự hình thành nhân cách người giáo viên	83
VI. Môi trường văn hoá giáo dục ở khu vực miền núi phía bắc việt nam [io].....	96
<i>Chương III. Môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên</i>	<i>106</i>
I. Các vấn đề khảo sát trên đối tượng cán bộ quản lí, giảng viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên	107
II. Các nội dung khảo sát trên đối tượng sinh viên sư phạm	111
III. Kết quả phỏng vấn sâu.....	123
<i>Chương IV. phát triển môi trường giáo dục - những vấn đề đặt ra.....</i>	<i>148</i>

I. Một số vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng, phát triển môi trường văn hoá giáo dục trong các cơ sở đào tạo giáo viên	151
II. Nhóm biện pháp về chuyên môn.....	156
IV. Trách nhiệm của hệ thống quản lí trong việc triển khai các biện pháp	177
V. Sử dụng kết quả nghiên cứu của khoa học giáo dục trong quá trình kiến tạo môi trường giáo dục.....	179
Kết luận.....	183